

# VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

*Hoa sim*

Tr. 57

*Một ngày  
âm ảnh trăm năm...*

Tr. 46

**Quý trọng  
nhân tính**

Tr. 16





**TÔN HOA SEN**

Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



Các bạn khuyết tật xúc động khi giao lưu với Nick Vujicic

**TÔN HOA SEN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN**

**CÁC CƠ QUAN BAN NGÀNH, THÔNG TẤN BÁO CHÍ, CÁC ĐƠN VỊ TỔ CHỨC,  
ĐƠN VỊ TÀI TRỢ, TỔ CHỨC LIFE WITHOUT LIMBS ĐÃ HỖ TRỢ TRONG SUỐT SỰ KIỆN  
NICK VUJICIC ĐẾN VIỆT NAM THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP**



Ban 16 chức trao Cúp và Số tiết kiệm cho 24 Tấm gương ý chí nghị lực Việt Nam.



Nick Vujicic tặng bóng khai mạc tại giải Bóng đá Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt Cúp TÔN HOA SEN 2013.



Nick Vujicic nhận Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh trước 35.000 khán giả tại Sân Văn động Thống Nhất.



Tại buổi chia tay ngày 26/5, Nick Vujicic được tặng món quà đặc biệt là chiếc khăn rằn đậm chất Nam Bộ.





# Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập  
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực  
kiêm Thư ký Tòa soạn  
TRẦN TUẤN MÀN

Phó Tổng Biên tập  
THÍCH TRUNG HẬU  
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự  
NGUYỄN BÔNG

Trình bày  
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành  
Trụ sở Tòa soạn VHPG  
ĐT: (84-8) 3 8484 335  
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo  
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576  
Fax: (84-8) 35265 569  
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn  
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:  
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa  
Số tài khoản: 1487000000B  
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú  
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Chấn chỉnh hoạt động lễ hội ( <i>Hiền Minh</i> )	3
Sương mai	5
Tổ ấn trùng quang ( <i>Trần Quê Hương</i> )	6
Về nhà sư – nhà Phật học Trung Quốc Tinh Vân ( <i>Trần Văn Chánh</i> )	7
Lễ cúng Âm hồn 23 tháng năm ( <i>Lê Thị Chân Tú</i> )	10
Con người hiện đại và câu trả lời của Phật giáo ( <i>Thích Phước Đạt</i> )	12
Quý trọng nhân tính ( <i>Nguyễn Yên</i> )	16
Ý nghĩa sự thực hành Trí huệ Bát-nhã ( <i>Nguyễn Thế Đăng</i> )	19
Thấp thoáng lời kinh – Pháp sư ( <i>Đỗ Hồng Ngọc</i> )	22
Một quan điểm của Phật giáo về quyền động vật ( <i>Ronald Epstein, Quảng Giải trích dịch</i> )	25
Buông dao đồ tể ( <i>Hương Đức</i> )	28
Viên trời nước ( <i>Chơn Hiền</i> )	32
Nay dục lạc đã hết ( <i>Tấn Nghĩa</i> )	34
Con cái và giáo pháp, một bài học vỡ lòng ( <i>Neil Gordon</i> )	36
Mạng xã hội và hành giả Kim Cương thừa ( <i>Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche, Hồng Diệp giới thiệu và dịch</i> )	38
Sao gần sao xa ( <i>Lê Hải Đăng</i> )	40
Xin lỗi và thông cảm ( <i>Hoàng Tá Thích</i> )	42
Cần có một tấm lòng ( <i>Phan Minh Hiền</i> )	44
Một ngày ám ảnh trăm năm... ( <i>Nhụy Nguyên</i> )	46
Trợ tử: Vấn đề của từ bi và trí huệ ( <i>Nguyễn Hữu Đức</i> )	49
Thơ ( <i>Nguyễn Văn Mi, Lê Văn Quân, Hồng Phúc, Thịnh Taxi, Ngân Thương, Nguyễn Cẩn</i> )	52
Lệ phong linh ( <i>truyện ngắn của Thủy Linh Lung</i> )	54
Hoa sim ( <i>Đại Nguyễn</i> )	57
Lan man cùng... hoa dại ( <i>Thảo Nguyên</i> )	59
Lời cảm ơn cuộc sống	61

**Bìa 1: Hoa sim...** Nguồn: [commons.wikimedia.org](https://commons.wikimedia.org)

# Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Trước hết Văn Hóa Phật Giáo xin loan báo đến với quý độc giả một tin vui để cùng chia sẻ; đó là việc Tổ đình Tường Vân, một ngôi danh lam đã có mặt trên vùng đồi núi Dương Xuân thuộc đất Thuận Hóa từ năm 1850, nay được Hòa thượng Thích Chơn Thiện, Tổng Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đứng ra hưng công đại trùng tu và đúc đại hồng chung. Ngày 31-5-2013 (nhằm ngày 22 tháng Tư năm Quý Ty) lễ đặt viên đá đầu tiên để khởi công công trình và lễ chú nguyện đúc chuông đã được tổ chức trọng thể trong khuôn viên Tổ đình, dưới sự chứng minh của các vị tôn túc thuộc Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Thừa Thiên Huế, sự tham dự của các vị lãnh đạo địa phương và sự tham gia đông đảo của chư Tăng Ni cùng quần chúng Phật tử.

Tiếp theo, cũng trong thời gian qua, các hoạt động nhằm kỷ niệm 50 năm ngày Bồ-tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân đã được tiến hành tại nhiều địa phương, đặc biệt là tại tỉnh Khánh Hòa và TP.HCM. Ngoài các buổi lễ tưởng niệm, còn có những cuộc hội thảo, tọa đàm cũng được tổ chức để nêu rõ ý nghĩa hành động hy sinh sáng ngời của ngài Thích Quảng Đức; đáng chú ý là cuộc Hội thảo khoa học với chủ đề "50 năm phong trào tranh đấu của Phật giáo miền Nam (1963-2013)" do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM và Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM đồng tổ chức. Qua các buổi hội thảo tọa đàm đó, bản chất tử bi và trí tuệ thể hiện trong hạnh nguyện của Bồ-tát Thích Quảng Đức đã được làm rõ và công nhận, xóa tan mọi nhận thức nhầm lẫn về công cuộc tranh đấu Phật giáo năm 1963.

Hai Phật sự có ý nghĩa nói trên cùng với vô số hoạt động hàng ngày của Phật tử Việt Nam trên cả nước cho thấy mạng mạch Phật giáo vẫn không ngừng tuôn chảy trong lòng dân tộc, là những sự kiện có tính cách thúc đẩy hơn nữa những cố gắng của tập thể VHPG, không nề hà khó khăn trong việc duy trì sự tồn tại và phẩm chất của tờ báo, góp phần thể hiện tiếng nói của những người công nhận giá trị nhân văn của Phật pháp, quyết tâm bảo vệ và phát triển văn hóa Phật giáo, văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng một xã hội hiền thiện. Mong rằng những cố gắng của chúng tôi luôn luôn được cổ vũ bởi những giúp đỡ tích cực của quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu.

Trong mùa an cư, cầu nguyện Tam bảo gia hộ chư Tăng Ni thành tựu mọi hạnh nguyện suốt thời gian ba tháng tu học để tăng trưởng đạo lực. Kính chúc quý độc giả một mùa an cư đầy phúc lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





# Chấn chỉnh

## Hoạt động Lễ hội

HIỀN MINH

Vừa qua, vào ngày 17-5-2013 tại huyện Mỹ Đức, thủ đô Hà Nội, Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch đã tổ chức một hội nghị nhằm tạm kết luận về công tác tổ chức và quản lý lễ hội mùa xuân Quý Tỵ. Tại hội nghị, đã có ý kiến là đối với những lễ hội có liên quan đến tín ngưỡng và tôn giáo, cần có sự kiên kết giữa ngành văn hóa và Ban Tôn giáo Chính phủ để khắc phục tình trạng lộn xộn của hoạt động lễ hội hiện nay, đồng thời chấn chỉnh văn hóa đi lễ của khách hành hương. Người đưa ra ý kiến này là ông Lương Hồng Quang, Phó Giáo sư Tiến sĩ, hiện là Phó Viện trưởng Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam thuộc Bộ VH-TT-DL. Ông Quang cũng cho rằng vai trò của những vị chức sắc tôn giáo cũng như các ban

quản lý và phụ trách tế tự tại những cơ sở tôn giáo có thể mang tính cách quyết định trong việc hướng dẫn khách hành hương tham gia lễ hội theo đúng nghi thức truyền thống. Ý kiến của ông Quang được đưa ra dựa trên thực trạng việc tổ chức các lễ hội đang có khuynh hướng phình to hơn dự báo và năng lực quản lý của địa phương. Đây cũng là một ý kiến đáng chú ý trong việc tổ chức và quản lý lễ hội hiện nay.

Thực tế của nhiều năm gần đây cho thấy hoạt động lễ hội phát triển cả về mật tần suất và quy mô tổ chức lẫn số người tham dự; nhưng nhìn chung, hầu hết các lễ hội đều thiếu sự quản lý đúng mức và hiệu quả, thiếu định hướng, đi lệch những giá trị văn hóa truyền thống vốn có, mặc dù gây tổn hao thời gian, tiền của nhưng



không mang lại lợi ích thiết thực cho đời sống tinh thần của người dân. Có thể thấy, lễ hội càng được xã hội hóa, càng phát triển thì lại càng “lộn xộn”, “bê bối” và phức tạp hơn; để lại những hình ảnh không đẹp, những ấn tượng xấu cho du khách quốc tế.

Quả thật, người ta không thể tìm thấy dấu ấn văn hóa hay tâm linh nào từ các hoạt động mang đậm màu sắc mê tín dị đoan trong đa phần các lễ hội. Có thể kể: Hồn loạn, giẫm đạp lên nhau, xô xát với nhau, xô đổ hàng rào, treo mình lên xà để... giành ấn mong cầu thăng quan tiến chức hoặc thăng tiến trong nghề nghiệp; đầu cơ ản, buôn bán ản (vốn chỉ là những tờ giấy có đóng sẵn một khuôn dấu chẳng có ý nghĩa gì về thực tế hay về tâm linh) để... kiếm lời; giành giật hoa quả, tiền lễ, đồ cúng... để lấy lộc, như đã xảy ra trong lễ khai ấn vào dịp Lễ hội Đền Trần ở Nam Định được tổ chức từ ngày 14 đến 15 tháng Giêng âm lịch hàng năm. Chèn lấn xin xăm, vay tiền, mua bán lộc của Bà với hy vọng mua may bán đắt làm ăn phát đạt một vốn ngàn lời, như vẫn diễn ra tại miếu Bà Chúa Xứ ở núi Sam tỉnh An Giang vào ngày 15 tháng Giêng hoặc dịp vía Bà suốt từ 23 đến 27 tháng Tư âm lịch. Phá rào, trèo cây, bắc thang để vào được bên trong đền như diễn ra tại Lễ hội Đền Hùng ở Việt Trì, Phú Thọ trong thời gian từ ngày 9 đến ngày 13 tháng Ba âm lịch mà cao điểm là ngày giỗ chính, ngày giỗ Tổ Hùng Vương mừng mười tháng Ba; tại chùa Bái Đính ở Ninh Bình trong thời gian từ ngày 6 tháng Giêng âm lịch đến hết mùa xuân; tại hội Lim ở Tiên Sơn, Bắc Ninh trong các ngày 13, 14 và 15 tháng Giêng âm lịch. Giành giật mua sớ vay tiền, bỏ ra từ vài trăm ngàn đến vài triệu để thuê người cúng vái xin vay vài tỷ tiền ả... cũng của Bà, nhưng lại là Bà Chúa Kho ở Bắc Ninh vẫn diễn ra trong những ngày đầu năm mới âm lịch. Cầm tiền cọ xát, xoa vuốt vào cột trụ, vách tường ở chùa Đồng để cầu may mắn như trong Lễ hội Yên Tử ở Quảng Ninh bắt đầu từ ngày mười tháng Giêng đến hết ba tháng mùa xuân. Ném tiền xuống sông để cầu nguyện như trường hợp khách hành hương ném tiền xuống suối Yến tại Lễ hội Chùa Hương, thuộc Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội, diễn ra từ tháng Giêng đến hết tháng 3 âm lịch. Chưa kể những hiện tượng hái hoa bẻ cành phá cây cảnh ở các nơi thờ tự gọi là lấy lộc, rải tiền lên bàn thờ, nhét tiền vào tay vào chân tượng, đốt đồ minh khí vàng mã, lên đồng nhập cốt, cúng sao giải hạn, xem tử vi bói toán... hầu như ở đâu có lễ hội liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo là cũng có thể nhìn thấy. Đó cũng là chưa kể những hiện tượng nói tục, chửi thề, gây huyên náo mất trật tự, hàng quán nhếch nhác, xả rác và có khi là phóng uế bừa bãi gây mất vệ sinh công cộng.


Du khách nước ngoài cũng có phần e ngại đến Việt Nam tham gia các lễ hội bởi họ không được đảm bảo an toàn, không có được sự thoải mái trước tình trạng chèo kéo mua bán, xin dấu, các dịch vụ với giá đắt cắt

cổ nhưng kém chất lượng, tình trạng mất an ninh trật tự, tệ nạn xã hội quá nhiều. Lễ hội là nơi tập hợp đủ mọi tầng lớp dân chúng. Lợi dụng tình trạng quản lý lộn xộn, những thành phần bất hảo thừa cơ trục lợi ăn theo tìm cách moi tiền du khách kể cả trộm cắp, cướp giật, móc túi, lừa đảo, bán buôn cắt cổ, làm môi giới cho các dịch vụ xem bói, cầu hôn, xin bùa xin phép, kể cả cờ bạc, mại dâm.

Được biết, một trong những mục tiêu quan trọng khi tổ chức lễ hội còn là để giới thiệu với du khách quốc tế về những nét đặc sắc của văn hóa truyền thống dân tộc và phát triển nền công nghệ không khói, công nghệ xanh, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người địa phương bằng nguồn chi tiêu của người nước ngoài. Thế nhưng thực tế cho thấy khách nước ngoài thường chỉ đến một lần rồi... đi không trở lại. Trong khi đó, lượng người tham gia các lễ hội đông nhất vẫn là người trong xứ. Có thể thấy không ít người dân dành nhiều thời gian đình hoãn việc kinh doanh, lao động, sản xuất... để tham gia lễ hội mà không ít người chỉ vì ham vui và mê tín. Theo số liệu thống kê năm 2012, mỗi năm Việt Nam có gần 8.000 lễ hội lớn nhỏ, trong đó có khoảng 7.000 lễ hội dân gian; quy ra mỗi ngày có đến hơn hai chục lễ hội! Vùng miền nào cũng có lễ hội; ngành nghề nào cũng tìm cách tổ chức lễ hội. Các lễ hội lớn thường quy tụ người khắp cả nước đổ về.

Trước thực trạng đó, việc tăng cường công tác quản lý các hoạt động lễ hội là điều hết sức cần thiết. Người ta cũng nhận thấy rằng hầu hết những lễ hội dân gian đều có yếu tố tín ngưỡng. Và như vậy, ý kiến của Ban Tôn giáo Chính phủ trong việc chấn chỉnh hoạt động lễ hội có thể là một điều cần thiết, vì tín ngưỡng tuy là một phạm trù văn hóa nhưng cũng có phần liên quan đến tín ngưỡng; và chẳng, chức năng của Ban Tôn giáo Chính phủ cũng có phần chi phối các sinh hoạt tín ngưỡng. Mặt khác, nhiều lễ hội truyền thống liên quan đến tôn giáo. Vì thế mà việc định hướng khách hành hương thực hiện những hành vi tín ngưỡng theo nghi thức truyền thống khi tham gia lễ hội có lẽ nên có sự đóng góp tích cực của những người làm công tác quản lý tôn giáo nhà nước.

Riêng đối với Phật giáo, giới Phật tử luôn mong mỏi các cấp lãnh đạo Giáo hội có những quy định cần thiết để quản lý và hướng các cơ sở tự viện, Tăng Ni, tín đồ vào các hoạt động văn hóa, tâm linh đúng với tinh thần Chánh pháp và văn hóa truyền thống. Chư Tăng Ni trụ trì tại các tự viện nên có trách nhiệm trong công tác phổ biến Phật pháp, giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức mọi người về ý nghĩa, các giá trị văn hóa, giá trị tâm linh, tinh thần liên quan đến hoạt động lễ hội. Đó là việc làm rất cấp thiết trong tình hình xã hội hóa các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng hiện nay, góp phần phát triển Phật giáo bền vững và phát triển văn hóa đất nước. ■



**Tự thắng mình còn vẻ  
vang hơn thắng kẻ khác.  
Muốn thắng mình phải  
luôn luôn tiết chế lòng  
tham dục.**

*Pháp cú 105*



# TỔ ẤN TRÙNG QUANG

*\*Kính tặng HT.Thích Chơn Thiện – Kỷ niệm ngày Lễ đặt đá đại trùng tu Tổ đình Tường Vân - Huế*

**VỀ** thăm núi Ngự sông Hương  
**HUẾ** hiển thơ mộng thân thương đời đời  
**DỰ** niềm vui đạo hưng thời  
**LỄ** kính Tam bảo người người phụng tôn  
**ĐẤT** nền tảng kết tâm hồn  
**ĐÁ** thiền gia rạng linh sơn nhiệm huyền  
**ĐẠI** hùng lực, đại phúc duyên  
**TRÙNG** quang tổ ấn trang nghiêm thể trần  
**TU** hiển gia cố chân thân  
**TỔ** tổ hoằng hóa truyền nhân suối nguồn  
**ĐÌNH** tiền mai nở thơm hương  
**TƯỜNG** lành như ý chơn thường hồng ân  
**VÂN** từ Nhật Vượng hộ dân  
**KÍNH** thương vô hạn pháp thân Đại thừa  
**NHỚ** linh căn tự ngàn xưa  
**ĐỨC** độ ban rưới móc mưa tụ hiển  
**ĐẠI** bi đại trí hạo nhiên  
**LÃO** Tổ sư... bóng mát thiền phạm âm  
**ĐỆ** thứ vô lượng thậm thâm  
**NHẤT** nhất lan tỏa diệu trầm thăng hoa  
**TĂNG** già mật ứng ma ha  
**THỐNG** tri ba cõi kết tòa thiên hương  
**THƯỢNG** tôn chư Phật mười phương  
**TỊNH** không chơn ngã cát tường nhân gian  
**HẠ** cố hỷ xả đạo tràng  
**KHIẾT** tâm vô lượng khinh an hộ đời  
**VÀ** như lòng lại bồi hồi  
**TRƯỜNG** dưỡng xúc cảm nhớ người kính thương  
**LÃO** ân sư... mãi vấn vương  
**HÒA** đời hòa đạo... lập trường độ Tăng  
**THƯỢNG** tứ thượng đức khôn ngần  
**THÍCH** dòng Phật chủng "truyền đăng" đèn thiền  
**MINH** minh chiếu diệu vô biên

**CHÂU** ngọc ngời sáng đức hiển hoàng dương  
**PHỔ** thiền gia tánh lạc thường  
**PHÁP** mẫu kinh tạng Phật trường triển khai  
**CHỦ** trì phiên dịch hiển bày  
**GIÁO** hóa tứ chúng tương lai am tường  
**HỘI** Tăng Ni, Phật tử thương  
**KHAI** mở gieo hạt bốn phương sen vàng  
**SƠN** lâm phố thị thôn trang  
**THIÊN** môn rạng rỡ ngân vang pháp từ  
**VIỆN** hoằng dương ánh chơn như  
**VẠN** ân vạn đức trượng phu bồ-đề  
**HẠNH** phẩm "tục diệm" xum xuê  
**VIỆN** giáo dục... Tăng Ni về thọ đăng  
**TRƯỜNG** dưỡng chơn tánh thường hằng  
**SÁNG** đời sáng đạo... nhiếp hoằng độ sanh  
**LẬP** nguyện gánh vác hóa hành  
**HỌC** vô lượng pháp tác thành Tăng nhân  
**VIỆN** truyền trao chí, lực, thần  
**PHẬT** trao sứ mạng tiếp phần Như Lai  
**GIÁO** khuyên bá tánh vạn loài  
**VIỆT** dòng Thánh chủng hiển tài xưa sau  
**NAM** thiên vô lượng nhiệm mầu  
**THÀNH** ta bà thọ phúc sâu vô vàn  
**PHỔ** thị nay hiện thuyền trăng  
**HỒ** thành hòa diệu Hương Giang thơm lừng  
**CHÍ** thiêng tỏa ngát hương xuân  
**MINH** minh lóng lánh vạn tầng thiền quang  
**ÂN** Tam bảo đẹp huy hoàng  
**ĐỨC** mẫu tăng trường đạo vàng hưng long  
**VÔ** vi tướng thể tương đồng  
**LƯỢNG** phẩm chiếu diệu tâm hồng mười phương.

*Tổ đình Tường Vân – Huế, 31/5/2013*

**TRẦN QUÊ HƯƠNG**



## Về nhà sư- nhà Phật học Trung Quốc

# Tinh Vân

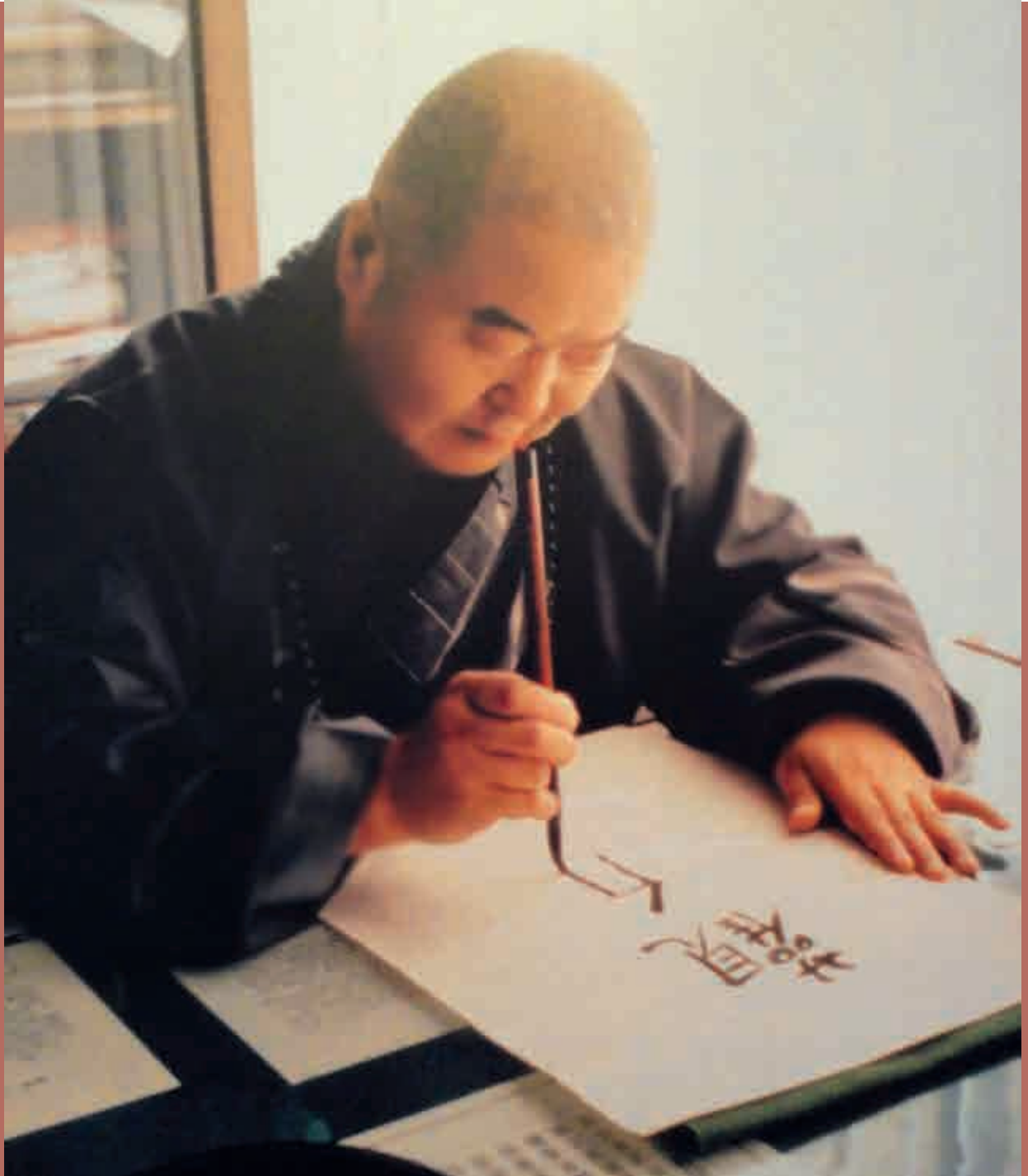
TRẦN VĂN CHÁNH



Về nhà sư-nhà Phật học và hoạt động Phật giáo Trung Quốc Tinh Vân, tuy đã được giới Phật tử Trung Quốc và thế giới biết đến nhiều nhưng lâu nay ở Việt Nam dường như vẫn còn ít có tài liệu viết về ông. Thịnh thoảng mới thấy có bài dịch tác phẩm của ông đăng rải rác trên vài trang mạng Phật giáo (như *Thư Viện Hoa Sen*, *Đạo Phật Ngày Nay*...). Một số trứ tác (gồm sách, bài viết, bài thuyết pháp gom thành sách) của ông mãi thời gian gần đây mới dần dần được dịch sang tiếng Việt, như *Tâm tinh sẽ chia* (NXB Phương Đông, 2011), *Cho người niềm vui* (NXB Phương Đông, 2011), *Nghĩa tinh trân quý* (NXB Phương Đông, 2012)..., đều do Hạnh Đoàn biên dịch. Riêng cuốn *Sao trời mênh mêng* (NXB Tôn Giáo, 2005) được dịch giả Hạnh Đoàn lược dịch từ tác phẩm *Hạo hãn tinh vân* của Lâm Thanh Huyền là một sách viết riêng về nhân vật Tinh Vân.

Trước đó, tác phẩm của ông từng được biết khá sớm tại Việt Nam nhờ tập tiểu thuyết sử truyện tôn giáo hấp dẫn nổi tiếng *Thoát vòng tục lụy* (nguyên tác *Ngọc Lâm quốc sử truyện*, 1954), bản dịch của HT. Thích Quảng Độ, xuất bản tại Sài Gòn năm 1962, sau tái bản nhiều lần, phổ biến rất rộng trong hàng ngũ Phật tử xuất gia cũng như tại gia, và tháng 10 năm ngoái đã được NXB Phương Đông cho in lại.

Từ đầu năm 2013, tác phẩm của Tinh Vân ngày càng được xuất bản nhiều hơn ở Việt Nam. Quyển *Phật giáo và sinh thái tự nhiên* (Phật giáo dữ tự nhiên sinh thái) được coi là công trình Phật giáo đầu tiên bàn về vấn đề bảo vệ môi trường được Đại đức Thích Nhuận Đạt chuyển sang tiếng Việt (NXB Hồng Đức, 1.2013), trong đó tác giả đứng trên quan điểm Phật giáo kết hợp với nhiều loại kiến thức khoa học liên ngành (động- thực vật học, thiên văn học, hóa học...) đã tìm cách giải thích các hiện tượng tự nhiên từ đó đề xuất giải pháp cho các vấn đề phức tạp liên quan đến cuộc khủng



hoảng môi sinh và biến đổi khí hậu hiện đại mà cả nhân loại đều đang lo sợ và phải đối đầu một cách hầu như vô vọng.

Mới đây nhất, cũng trong quý I. 2013, hàng loạt sách của Tinh Vân đã được Công ty sách Thời Đại và NXB Hồng Đức tổ chức biên dịch, đợt đầu ngoài quyển *Đại sư Tinh Vân tự truyện* (Đỗ Khương Mạnh Linh dịch), còn có *Đời sống rộng mở* (Tổ Nga dịch), *Mật mã sinh mệnh* (Nguyễn Phúc An dịch), *Một là bao nhiêu* (Phạm Minh Châu dịch), *Phước đức từ đâu đến* (Lý Thị Lựu dịch). Trong số mấy ấn phẩm vừa kể trên, đặc biệt quyển *Đại sư Tinh Vân tự truyện* do chính tác giả kể lại cuộc đời mình, từ thân phận-hoàn cảnh lúc mới sinh ra cho tới các hoạt động hoằng pháp đến năm 2009 (lúc tác giả 82 tuổi), với chương cuối "Cuộc vận động Phật giáo mới của tôi",

chấm dứt bằng một đoạn kết: "*Còn về tương lai, thế giới vô tận, tôi muốn dũng cảm tiến lên phía trước; cuộc đời vô cùng, vẫn còn phải tiếp tục đi. Đối với những người không có nhân duyên tiếp xúc với Phật giáo, cũng hi vọng đều có thể cùng họ kết thiện duyên; chỉ cần có thể khiến Phật pháp trú chân chốn nhân gian, thì đời tôi đã mãn nguyện lắm rồi!*" (tr. 609). Trong sách, phần cảm động, thành thật nhất là chương viết về người mẹ thất học nhưng bản chất thông minh, hiền lương và ưa làm từ thiện của tác giả, được chuyển tải bằng một thứ văn phong tự nhiên và nhẹ nhàng. Đây có có lẽ là đặc điểm chung của hầu hết những câu chuyện kể về người mẹ, vì trước khi làm được việc gì, chức phận tới đâu, ai cũng có số kiếp chung làm người, có cha có mẹ, và đều đi chung trong cuộc hành trình sinh lão bệnh tử, không



phân biệt từ đại sư, hòa thượng cho đến chú tiểu trong chùa hay người phàm tục ngoài đời.

Được biết, theo Từ điển bách khoa mở tiếng Hán (<http://zh.wikipedia.org/wiki>), mục từ THÍCH TINH VÂN, số lượng tác phẩm đã in thành sách của ông rất đồ sộ, nếu chỉ tính từ năm 1953 đến 2002 đã có đến 120 tác phẩm, phần lớn đã được dịch ra khoảng 20 ngôn ngữ khác nhau trên thế giới (Anh, Pháp, Đức, Hàn, Thái, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Nhật...).

Có thể kể vài tác phẩm tiêu biểu: *Thích-ca Mâu-ni Phật truyện*, *Tinh Vân Đại sư giảng diễn tập*, *Phật giáo từng thư*, *Phật Quang giáo khoa thư*, *Vãng sự bách ngữ*, *Phật Quang khẩn nguyện văn*, *Mê ngộ chỉ gian*, *Đương đại nhân tâm tư trào*, *Nhân gian Phật giáo hệ liệt*, *Nhân gian Phật giáo ngữ lục*...

Hầu hết sách vở, bài viết, bài thuyết pháp của Tinh Vân đều có sức thu hút mạnh mẽ người đọc, người nghe nhờ tính thuyết phục cao, mang lại lợi ích thiết thực, với lối diễn đạt nhẹ nhàng dễ hiểu, gần gũi với cuộc sống thường nhật và cận nhân tình nhưng vẫn không thiếu tính bác học, qua đó thấy được công phu suy tư nghiên cứu thâm hậu của tác giả trên mọi lĩnh vực khoa học và đời sống thực tế.

Về danh hiệu Đại sư mà người ta dùng gọi ông, nếu hiểu theo nghĩa tiếng Việt thì dường như không được khiêm tốn lắm (hơi giống như nói “Thượng sư, Vô thượng sư...”), nhưng thật ra hai chữ “đại sư” theo nghĩa tiếng Hoa chỉ là một trong mười tôn hiệu lớn của Phật, tức Thiên nhân sư, sau trở thành một từ thông thường dùng để gọi tôn trọng các nhà sư Phật giáo (*Hán ngữ đại từ điển*: “Phật đích thập đại tôn hiệu, tức thiên nhân sư. Hậu toại vi tăng nhân đích tôn xưng”).

Tinh Vân hay Thích Tinh Vân, Tinh Vân Đại Sư sinh ngày 19.8.1927, quê ở tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Tên thật Lý Quốc Thâm, hiệu Kim Giác, pháp hiệu Ngộ Triệt. truyền nhân đời thứ 48 chính tông Lâm Tế. Từ Trung Quốc đại lục di cư sang lãnh thổ Đài Loan, sáng lập Phật Quang Sơn (1967) và tổ chức Quốc tế Phật Quang hội (năm 1991, sau năm 2003 trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Phi chính phủ Liên Hiệp Quốc).

Năm 12 tuổi, ông đến xin xuất gia với Hòa thượng Chí Khai Thượng Nhân chùa Đại Giác ở Nghi Hưng. Năm 1947, tốt nghiệp Học viện Phật giáo Tiêu Sơn; năm 1949 đến Đài Loan làm chủ biên cho tạp chí *Nhân Sinh* và chủ nhiệm giáo vụ của Hội giảng tập Phật giáo Đài Loan.

Năm 1957, ông thành lập Trung tâm phục vụ Văn hóa Phật giáo ở Đài Bắc; năm 1962 xây dựng chùa Thọ Sơn và sáng lập Học viện Phật giáo Thọ Sơn; năm 1967 khai sáng Phật Quang Sơn lấy việc hoằng dương “Phật pháp nhân gian” làm tông phong, thiết lập tông chỉ lấy văn hóa hoằng dương Phật pháp, lấy giáo dục bồi dưỡng nhân tài, lấy từ thiện làm phúc lợi xã hội, lấy sự cộng tu để tịnh hóa nhân tâm. Ông dốc sức đẩy mạnh

sự nghiệp hoằng pháp, từ thiện, văn hóa và giáo dục Phật giáo, đồng thời dung hòa cổ kim, đặt ra hệ thống điều lệ, ấn hành *Sổ tay đồ chúng Phật Quang Sơn*, mang đến cho Phật giáo phong cách hiện đại hóa mới mẻ.

Trong suốt thời gian hơn 60 năm, ông đã lần lượt xây dựng hơn 200 đạo tràng ở khắp nơi trên thế giới. Ngoài ra, còn sáng lập bốn trường đại học ở các thành phố lớn như Đại học Tây Lai ở Los Angeles (Mỹ), Phật Quang ở Đài Loan, Nam Hoa và Nam Thiên (đang xây dựng) ở Sydney (Úc). Năm 2006, trường Đại học Tây Lai chính thức trở thành hội viên của Hiệp hội các trường Đại học miền Tây nước Mỹ (WASC), được coi là trường đại học đầu tiên ở Mỹ do người Hoa sáng lập.

Từ năm 1970, lần lượt thành lập cô nhi viện, tịnh xá Phật Quang, Quỹ Từ Bi, xây dựng bệnh viện Vân Thủy và phòng khám Phật Quang, hỗ trợ chính quyền huyện Cao Hùng xây dựng cơ sở cho người già, và cùng với Quỹ Phúc Huệ đến Đại Lục quyên góp, xây dựng mấy chục trường trung, tiểu học Phật Quang cùng bệnh viện Phật Quang, dạy trẻ nhỏ, nuôi dưỡng người già yếu, giúp đỡ người nghèo khổ.

Năm 1976, sáng lập tờ *Phật Quang học báo*, năm sau thành lập Ủy ban biên tu Phật Quang Đại tạng kinh, biên soạn *Phật Quang Đại tạng kinh*, *Phật Quang đại từ điển*.

Năm 1997, cho xuất bản *Trung Quốc Phật giáo bạch thoại kinh điển bảo tạng*, *Phật Quang Đại từ điển* (bản CD), xây dựng kênh truyền hình vệ tinh Phật Quang (Buddha Light TV) (nay đổi tên là kênh truyền hình vệ tinh Nhân Gian), và phối hợp thành lập Đài phát thanh ở Đài Trung.

Năm 2000, sáng lập tờ nhật báo Phật giáo đầu tiên ở Đài Loan với tên *Nhân gian phúc báo*; năm 2001, chuyển thể tạp chí *Phổ môn* đã có từ 20 năm trước thành *Phổ môn học báo* (hai tháng một số), đồng thời thành lập *Pháp tạng văn khố*, tập hợp các luận văn thạc sĩ, tiến sĩ liên quan Phật học của hai bờ eo biển và các luận văn bằng tiếng Hán khắp thế giới, biên tập thành *Trung Quốc Phật giáo học thuật luận điển*, *Trung Quốc Phật giáo văn hóa luận từng*, mỗi loại 100 quyển v.v.

Cả đời, ông đem hết tâm lực hoằng hóa khắp nơi, có đến hàng ngàn đệ tử xuất gia, tất cả đều đến từ các quốc gia khác nhau trên thế giới, tín chúng trên toàn cầu đạt con số vài triệu người. Trong quá trình hoằng dương Phật pháp, ông khởi xướng tư tưởng “Người địa cầu”, nỗ lực phát huy những khái niệm như “Hoan hỉ và dung hòa, đồng thể và cộng sinh, tôn trọng và bao dung, bình đẳng và hòa bình, tự nhiên và sinh mệnh, viên mãn và tự tại, công thị và công phi (phải trái được công nhận), phát tâm và phát triển, tự giác và hành Phật”.

Có thể nói, công lao của Tinh Vân thật to lớn trong quá trình chế độ hóa, hiện đại hóa, nhân gian hóa và quốc tế hóa để phát triển Phật giáo trên quy mô toàn thế giới, và việc tìm hiểu về tiểu sử, tác phẩm của ông chắc chắn sẽ mang lại không ít giá trị tham khảo cho hoạt động Phật giáo tại Việt Nam. ■



# Lễ cúng Âm hồn 23 tháng Năm

LÊ THỊ CHÂN TÚ

**T**rong các ngày lễ lớn của Huế, lễ cúng Âm hồn 23 tháng Năm âm lịch được xem là ngày quan trọng. Nó không nằm trong sinh hoạt tế lễ chung của người Việt mà là một sinh hoạt tâm linh chỉ riêng có ở Huế. Lễ cúng Âm hồn 23 tháng Năm gắn liền với một biến cố lịch sử cách đây 128 năm: Ngày Thất thủ Kinh đô.

Thử nhìn lại một đôi nét lịch sử thời kỳ này. Thực dân Pháp tiến hành xâm lược nước ta. Chúng nổ súng vào Đà Nẵng, đánh chiếm ba tỉnh miền Đông rồi miền Tây Nam Bộ. Đánh Hà Nội và chuẩn bị đánh vào Kinh đô Huế. Ngày 19-7-1883 vua Tự Đức mất. Nhân lúc triều đình Huế tang gia bối rối, ngày 18-8-1883 tàu chiến Pháp kéo đến uy hiếp, nã đạn pháo vào cửa Thuận An. Hai ngày sau, 20-8-1883 Thuận An thất thủ. Ngày 25-8-1883 triều đình Huế buộc phải ký hàng ước nhận sự bảo hộ của Pháp, rút quân khỏi Bắc Bộ (thực chất là giao Bắc Bộ cho Pháp), chấp nhận để Pháp chiếm đóng Thuận An. Thực dân Pháp lấn thêm một bước nữa, buộc triều đình Huế ký tiếp hàng ước ngày 6-6-1884 xác nhận sự bảo hộ của nước Pháp và dành cho quân Pháp vào đóng tại đồn Mang Cá, sát kinh thành Huế.

Vua Tự Đức mất, Hiệp Hòa lên ngôi, sau đó bị phế. Vua Kiến Phúc lên thay, một tháng rưỡi sau cũng mất. Triều đình tôn Hàm Nghi lên ngôi. Bên ngoài, thực dân

Pháp đe dọa. Bên trong, nội bộ triều đình Huế rối ren, chia rẽ giữa hai phe chủ hòa và chủ chiến. Biết được ý đồ đen tối của thực dân Pháp, phe chủ chiến một mặt tích cực chuẩn bị lực lượng và tiến hành phòng thủ; mặt khác, chuyển khí giới, lương thực và châu báu ra Tân Sở (Quảng Trị) với quyết tâm kháng chiến lâu dài.

Ngày 1-7-1885 (tức là ngày 19 tháng Năm năm Ất Dậu), De Courcy, Toàn quyền Trung Bắc, mang quân đến Huế với thái độ khiêu khích trắng trợn. Biết không thể trì hoãn, đêm 4-7-1885 (tức là đêm 22 rạng ngày 23 tháng Năm năm Ất Dậu), đứng đầu phe chủ chiến là Thượng thư Bộ Binh Tôn Thất Thuyết phát lệnh tấn công bất ngờ vào đồn Mang Cá và đồn Pháp cạnh tòa Trú sứ. Mặc dù tướng lĩnh và binh sĩ đều quyết tâm nhưng vì thuốc đạn thiếu, vũ khí quá thô sơ, thông tin liên lạc không chính xác, nên chỉ mấy giờ sau cuộc tiến công thất bại. Vua Hàm Nghi được một số quan lại phò tá ra Quảng Trị rồi lên Tân Sở. Ngày 9-7 vua xuống chiếu Cần Vương.

Quân Pháp từ đồn Mang Cá vào thành, bắn giết, đốt phá, hãm hiếp, cướp bóc... Một cảnh nhân dân chạy giặc vô cùng hỗn loạn và thương tâm xảy ra. Số hy sinh có thể đến hàng nghìn. Con số ấy quá lớn so với một diện tích nhỏ như Thành nội Huế. Không có nhà nào là không có người chết. Từ đó, hàng năm, cứ đến ngày 23 tháng Năm âm lịch người dân Huế tổ chức lễ "Quây cơm chung". Biển



cổ lịch sử đau thương ấy được ghi lại qua sử sách và qua văn học. Bài về *Thất thủ Kinh đô*, một tác phẩm thơ ca dân gian khuyết danh, lưu truyền vào cuối thế kỷ 19, dài 1.264 câu thơ lục bát và lục bát biến thể kể lại sự kiện này. Để tưởng niệm những người đã ngã xuống, năm 1894 đền Âm hồn được lập ra cạnh cửa Quảng Đức. Trước 1937, trong Thành nội có năm đền Âm hồn và những miếu Âm hồn do nhân dân lập nên. Một trong những miếu ấy còn tồn tại cho đến ngày nay tại ngã tư hai đường Mai Thúc Loan và Lê Thánh Tôn. Nghĩa trang trong khuôn viên chùa Ba Đồn, đường Tam Thai là nơi an táng chiến sĩ và đồng bào tử nạn năm Ất Dậu. Trong Thành nội cũng có một con đường mang tên Âm hồn (nay là đường Lê Thánh Tôn).

Đã bao năm qua rồi, những thế hệ người Huế, từ đời này sang đời khác đã kỷ niệm biến cố lịch sử đau thương ấy bằng lễ cúng Âm hồn một cách thành kính và trang trọng. Không phải chỉ một ngày 23 tháng Năm mà kéo dài suốt tuần từ đó cho đến cuối tháng. Nhà nhà đều cúng, không chừa một ai. Không chỉ nhà cúng mà xóm cúng, phường cúng, cơ quan cúng, chợ cúng và đương nhiên trong đó các chùa tổ chức cầu siêu rất trọng thể. Đó có lẽ là một trong những nguyên nhân mà hằng năm các chùa ở Huế thường hay tổ chức trai đàn chẩn tế. Mâm cỗ cúng âm hồn cũng có những nét dân dã, khác biệt. Ngoài mâm cơm, xôi, chè, bánh trái, hoa quả, vàng mã... còn có thêm những sản vật của mùa màng tháng Năm: khoai, sắn, đậu phụng nấu, thơm, mít, dưa hấu... được chia nhỏ thành từng phần. Nói chung là có gì cúng nấy, cần nhất là số lượng, càng nhiều càng tốt. Không cúng trong sân mà đưa ra ngoài ngõ, ngoài đường, thậm chí ở cả ngã ba... Thời các vua nhà Nguyễn, thường cử một vị quan chủ tế. Ngày nay, nhân dân tự nguyện đứng ra tổ chức. Họ quyên góp tiền bạc. Đền bà lo nấu nướng, còn đền ông có nhiệm vụ bày biện, xếp dọn. Cứ nhìn cái cách họ thành kính tụng niệm, dâng hương mới thấy hết ý nghĩa mấy từ "quả cơm chung".

Những ngày cuối tháng Năm âm lịch, không khí ở Huế, đặc biệt là khu vực Thành nội có cái gì đó rất thiêng liêng. Đâu đâu cũng hương trầm nghi ngút. Người sống và người chết hình như giao cảm được với nhau. Những ngày ấy, lang thang trên những con đường rợp bóng trong Nội thành... Dấu xưa còn in lại trên những phiến đá bị mài nhẵn qua thời gian, trong nét rêu phong của thành quách, đền đài... Hồn thiêng của những người nằm xuống như còn phảng phất đâu đây, nương theo gió, lùa qua những mái vòm cong cong của những cửa thành An Hòa, Chánh Tây, Đông Ba, Thượng Tứ, đung đưa đăm đăm lau màu xám bạc chung quanh Hoàng thành...

Những ngày cuối tháng Năm... Tôi dường như thấy lại cảnh chạy loạn tan tác của nhân dân ta năm nào... Cũng như nhân dân Nam Bộ thời Nguyễn Đình Chiểu, người dân Huế lần đầu tiên nghe tiếng súng Tây. Trước mắt lửa cháy, sau lưng đạn vãi như mưa. Họ hoảng loạn. Vua quan chạy trước, dân chúng chạy theo. Kinh

thành Huế trong giờ phút đó biến thành một cái lồng lớn chờ giờ sát sinh. Họ bỏ lại tất cả những gì quý giá nhất. Bàn thờ tổ tiên, ông bà, nhà cửa, tài sản, dắt díu nhau mà chạy, chen chúc nhau mà chạy, giẫm đạp lên nhau mà chạy cố thoát ra khỏi các cổng thành để cứu lấy tính mạng. Có người tìm lối thoát một cách tuyệt vọng bằng cách dùng dây xuống thành. Kết quả ra sao, xin hãy đọc lại một đoạn trong bài *Về Thất thủ Kinh đô* để thấy lại thảm cảnh ấy:

" ... Nhân dân cứ chạy đồn ra  
Phố phường hai dãy cháy mà tan hoang...  
Ai ai cũng sợ súng Tây  
Bắn lên một tiếng đạn bay rầm trời  
Thiên hạ ai cũng chơi vơi  
Kinh thành thất thủ đổi dời về quê  
Hai hàng nước mắt dầm dề  
Cửa nhà cũng bỏ, ra về tay không  
Giàu thời bạc lượng, tiền đồng  
Số sa, gấm nhiễu đều cùng bỏ đi.  
Trời cho Tây thịnh, mình suy  
Quân quan chạy trước, mình thì chạy sau.  
Người nghèo cho chí kẻ giàu  
Phố phường, quán khách chạy sau hàng hà.  
Người thời ra cửa Đông Ba  
Kêu nhau mà chạy như ca (gà) chẹt lồng.  
Súng Tây hấn bắn đi đùng đùng  
Đền đài tan nát, khổ trông nước nhà  
Người thời ra cửa An Hòa  
Người thời ra cửa vậ mà Chánh Tây.  
Lên thành mà lại xuống dây  
Sa tay rớt xuống oan rày hơi oan.  
Trách trong quan tướng không toàn  
Trong thành thiên hạ chết oan đã nhiều.  
Súng mình họ bắn phiêu phiêu  
Súng Tây bắn nhiều chết hết người ta.  
Quản bao của cải, cửa nhà  
Dắt con, diu mẹ, chạy ra khỏi thành.  
Đền bà bỏ củi, bỏ canh  
Bỏ buôn, bỏ bán trong thành mà ra  
Khỏi thành tìm mẹ, tìm cha  
Tìm con, tìm vợ, kêu la tìm chồng.  
Súng Tây nó bắn đi đùng đùng  
Bốn bề thiên hạ hải hùng như chim...".

Mong sao những thảm cảnh bi thương ấy chẳng bao giờ còn tái hiện trên đất nước chúng ta.

Lễ tế Âm hồn 23 tháng Năm âm lịch là một sinh hoạt tâm linh đặc trưng của người Huế. Đó là cái cách người dân kỷ niệm một biến cố xảy ra trên đất Huế, ở một trong những thời kỳ lịch sử đau thương, tang tóc nhất của dân tộc Việt Nam. Tổ chức lễ tế Âm hồn trang trọng và thành kính, không chỉ thể hiện lòng yêu nước, tri ân những chiến sĩ vì nước hy sinh mà còn thể hiện lòng từ bi của Phật giáo. Mở rộng lòng từ đến với tất cả chúng sanh, người sống cũng như người chết. ■



# Con người hiện đại và câu trả lời của Phật giáo

THÍCH PHƯỚC ĐẠT

## **1** Con người hiện đại không hiểu mình

Thời đại hiện nay được đánh dấu bởi những tiến bộ lớn lao của sự thành tựu khoa học kỹ thuật, đưa con người lên tận mặt trăng và những hành tinh khác, tới vũ trụ xa xôi, cũng như đưa con người vào thế giới nhỏ nhiệm nhất của hạt nhân nguyên tử. Thế nhưng, mâu thuẫn thay! Con người lại không hiểu được chính con người là gì. Từ đâu mà nó đến thế gian này? Con người chết đi là hết hay còn đi đâu? Mục đích và ý nghĩa của cuộc nhân sinh là gì...? Đó là những câu hỏi muôn thuở, đã được đặt ra từ khi có con người trên Trái đất, thế nhưng đến nay, vào thế kỷ 21 này, những câu hỏi đó vẫn mang tính thời sự nóng hổi hơn bao giờ hết.

Xem ra, việc tự hiểu chính mình là một vấn đề nan giải của con người từ xưa đến nay. Một khi con người đã tự mình không hiểu được mình, thì cũng không làm chủ được mình. Nhất là trong xã hội hiện đại, nếu sức mạnh của khoa học kỹ thuật mà được đặt vào tay con người không hiểu biết thì nó trở thành sức mạnh phá hoại ghê gớm, hủy diệt mọi sự sống trên hành tinh. Nhà bác học Einstein đã cảnh báo rằng khoa học kỹ thuật là cái búa, mà nhân loại như một kẻ điên rồ. Cái búa đặt vào tay một thằng điên, đó là tấn bi kịch và thảm kịch của nhân loại hiện nay. Do đó, con người của thế kỷ 21 lắm khi phải sống trong mối đe dọa hàng giờ hàng phút của chiến tranh hạt nhân, có thể trong khoảnh khắc quét sạch mọi dấu vết của sự sống trên Trái đất.



Ngày ở các nước phương Tây, trình độ phát triển cao và khả năng sản xuất vật chất dồi dào, con người được sống trong sự sung túc về của cải vật chất không lo nghèo đói thiếu thốn nhưng họ vẫn không có hạnh phúc. Không những thế, chính ở những xã hội này vẫn có những vấn đề mà con người cần giải quyết như các hội chứng bệnh tâm thần và tự tử cao hơn so với các nước khác có một trình độ phát triển và khả năng sản xuất kém hơn. Vì sao vậy? Chỉ có thể kết luận rằng của cải vật chất không phải là tất cả. Người ta không chỉ sống bằng bánh mì, hạnh phúc chân chính không phải ở đây. Con người vì không hiểu mình, không biết rõ những nhu cầu đích thực của mình, cho nên chạy theo của cải vật chất, chạy theo năm món dục lạc không biết chán: của cải, sắc đẹp, tiếng tăm, thức ngon, lười biếng – những điều nhà Phật gọi là tài, sắc, danh, thực, thù.

Sống trong thế kỷ 21, con người có thể tự hào về mình và về những gì mình đã sáng tạo ra trên Trái đất này? Thật là khó nói.

Có thể thấy việc chạy đuổi theo dục lạc đã khiến cuộc sống trở nên thác loạn thuần vật chất khiến con người không còn một giờ phút nào rảnh rỗi để suy nghĩ về chính mình và những vấn đề liên hệ đến con người và xã hội con người đang sống. Họ tin rằng đã có các nhà bác học suy nghĩ thay và giải quyết các vấn đề ấy cho họ. Hãy xem các nhà bác học phương Tây suy nghĩ gì về vấn đề này.

## **2 Khoa học phương Tây tìm hiểu về con người**

Trước tình hình bế tắc và khủng hoảng của xã hội loài người, đã có những nỗ lực lớn lao kéo dài suốt nhiều thế kỷ của nhiều ngành khoa học phương Tây để tìm hiểu con người. Nhân chủng học, tâm lý học, sinh học, sinh lý học, giáo dục học, sư phạm học, đạo đức học, y học, điều khiển học, thông tin học, không kể một số ngành khoa học mới xuất hiện như là giá trị học, di truyền học, toán kinh tế học v.v. Mỗi ngành khoa học như thế tìm hiểu một cạnh khía của con người như là đối tượng nghiên cứu đặc thù của nó. Thí dụ, ngành tâm lý học chuyên nghiên cứu tâm lý con người, ngành y học chuyên nghiên cứu bệnh lý con người và những phương pháp chạy chữa và phòng ngừa bệnh tật. Mỗi ngành đều có phương pháp nghiên cứu riêng, thu thập tài liệu đặc thù. Đặc biệt là trong vài thập kỷ gần đây, với những tiến bộ mới về mặt công nghệ và phương pháp luận, nhiều ngành khoa học đã được trang bị các công cụ nghiên cứu mạnh hơn, tinh vi hơn, phức tạp hơn để thu thập cả một khối lượng dữ kiện và tài liệu khổng lồ; nhưng nhiều khi các kết quả thu thập được lại mâu thuẫn đối chọi nhau, khiến không thể nào tổng hợp và phân tích được. Ngay cả ngành triết học vốn được coi là khoa học của mọi khoa học cũng đành bó tay không thể giải mã nổi những kết quả mà các ngành khoa học đã thu thập được để dựng lên một bức tranh

toàn cảnh về con người. Bởi vì con người vốn là một thể thống nhất mang tính toàn bộ, không thể được phân ra thành từng khúc, từng mảnh để nghiên cứu, sau đó lắp ráp lại các bộ phận đã được nghiên cứu để có một nhận định chính xác và toàn cảnh về con người. Đúng là toàn bộ được cấu thành bằng các bộ phận, nhưng giá trị của toàn bộ không phải là tổng giá trị của các bộ phận cộng lại.

Nhận thức được sự lúng túng của các ngành khoa học chuyên biệt trong việc nghiên cứu về con người, cách đây gần bốn chục năm, triết gia Xô-viết là Pyotr Nikolseovich Fedoseev đã có những nhận định mang tính dự đoán rằng, *"Kết quả là tổng khối lượng tri thức khoa học về con người thực là lớn lao. Thế nhưng, cho đến nay, vẫn chưa có khả năng dựng lên một bức tranh toàn bộ về hoạt động chủ yếu của con người trên cơ sở một khối lượng tri thức như thế. Chúng ta đang đối diện nguy cơ bị tràn ngập bởi số tư liệu tích lũy được, do kết quả nghiên cứu các vấn đề chuyên biệt! Vấn đề không phải là ở chỗ khối tư liệu của các ngành khoa học chuyên biệt ngày càng tăng nhiều, mà còn ở chỗ so sánh đối chiếu và khái quát hóa những tư liệu đó là điều khó khăn, bởi vì chúng có quan hệ tới các ngành khoa học khác nhau, sử dụng những khái niệm và phương pháp nghiên cứu khác nhau..."*<sup>1</sup>.

Tất nhiên, Fedoseev, với tư cách là một triết gia, đặt nhiều hy vọng vào triết học như là ngành khoa học có thể làm tốt chức năng tổng hợp mọi tri thức khoa học về con người. Thế nhưng, vấn đề này không phải đơn giản! Bởi lẽ, ngành triết học phải cung cấp một khái niệm triết học về con người, để hướng dẫn sự phát triển của các ngành khoa học chuyên biệt nghiên cứu con người, cung cấp một phương pháp luận nghiên cứu một cách khoa học và tổng hợp về con người, nghiên cứu hoạt động cụ thể và đa dạng của con người trong hệ thống các quan hệ xã hội, kinh tế, sản xuất, khoa học-kỹ thuật, và tổ chức quản lý. Đó là những công việc mà ngành triết học muốn làm nhưng chưa làm được một cách tốt đẹp. Chưa nói gì về sự phối hợp không phải suôn sẻ, dễ dàng, giữa một bên là ngành triết học muốn giữ vai trò chỉ đạo nghiên cứu, và các ngành khoa học chuyên biệt, đôi khi không công nhận vai trò chỉ đạo đó của ngành triết học.

Người ta đều biết Marx đề xuất khái niệm triết học về con người như một động vật xã hội tích cực *"một tổng hòa các mối quan hệ xã hội"* (Điểm 6 của Luận cương về Feuerbach), như là chủ thể của mọi hoạt động xã hội-thực tiễn và lịch sử. Và chỉ trong hoạt động sáng tạo đó, trong những hình thức cụ thể của hoạt động sáng tạo đó, con người mới tự thể hiện mình như là thể thống nhất hữu cơ của vật chất và tinh thần, của lý tưởng và thực tại, của đạo đức và tình cảm, ý chí v.v. Con người tạo ra những hình thái khách quan cho sự tồn tại của bản thân nó, như kinh tế, nhà nước, khoa học, nghệ thuật và tôn giáo. Như thế nào là mối liên hệ giữa con



người là chủ thể với những hình thái khách quan đó, chúng tồn tại như là những thực tại tương đối độc lập, đối với con người chủ thể đã tạo ra chúng. Triết học Marxism nỗ lực phân tích, lý giải mối liên hệ đó để tìm hiểu về con người.

Con người có thể được tìm hiểu qua nghiên cứu những sản phẩm cụ thể lịch sử đó của hoạt động sáng tạo của con người, tức là những hình thái xã hội và văn hóa.

Không thể triển khai công cuộc nghiên cứu về con người mà bỏ qua việc nghiên cứu những hình thái xã hội và văn hóa, thể hiện những khả năng sáng tạo của con người, thể hiện nhu cầu con người, đối với những điều kiện khách quan tối ưu cho sự tồn tại và phát triển toàn diện của nó. Trong những điều kiện đó, quan trọng nhất là điều kiện lao động, điều kiện cho một sự lao động thật sự tự do và giải phóng. Thực tế, trong suốt quá trình phát triển lịch sử, lao động không những tạo ra con người (biến đổi chân trước thành đôi bàn tay lao động), mà lao động vẫn còn là chỉ tiêu quan trọng của trình độ nhân bản hóa của xã hội và của bản thân con người. Muốn nói, một người sống mà không lao động, trừ những trường hợp ngoại lệ cá biệt, sẽ không phải là con người xứng đáng có nhân phẩm. Đối với xã hội cũng vậy. Một xã hội trong đó một số ít người sống bằng kết quả lao động của đại đa số người khác bị áp bức và bóc lột, không thể là một xã hội nhân bản.

Và đối với cả thế giới cũng vậy. Một thế giới trong đó, đại bộ phận nhân loại phải sống trong cảnh đói nghèo, lạc hậu, vì bị tước những điều kiện lao động tối thiểu do thiếu tài chính và kỹ thuật, một thế giới như thế không thể gọi là một thế giới nhân bản.

Tất nhiên, khi nhấn mạnh bản chất xã hội của con người, chủ nghĩa Mác cũng không quên con người cá nhân cụ thể, với thế giới nội tâm của nó. Nhưng đối với chủ nghĩa Mác, con người cá nhân cụ thể đó, cũng chỉ là hình thái cá nhân của tồn tại và hoạt động xã hội mà thôi. Và khẳng định như vậy, mục đích của chủ nghĩa Mác là giải phóng mâu thuẫn giữa con người và xã hội, giữa con người cá thể và cộng đồng người trong xã hội. Mác viết: "*Con người cá thể là một động vật xã hội. Cuộc sống của nó, dù cho không xuất hiện như là hình thức trực tiếp của một cuộc sống cộng đồng với những người khác cũng vẫn là sự thể hiện và khẳng định của cuộc sống xã hội*"<sup>2</sup>.

Chủ nghĩa Mác có những cống hiến nhất định đối với sự tìm hiểu con người, quan niệm con người là một "*tổng hòa các mối quan hệ xã hội*" thay vì là một cá nhân sống tách biệt lập và đối lập với xã hội. Đó quả là một bước tiến bộ so với chủ nghĩa cá nhân cực đoan.

Mặt khác, có ý kiến cho rằng, con người chỉ là một hạt cát trong vũ trụ bao la, nhưng là một hạt cát có trí tuệ. Hay là nói như Pascal, con người chỉ là một cành lau yếu ớt, nhưng là một cành lau có suy nghĩ (un roseau pensant!).



### 3 Câu trả lời của Phật giáo

Phật giáo nhìn nhận con người là tập hợp năm uẩn tạo thành mà hiện hữu ở đời. Do khát khao nắm giữ năm uẩn mà khổ đau (năm thủ uẩn). Để thoát khỏi xiềng xích giới hạn hai đầu của sinh - diệt, khứ - lai, thường đoạn, nhất - nhị, con người phải quán chiếu về mình, tức là quán chiếu ngũ uẩn giai không.

Điểm đáng nói, triết lý Duyên khởi Phật giáo còn dạy, không ai có thể sống một mình, con người có vô số mối liên hệ chằng chịt giữa con người với con người; con người với thế giới hiện hữu. Chính Đức Phật từng nói: *"Ta tuyên bố rằng trong cái thân hơn một thước này, có cả thế giới và sự tận cùng của thế giới"* (Kinh Rohatissa). Khi nói như vậy, phải chăng Phật muốn bảo, nếu con người có thể hiểu được mình, thì cũng sẽ hiểu được thế giới? Bởi vì trong con người nhỏ bé này, có Phật tánh, tức là cái mầm giác ngộ vốn sáng suốt tròn đầy, chiếu khắp tận cùng thế giới; nhưng chỉ vì bị vô minh, phiền não che lấp, cho nên mới đời đời chịu cảnh sinh, già, bệnh, chết, trôi giạt trong biển cả luân hồi, hết chịu thân này đến mang thân khác.

Về mặt trí tuệ, khi con người hiểu biết được mình thì sẽ hiểu biết được thế giới. Về mặt đạo đức, khi con người hoàn thiện được mình, khi tất cả mọi người đều nỗ lực tự hoàn thiện mình về mặt đạo đức thì loài người sẽ có một xã hội hoàn hảo, một thế giới hoàn thiện và có đạo đức.

Tất nhiên giữa sự hoàn thiện của đạo đức cá nhân và sự hoàn thiện của xã hội có mối liên hệ biện chứng không tách rời. Đạo đức Phật giáo coi trọng ngang hàng hai mặt tu phúc và tu tuệ. Người Phật tử, tại gia hay xuất gia, đều được khuyến khích bồi dưỡng nhiều đức hạnh xã hội cao đẹp để thực hành bốn vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả và thực thi sáu pháp ba-la-mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ... như là những biểu hiện làm nền phẩm chất của của đạo đức Phật giáo.

Đức Phật không bao giờ tự tuyên bố Ngài là một nhà cách mạng hay cải cách xã hội, thế nhưng vào thời của Ngài, khi mà xã hội Ấn Độ cổ đại đang chìm đắm trong sự bất công của chế độ đẳng cấp nghiệt ngã, trong nghi lễ tế đàn mà sự tổ chức được xem là biểu hiện cao nhất của đạo đức, thì Đức Phật vạch ra tính phi lý của chế độ đẳng cấp và tuyên bố trong giáo đoàn của Ngài mọi người đều vứt bỏ giai cấp cũ của mình để trở thành tu sĩ, cũng như các con sông khi chảy vào biển cả thì đều mất tên gọi của chúng mà trở thành một bộ phận của biển cả. Đức Phật lại nói, đạo đức không phải là quan hệ giữa thần thánh và con người, mà là quan hệ giữa những con người với nhau. Đây là cơ sở xây dựng con người tự thân và con người xã hội của Phật giáo trong một thiết chế xã hội dưới cái nhìn Phật giáo.

Rất rõ ràng, đạo Phật hoan nghênh lý tưởng xây dựng một xã hội công bằng và tự do, không có áp bức

và bóc lột, một xã hội trong đó mọi người đối đãi với nhau với tình người thật sự. Một mô hình xã hội như thế từng được vua Asoka, một vị vua sùng tín Phật giáo, xây dựng ở Ấn Độ vào khoảng thế kỷ 3 trước Tây lịch; một xã hội ở đó, theo lời vua Asoka, tiếng trống chiến tranh được thay thế bằng tiếng trống Chánh pháp, tiếng trống đạo đức.

Hồi Đức Phật còn tại thế, khi thuyết pháp cho các vua chúa, đại thần, Ngài cũng thường xuyên lên án chế độ đẳng cấp xã hội bất công và không hợp lý, lên án mọi hành vi bóc lột, áp bức nhân dân lao động từ phía những kẻ giàu có và có quyền lực, khuyến khích tạo lập một xã hội công bằng và thịnh vượng về kinh tế.

Thế nhưng, theo chủ trương nhất quán của đạo Phật thì sự tiến bộ của điều kiện xã hội khách quan sẽ trở thành vô nghĩa, nếu kèm theo không có sự tiến bộ của bản thân con người, trước hết là về mặt đạo đức.

Ở nước ta hiện nay, người ta nói nhiều tới việc lành mạnh hóa quan hệ xã hội. Nhưng quan hệ xã hội là gì, nếu không phải là quan hệ giữa những con người cụ thể. Nếu bản thân những con người cụ thể đã không lành mạnh, không tiến bộ, thì làm sao có những quan hệ xã hội lành mạnh và tiến bộ được. Suy nghĩ hợp lý thì phải như vậy. Thế nên, trong thông điệp của Phật giáo ngay từ buổi đầu du nhập nước ta, Mâu Tử đã phát biểu qua tác phẩm *Lý hoạc luận*: *"Ở trong nhà thì hiếu thảo với mẹ cha, ra ngoài xã hội thì giúp nước hộ dân, khi ngồi một mình thì phải biết tu thân"*.

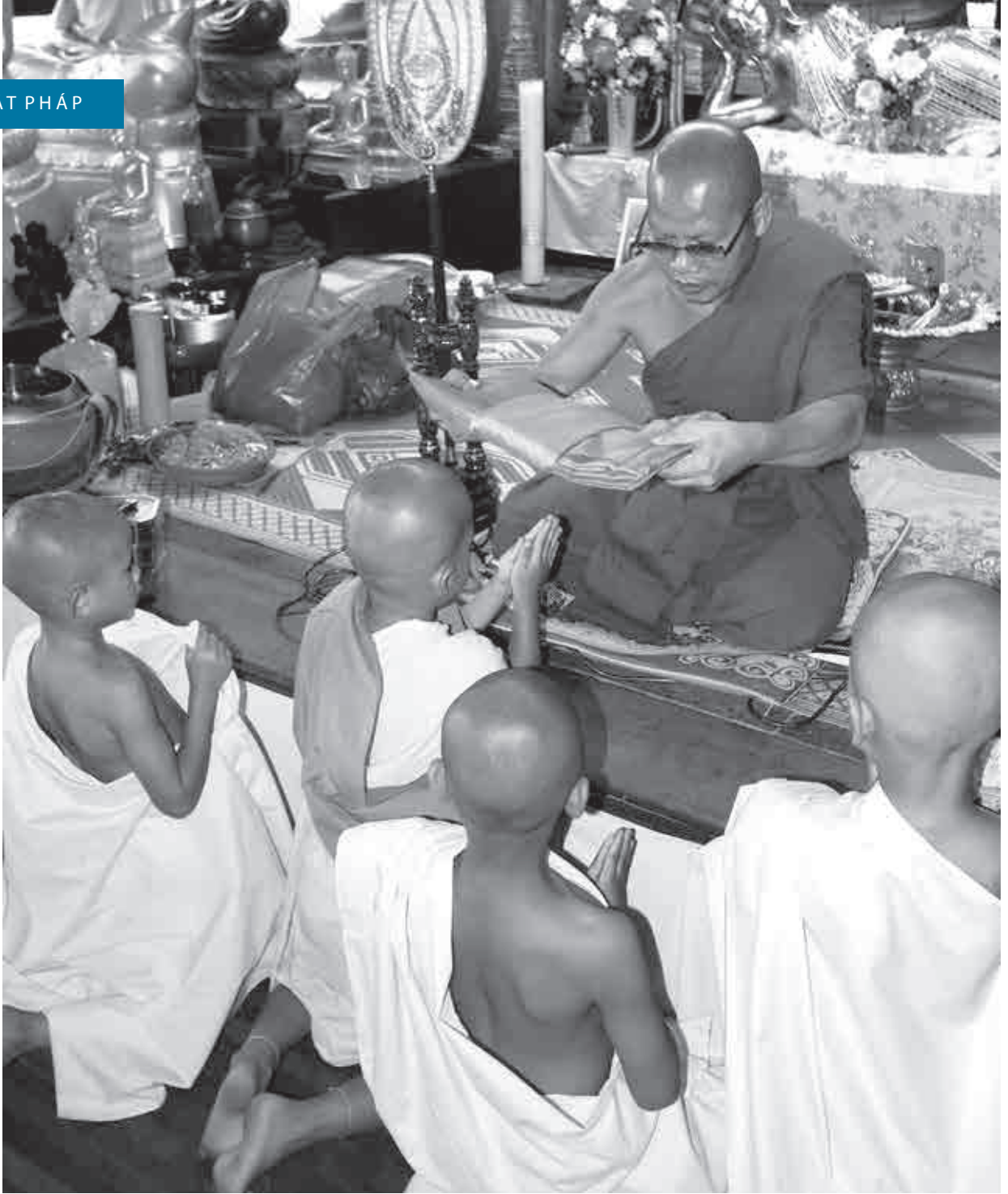
Thực tế, người ta nói nhiều đến việc giải phóng con người ra khỏi những điều kiện sinh sống và lao động tồi tệ, không xứng đáng là của con người của thời đại văn minh ngày nay. Nhân loại đang hướng đến xây dựng một xã hội hòa bình, an lạc, văn minh. Đạo Phật hoan nghênh một công việc làm như thế, và khuyến cáo mọi người Phật tử trên thế giới tham gia vào công việc tốt đẹp đó. Nhưng đồng thời, đạo Phật cũng khuyến khích mọi người, Phật tử cũng như không là Phật tử, phải nỗ lực giải phóng bản thân mình ra khỏi ba độc tham, sân, si, nghĩa là phải có một nỗ lực lớn về mặt đạo đức bản thân, phải thành tựu được những tiến bộ thật sự về mặt đạo đức, nếu không, những tiến bộ của điều kiện ngoại cảnh sẽ chỉ là tạm thời, vô nghĩa. Đây là bài học của lịch sử muôn thuở mà Phật giáo muốn nói.

Là người con Phật, thiết nghĩ, bất cứ ai đang sống trong xã hội hiện đại cũng khát khao nỗ lực hướng đến xây dựng một xã hội tự do và hạnh phúc, một cõi Phật ngay giữa đời này. ■

#### Chú thích:

1. Piotr Fedoseev – Con người trong thế giới hiện đại. Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 2 năm 1988, bản Anh ngữ tr. 9).

2. Các Mác, *Bút thảo kinh tế và chính trị năm 1844*, Mátxcova, 1976 tr.98.



# Quý trọng nhân tính

NGUYỄN YÊN

**B**à-la-môn Esukàrì nói lên chủ trương của các Bà-la-môn về bốn loại phụng sự và hỏi Đức Phật có ý kiến gì về chủ trương này:

1. Bà-la-môn phụng sự cho Bà-la-môn, Sát-đế-ly phụng sự cho Bà-la-môn, Phệ-xá phụng sự cho Bà-la-môn, Thủ-đà phụng sự cho Bà-la-môn.

2. Sát-đế-ly phụng sự cho Sát-đế-ly, Phệ-xá phụng sự cho Sát-đế-ly, Thủ-đà phụng sự cho Sát-đế-ly.

3. Phệ-xá phụng sự cho Phệ-xá, Thủ-đà phụng sự cho Phệ-xá.

4. Thủ-đà phụng sự cho Thủ-đà.

Đức Phật cho rằng chủ trương phụng sự của các Bà-la-môn chỉ là một sự áp đặt độc đoán lên đời sống và suy



nghe của người khác, khiến cho các tầng lớp khác phải chấp nhận đặc quyền tối cao của giai cấp Bà-la-môn. Việc làm này chẳng khác gì bắt ép một người nghèo khổ, không một xu dính túi, phải nuốt một miếng thịt và phải trả tiền cho miếng thịt oan nghiệt ấy.

Đức Phật không phủ nhận sự tồn tại của các tầng lớp khác nhau trong đời sống xã hội, nhưng Ngài không chấp nhận quan niệm cho rằng con người là cao sang hay hạ liệt do sinh ra trong một giai cấp nào đó; bởi theo nhận xét của Ngài thì người tốt và người xấu đều có thể được tìm thấy hiện diện trong các giai cấp<sup>1</sup>. Trong quan hệ giữa người và người, Đức Phật đề cao nhân tính và sự tiến bộ đạo đức nhân tính, xem đó là tiêu chí để con người thiết lập mọi quan hệ<sup>2</sup>. Ngài không tán đồng việc người này phải phụng sự người kia hay ngược lại, vì sinh ra trong một giai cấp nào đó hoặc vì lý do giàu nghèo. Ngài hiểu rõ sức mạnh của các thế lực xã hội và áp lực của đời sống kinh tế nhưng cho rằng đức hạnh của con người mới thật sự xứng đáng để cho con người nương tựa và học tập lẫn nhau. Quan điểm phụng sự của Ngài là như thế này:

*“Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng, tất cả cần phải phụng sự. Nhưng này Bà-la-môn, Ta cũng không nói rằng, tất cả không cần phải phụng sự. Vì rằng, này Bà-la-môn, nếu có ai trong khi phụng sự, trở thành xấu hơn, không trở thành tốt hơn, Ta không nói rằng, người đó cần phải phụng sự. Nhưng này Bà-la-môn, nếu có ai trong khi phụng sự, trở thành tốt hơn, không trở thành xấu hơn. Ta nói rằng, người đó cần phải phụng sự. Và này Bà-la-môn, nếu có người hỏi vị Khattiya như sau: “Người phụng sự cho Ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không trở thành tốt hơn; hay người phụng sự cho Ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không trở thành xấu hơn. Và như vậy Ông ở đây cần phải được phụng sự bởi người nào?”. Vị Khattiya, này Bà-la-môn, nếu trả lời chân chánh cần phải đáp như sau: “Người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không tốt hơn, thì tôi không cần người ấy phụng sự tôi. Nhưng nếu người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không xấu hơn, thì tôi cần người ấy phụng sự tôi”. Và này Bà-la-môn, nếu có người hỏi Bà-la-môn... Này Bà-la-môn, nếu có người hỏi Vessa... Này Bà-la-môn, nếu có người hỏi Sudda như sau: “Người phụng sự cho Ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không trở thành tốt hơn; hay người phụng sự cho Ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không trở thành xấu hơn. Và như vậy, Ông ở đây cần phải được phụng sự bởi người nào?”. Người Sudda, này Bà-la-môn, nếu trả lời chân chánh cần phải đáp như sau: “Người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không tốt hơn, thì tôi không cần người ấy phụng sự tôi. Nhưng nếu người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không xấu hơn, thì tôi cần người ấy phụng sự*

*tôi”. Do vậy, này Bà-la-môn, Ta không nói tất cả cần phải phụng sự. Nhưng này Bà-la-môn, Ta cũng không nói tất cả không cần phải phụng sự. Này Bà-la-môn, người nào phụng sự, do nguyên nhân phụng sự này, lòng tin được tăng trưởng, giới được tăng trưởng, sự nghe được tăng trưởng, bố thí được tăng trưởng, trí tuệ được tăng trưởng, Ta nói người ấy cần phải phụng sự”<sup>3</sup>.*

Chúng ta đọc thấy cái nhìn rất nhân bản và rõ ràng của Đức Phật trong quan niệm về phụng sự. Đó là thái độ chân chính của người phụng sự và người được phụng sự đối với vấn đề đạo đức và hạnh phúc của con người nói chung. Con người cần có thái độ tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau trong đời sống thiết lập hạnh phúc bằng cách tạo điều kiện và khuyến khích sự tiến triển về đạo đức và nhân tính. Người phụng sự cần nhận rõ việc phụng sự hay hầu hạ người nào đó có thực sự giúp cho mình tốt đẹp hơn không, nghĩa là có giúp cho mình tăng trưởng lòng tin đối với thiện pháp, tăng trưởng đạo đức, tăng trưởng nghe pháp, tăng trưởng tâm bố thí, tăng trưởng trí tuệ hay không. Nếu việc phụng sự hay hầu hạ thực sự đem lại cho mình những điều tốt đẹp như vậy thì người ấy cần nỗ lực làm tốt công việc phụng sự. Trái lại thì cần phải tìm cách từ khước. Tương tự, người được phụng sự cũng cần phải có thái độ chính đáng đối với người phụng sự cho mình, phải có trách nhiệm làm cho người phụng sự đạt được lợi ích tiến bộ, nghĩa là phải xét đến việc người phụng sự có trở nên tốt đẹp hơn không, có tăng trưởng lòng tin đối với thiện pháp, tăng trưởng đạo đức, tăng trưởng nghe pháp, tăng trưởng tâm bố thí, tăng trưởng trí tuệ hay không khi phụng sự cho mình. Nếu được như vậy thì nên để cho người ấy phụng sự hầu hạ mình, trái lại thì không nên bắt ép người ta phụng sự hay hầu hạ mình.

Nhìn chung, sự phân tích minh bạch của Đức Phật về quan điểm phụng sự là một cái nhìn nhân bản, hoàn toàn khác biệt với chủ trương phụng sự của các Bà-la-môn. Chủ trương của các Bà-la-môn chỉ là một sự áp đặt độc đoán, xem nhẹ nhân tính, thiếu trí tuệ và tình người; trong khi quan niệm của Đức Phật phản ánh thái độ khách quan, tôn trọng nhân tính, sáng suốt và đầy tình người. Các Bà-la-môn dùng uy quyền giai cấp để ép buộc người khác phải phụng sự cho mình, không cần biết mình có xứng đáng để được phụng sự hay không. Trái lại, Đức Phật đề cao nhân tính, đề cao đức hạnh, xem đức hạnh và trí tuệ là tiêu chuẩn để con người tìm đến với nhau, nương tựa lẫn nhau, học tập lẫn nhau và cùng nhau tiến bộ: *“Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử sống tại làng hay tại thị trấn. Tại đấy có gia chủ hay con người gia chủ, những trẻ được nuôi lớn trong giới đức, hay những người lớn tuổi được lớn lên trong giới đức, đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ, vị ấy làm quen, nói chuyện, thảo luận. Với những người đầy đủ lòng tin, vị ấy học tập với đầy đủ lòng tin. Với những người đầy đủ giới đức, vị ấy học tập với đầy đủ*



giới đức. Với những người đầy đủ bố thí, vị ấy học tập với đầy đủ bố thí. Với những người đầy đủ trí tuệ, vị ấy học tập với đầy đủ trí tuệ. Đây là *Byagghapajja*, đây gọi là làm bạn với thiện”.<sup>4</sup>

Cứ theo tiêu chí lời Phật dạy thì việc phụng sự người khác đích thực là một việc làm lợi ích và hạnh phúc. Vì ở đó con người không bị xem nhẹ, không bị ngược đãi, không làm việc với tâm khổ tâm ưu, với nước mắt đầy mặt; trái lại, con người được tôn trọng, được tự do, được khuyến khích tiến bộ về đạo đức và nhân tính. Một môi trường sống và làm việc đầy tính nhân văn như vậy thì con người sẽ đạt được lợi ích và hạnh phúc; tuy có giai cấp nhưng sẽ không có áp bức, không có đấu tranh giai cấp; tuy có người làm chủ kẻ làm công nhưng sẽ không có chuyện tạt đổ, oán ghét lẫn nhau; vì ở đây con người tìm thấy chính mình, tìm thấy tiến bộ lợi ích trong môi trường làm việc, sẽ tự giác tự nguyện làm tốt mọi phận sự của mình.

Xem ra, con người mà biết ăn ở với nhau giống như lời Đức Phật dạy thì cuộc sống sẽ từ hòa và đáng quý biết bao! Đáng tiếc là do dục vọng chi phối quá mạnh, con người không còn làm chủ được bản thân mình, nên trong cách ăn ở với nhau người ta thường dùng quyền nhiều hơn dùng đức, dùng tiền nhiều hơn dùng tình; cũng chính vì thế mà nhân quyền tuy được cổ vũ và tung hô rộng khắp nhưng nhân tính thì ít được phát triển.

Do nghiệp lực chi phối và dẫn dắt mà con người sinh ra ở đời lãnh thọ nhiều hoàn cảnh và thân phận khác nhau. “*Chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Có người đoan thọ, có người trường thọ; có người nhiều bệnh, có người ít bệnh; có người xấu sắc, có người đẹp sắc; có người quyền thế nhỏ, có người*

*quyền thế lớn; có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn; có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý; có người trí tuệ yếu kém, có người có đầy đủ trí tuệ.*”<sup>5</sup> Người con Phật hiểu rõ đạo lý giác ngộ do bậc Đạo sư giảng dạy nên trong cách đối nhân xử thế người ta biết ăn ở từ hòa, nỗ lực tu nhân tích đức, gieo trồng thiện nghiệp, thể hiện lòng từ bi thương quý con người, quý trọng nhân phẩm, lấy sự phát triển nhân tính của tự thân và người khác làm mục tiêu cho mọi nỗ lực trong đời sống hàng ngày. Bậc Đạo sư khuyến dạy các học trò mình như vậy:

“*Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình đầy đủ giới hạnh và khuyến khích người khác đầy đủ giới hạnh; tự mình đầy đủ thiện định và khuyến khích người khác đầy đủ thiện định; tự mình đầy đủ trí tuệ và khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ; tự mình đầy đủ giải thoát và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát; tự mình đầy đủ giải thoát tri kiến và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát tri kiến. Đây đủ năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho mình và đem lại hạnh phúc cho người*”<sup>6</sup>

“*Thánh đệ tử tự mình từ bỏ sát sanh và khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho và khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục và khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình từ bỏ nói láo và khuyến khích người khác từ bỏ nói láo; tự mình từ bỏ nói hai lưỡi và khuyến khích người khác từ bỏ nói hai lưỡi; tự mình từ bỏ nói lời thô ác và khuyến khích người khác từ bỏ nói lời thô ác; tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm và khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm; tự mình không tham và khuyến khích người khác không tham; tự mình không có sân tâm và khuyến khích người khác không có sân tâm; tự mình có chánh kiến và khuyến khích người khác có chánh kiến*”<sup>7</sup>

Đó chính là lẽ sống sáng suốt, đầy hiểu biết và tình thương, đưa đến lợi mình lợi người mà người con Phật, xuất gia cũng như tại gia, nỗ lực thể hiện trên cuộc đời. Hẳn nhiên, do nghiệp duyên sai biệt mà chuyện đời khó toàn vẹn như lòng người mong muốn. Nhưng dù sao thì một thái độ sống biết thương quý con người, quý trọng nhân tính như Đức Phật đã chỉ dạy vẫn là niềm mong ước đáng được nuôi dưỡng, đáng được nỗ lực học tập và theo đuổi bởi mỗi người chúng ta trong thế giới có sự hiểu biết vượt trội được mệnh danh là nhân loại. ■

**Chú thích:**

1. Kinh Khởi thế nhân bốn, Trường Bộ; Kinh Esukàri, Trung Bộ.
2. Kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt, Trường Bộ.
3. Kinh Esukàri, Trung Bộ.
4. Kinh Dighajànu, Tăng Chi Bộ.
5. Kinh Tiểu nghiệp phân biệt, Trung Bộ.
6. Kinh Hạnh phúc cho ai (4), Tăng Chi Bộ.
7. Kinh Hai mươi pháp, Tăng Chi Bộ.





## Ý nghĩa sự thực hành Trí huệ Bát-nhã

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

**S**au đây chúng ta tìm hiểu đường lối và công hiệu của việc thực hành trí huệ Bát-nhã. Trí huệ Bát-nhã soi thấy tánh Không nhằm chủ yếu vào những hiệu quả nào? Người ta đạt đến cái thấy tánh Không bằng cách nào?

*Kinh Đại Bát-nhã* nói mục đích của kinh là đạt đến thực tại bốn nguyên và tối hậu là tánh Không. Tánh Không này còn được gọi bằng nhiều tên khác như “thật tướng của tất cả các pháp, chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, pháp định, thật tế, tánh chẳng hư dối, tánh chẳng biến khác, tánh bình đẳng, hư không giới, bất tư nghì giới”. Nhưng kinh nói nhiều nhất về tánh Không và trí huệ Bát-nhã nhìn thấy và tương ứng với tánh Không.

### 1 Phá tướng để hiển tánh

Sanh tử là do tướng và tướng. Giải thoát khỏi sanh tử là thoát khỏi hay phá trừ các tướng và tướng. Người ta

thấy thực tại tánh Không khi cởi bỏ được những tướng và tướng che đậy trạng thái thật của chính mình và của tất cả mọi sự. Sự che đậy này là vô minh. Trạng thái thật của mình và của mọi sự là không có tự tánh hay là tánh Không.

Thế nên kinh nói: Sắc thọ tướng hành thức là Không, vô tự tánh, vô sở hữu, bất khả đắc. Điều đó áp dụng cho tất cả các pháp, kể cả những pháp để thực hành và những pháp là mục đích của sự thực hành.

Chúng ta trích một đoạn để thấy điều này:

“Sắc bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Thọ tướng hành thức bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Nhân nhĩ tỷ thiệt thân ý bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy...”

“Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Dục giới, sắc giới, vô sắc giới bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Bốn thánh đế bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Vô minh bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Hành, thức, danh sắc, cho đến sanh, lão, tử bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy.

“Bốn thiên, bốn vô lượng, bốn vô sắc định bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Bốn niệm xứ bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Bồ thí, trì giới cho đến bát-nhã ba-la-mật bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Như Lai bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy.

“Các pháp chẳng xuất chẳng sanh, chẳng mất chẳng diệt, vô nhiễm vô tịnh, vô đắc vô vi. Như vậy gọi là nghĩa rốt ráo tịnh.

“Đại Bồ-tát khi học như vậy, là đối với tất cả pháp đều vô sở học. Vì sao thế? Các pháp vốn là vô sở hữu. Nếu đối với pháp vô sở hữu như vậy, chẳng có thể thấu hiểu thì gọi là vô minh” (Phẩm *Bát-nhã hành tướng*, hội thứ 1).

Chúng ta thấy, trong đoạn kinh này, Không không có nghĩa là phủ định tất cả. Những cái bị phủ định ở đây là các tướng và tướng bám che “thật tướng của tất cả các pháp”. Kinh vẫn đồng thời khẳng định thực tại tối hậu là tánh Không thanh tịnh, không bị che phủ bởi vô minh, không có sanh tử, không sanh không diệt, “vì rốt ráo tịnh vậy”.

Khi nói về tánh Không, kinh lặp đi lặp lại đầy đủ không bỏ sót một pháp nào. Chẳng hạn nói, “các Bồ-tát chẳng nên trụ từ sắc thọ tưởng hành thức, cho đến mười hai xứ, mười tám giới, đất nước lửa gió, bốn thánh đế, mười hai nhân duyên sanh, bốn thiên, sáu ba-la-mật, bốn niệm xứ, mười lục, mười tám pháp bất cộng cho đến nhất thiết trí tướng”, thậm chí cho đến chẳng nên trụ chân như, pháp giới, pháp tánh, thật tế... .

Tiếp đó kinh nói thêm: “Nếu Bồ-tát tu hành bát-nhã ba-la-mật-đa mà không có phương tiện thiện xảo, thì bị chấp ngã và ngã sở ràng buộc quấy nhiễu, nên tâm bèn trụ sắc, trụ thọ tưởng hành thức... cho đến trụ tất cả tam muội”.

Rồi tiếp theo, “Sắc chẳng nên nhiếp thọ, thọ tướng hành thức chẳng nên nhiếp thọ”. Lại nói “Tất cả các pháp chẳng nên nhiếp thọ, từng nhóm pháp một”. Và kết luận đoạn này, “Vì sao thế? Vì tất cả pháp tự tướng đều Không, năng thủ sở thủ đều bất khả đắc vậy” (Phẩm *Vô trụ*, hội thứ 1).

Với sự lặp đi lặp lại từng pháp một, không bỏ sót pháp nào, kinh triệt hạ, quét sạch tất cả tướng và tướng tạo ra chấp trước mà một con người như chúng ta có thể có.

Những phá nát, cắt đứt (Năng đoạn Kim cương), triệt hạ tất cả tướng và tướng của vô minh che phủ, làm bày lộ thực tại tánh Không, vô tướng, vô niệm, vô trụ, vô sở, vô sở hữu, bất khả đắc...

## **2** Trí huệ tánh Không phối hợp với các hạnh

Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, các hạnh ba-la-mật này đều được phối hợp với bát-nhã, tức là trí huệ tánh Không. Cho đến “tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh”, hạnh tổng quát và cao nhất của Bồ-tát cũng được phối hợp với trí huệ tánh Không.

“Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật, tức chẳng phải là trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm”. “Tu-bồ-đề! Ý

ông thế nào? Các ông chớ nói Như Lai có tướng như vậy: ‘Ta phải độ chúng sanh. Tu-bồ-đề, chớ tưởng như vậy. Vì sao thế? Bởi thật không có chúng sanh nào để Như Lai độ cả’ (Kinh *Kim Cương*).

Như chính đầu đề kinh, kinh *Đại Bát-nhã*, kinh *Đại Trí huệ*, hệ thống các kinh *Bát-nhã* lấy Trí huệ tánh Không làm Nền tảng, Con đường, và Quả. Trí huệ tánh Không là Nền tảng cho mọi hạnh của Con đường Bồ-tát. Cuộc đời Bồ-tát diễn tiến trên Nền tảng trí huệ tánh Không.

Bát-nhã gắn liền với sinh hoạt hàng ngày. Đi đứng nằm ngồi, nói nín, quét sân, làm ruộng, thắp hương, tụng kinh, ngồi thiền... đều gắn liền với trí huệ Bát-nhã. Thiền tông là sự thể hiện trí huệ Bát-nhã trong đời sống hàng ngày. Bởi thế nên Thiền tông vẫn phát triển mạnh mẽ trong đời sống ngày nay.

Trí huệ Bát-nhã có thể thể hiện trong mọi sinh hoạt hàng ngày. Có một nơi nào mà không có sắc thọ tưởng hành thức, có một nơi nào mà không có sắc thanh hương vị xúc pháp...? Như vậy, có một nơi nào mà không có sắc thọ tưởng hành thức Không, có một nơi nào mà không có sắc thanh hương vị xúc pháp Không.

Thực hành trí huệ Bát-nhã là tương ứng với tánh Không trong bất kỳ thời gian nào không gian nào. Cho đến lúc toàn bộ đời sống là sự hiện bày của tánh Không.

## **3** Đi đến vô trụ, vô tướng, vô niệm, không hý luận

Vô sở trụ, vô tướng, vô niệm, không hý luận là những từ thường được lập đi lập lại trong kinh.

“Đức Phật dạy: Đại Bồ-tát nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế mà tâm chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng hãi, chẳng chìm, chẳng đắm, cũng chẳng lui bỏ việc cầu giác ngộ vô thượng, với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vui mừng muốn nghe, thọ trì đọc tụng, thông hiểu rốt ráo, buộc niệm suy nghĩ, tinh tấn tu hành, tâm không nhàm mỏi. Đại Bồ-tát này luôn luôn tùy thuận tiếp nối, hướng đến nhập vào Nhất thiết trí trí. Nên thật hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế” (Phẩm *Điều phục tất cả tham*, hội thứ 2).

“Vui mừng muốn nghe, thọ trì đọc tụng, thông hiểu, buộc niệm suy nghĩ, tinh tấn tu hành, tâm không nhàm mỏi”, nghĩa là Văn, Tư, Tu tánh Không. Hơn nữa sự Văn, Tư, Tu này là liên tục trong từng niệm niệm: “luôn luôn tùy thuận tiếp nối, hướng đến nhập vào”. Với sự càn quét đi, càn quét lại các tướng và tướng, tánh Không sẽ không còn bị che ngăn, dần dần hiện bày, vì tánh Không thì luôn luôn hiện tiền từ vô thủy đến vô chung.

Trong đời sống hàng ngày, với sự tùy thuận, tương ứng thường xuyên trí huệ Bát-nhã người ta đi vào tánh Không vô tướng, vô trụ, vô niệm, không hý luận.

Khi không còn chấp trước, phân biệt với các tướng, tâm người ta đạt đến vô tướng, hay là tánh Không. Vô tướng không có nghĩa là không có tướng nào cả, một màn hình hay một tấm gương trống không, mà vô tướng nghĩa là màn hình hay tấm gương vẫn có các



tướng, nhưng các tướng ấy có bản chất là tánh Không, vô tự tánh, nghĩa là các tướng ấy vốn là giải thoát.

Khi không còn trụ vào các tướng, tâm người ta được tự do, trở thành vô trụ như tánh Không.

Khi không còn các niệm phân biệt của thức hư vọng (biến kế sở chấp) tâm người ta trở thành vô tâm, vô niệm như tánh Không. Vô niệm không có nghĩa là không có tư tưởng. Mà vô niệm vì bản tánh của tâm vốn là thanh tịnh, vốn là tánh Không, không thể bị ô nhiễm bởi những tư tưởng:

“Tâm này vì sao bản tánh của nó là thanh tịnh? – Bản tánh tâm này chẳng tương ưng với tham sân si và mọi thứ tâm niệm, mà cũng chẳng phải chẳng tương ưng. Xá-lợi tử, Tâm này bản tánh thanh tịnh như thế” (Phẩm *Khuyến học*, hội thứ 2).

Đạt đến tánh Không vốn thanh tịnh của tâm, khi những tư tưởng sanh khởi từ một tâm thanh tịnh không ô nhiễm như thế, thì chính những tư tưởng cũng thanh tịnh không ô nhiễm. Khi ấy những tư tưởng cũng chính là tánh Không, cũng chính là giải thoát.

Với một tâm vô tướng, vô trụ, vô niệm như thế, người ta tương ưng và an trụ trong tánh Không. Đó là sự giải thoát. Tâm hoàn toàn bình an, tự do và giải thoát, không còn vướng ràng buộc vào một ý niệm vi tế nào. Nó không còn nghĩ ngược nghĩ xuôi, trôi nổi theo những ý niệm vi tế, những quan điểm thế này thế nọ. Đây là một tâm “vô hý luận”.

Hý luận là những bàn luận chơi, những lý luận suông một cách vô ích về những điều không có thật. Chẳng hạn lý luận về lông rùa sừng thỏ là sanh hay diệt, dơ hay sạch, tăng hay giảm, một hay nhiều... là hý luận. Suy nghĩ bàn luận về bốn câu: có, không, vừa có vừa không, không có không không, là hý luận. Người xưa nói: lia bốn câu, dứt tuyệt một trăm cái phủ định (ly tứ cú, tuyệt bách phi), đây là một tâm vô niệm hay tâm vô hý luận.

Ở trong chân lý tuyệt đối (chân đế) thì sắc thọ tướng hành thức cho đến tất cả các pháp đều là hý luận. Do đó, sanh tử chỉ là hý luận.

Một tâm không hý luận là một tâm dứt bật với mọi ý niệm sanh tử, một tâm hoàn toàn Niết-bàn.

#### **4** *Tánh Không cứu thoát tất cả*

Phẩm *Ma ha tát*, hội thứ 1, nói:

“Khi ấy Xá-lợi tử hỏi Tu-bồ-đề rằng: Nếu tâm Nhất thiết trí trí là chân vô lậu, chẳng đọa ba cõi như vậy, thì tất cả tâm chúng sanh, Thanh văn, Độc giác cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi. Vì sao thế? Vì tất cả các tâm ấy cũng là bản tánh Không. Bởi vì sao? Vì pháp bản tánh Không là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi.

Tu-bồ-đề đáp: Như vậy, như vậy. Thật đúng như lời ngài nói.

Xá-lợi tử nói: Sắc cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa ba cõi; thọ tướng hành thức cũng phải là chân vô

lậu chẳng đọa ba cõi. Vì sao thế? Vì sắc thọ tướng hành thức bản tánh đều Không vậy. Bởi vì sao? Vì pháp bản tánh Không là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi.

Tu-bồ-đề đáp: Như vậy, Như vậy. Thật đúng như lời ngài nói”.

Bản tánh của tâm Nhất thiết trí trí, tức là tâm Phật, là tánh Không. Bản tánh của tâm của tất cả chúng sanh và các bậc thánh Thanh văn, Độc giác cũng là tánh Không. Do đó, tâm của chư Phật, chư Thanh văn, chư Độc giác và của tất cả chúng sanh đều bình đẳng đồng nhất một bản tánh là tánh Không, vốn là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi. Nói một cách cụ thể, nếu đi vào và chứng ngộ bản tánh Không của tâm mình thì tâm ấy là tâm Nhất thiết trí trí, tâm Phật.

Tánh Không là sự bình đẳng của tất cả chúng sanh và chư Phật.

Sự bình đẳng ấy không chỉ trong bản tánh, mà còn trong không gian và thời gian khác biệt: ngay lúc này đây hay bất cứ lúc nào khác, tâm chúng sanh của chúng ta vẫn cùng một bản tánh Không với tâm chư Phật. Đây là sự bình đẳng tuyệt đối, xóa hẳn mọi nhân duyên điều kiện. Nói cách khác, tánh Không đồng nhất ấy bất chấp mọi nhân duyên điều kiện, bất chấp không gian và thời gian, nghĩa là nó luôn luôn hiện tiền và thường trụ.

Sắc thọ tướng hành thức, đất nước lửa gió cho đến vô minh, tất cả các pháp cũng đều là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi, vì bản tánh đều Không. Sanh tử là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi thì sanh tử ấy xưa nay vốn là Niết-bàn vậy.

Đây là điều Đại thừa thường nói, sanh tử tức Niết-bàn.

“Khi ấy Xá-lợi tử hỏi Tu-bồ-đề rằng: Nếu tất cả các pháp tâm sắc của tất cả chúng sanh, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai vì bản tánh đều Không như vậy, là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi như vậy, thì bậc thánh và chúng sanh, nhất thiết trí và chẳng phải nhất thiết trí, đều phải là bình đẳng, không sai khác?

Tu-bồ-đề đáp: Như vậy, như vậy. Thật đúng như lời ngài nói.

Xá-lợi tử nói: Nếu các phàm thánh nhất định không sai khác như vậy, thì vì sao Như Lai thuyết phàm thánh có đủ thứ sai khác?

Tu-bồ-đề đáp: Đây cũng là Như Lai tùy theo lời nói thế tục thi thiết mới có các thứ sai khác này, chớ chẳng phải do thật nghĩa” (Phẩm *Ma ha tát*, hội thứ 1).

Sự sai khác sở dĩ có, đó là do hý luận của thế tục. Trong tánh Không, phàm thánh không cách hở, đồng một bản tánh Không. Nói theo *kinh Viên Giác* thì “chúng sanh bốn lai thành Phật”.

Như thế chúng ta thấy tánh Không cứu thoát tất cả tâm sắc, tất cả sanh tử. Đây là sự giải thoát trọn vẹn.

Như thế chúng ta thấy tánh Không đưa đến sự rốt ráo của Đại thừa: “sanh tử tức Niết-bàn”, “chúng sanh bốn lai thành Phật”. ■



## Thấp thoáng lời kinh

# Pháp Sư

ĐỖ HỒNG NGỌC

**“K**inh điển của Ta nói nhiều vô lượng nghìn muôn ức, *đã nói, hiện nói, sẽ nói*, mà ở trong đó kinh *Pháp Hoa* rất là khó tin, khó hiểu. *Xa kín nhiệm sâu*. Mở môn phương tiện bày tướng chơn thiết. *Kinh này là tạng bí yếu của các Đức Phật..., giữ gìn từ xưa đến nay chưa từng bày nói*. Vì sao? Vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều thuộc kinh này”. Phật ân cần dặn bảo Dược Vương như vậy.

“Ta” ở đây là Như Lai mà Phật là vị sứ giả, vị Đại Pháp sư, vì lòng Từ bi muốn cứu độ chúng sanh đã chịu khó “phiên dịch”, “diễn giải”, mở môn phương tiện bày tướng chơn thiết... cho chúng sanh thấy biết để mà “ngộ nhập” chốn giải thoát tịch tĩnh an vui. Thế nhưng, đây là thứ kinh “xa kín nhiệm sâu”, khó tin khó hiểu, tuy Như Lai *đã nói, hiện nói, sẽ nói*, đời đời kiếp kiếp như vậy, nhưng cũng chỉ có các vị Phật, các “sứ giả của Như Lai” mới thấy biết, còn vô

số vô lượng vô biên chúng sanh vẫn còn đang bận ngập lặn trong nhà lửa, bị bao nhiêu “món tình” che khuất làm sao mà thấy biết cho được. Thực ra Như Lai đã nói đang nói và sẽ nói không ngừng bằng tiếng của gió của sóng, của sấm của sét, của cầu vồng, của nắng mưa, của hoa bướm, của nghiệp duyên, của an vui và hoạn nạn... nhiều vô lượng nghìn muôn ức, nhưng liệu mấy người chịu nghe? Chịu nghe thì đã quỳ gối, sụp lạy, cúi đầu trước một đóa hoa, một cánh bướm, một giọt sương... Cho nên cái tiếng nói “xa kín nhiệm sâu” khó nắm khó bắt kia cần phải được “phiên dịch”, được “diễn giải” - nghĩa là cần cần có những Pháp sư - đặc biệt vào thời điểm Phật sắp Niết-bàn như buổi pháp hội hôm nay.

*Dược Vương! Nay bảo ông*

*Các kinh của ta nói*

*Mà ở trong kinh đó*

*Pháp Hoa tột thứ nhất.*





“Tột thứ nhứt” bởi đây là *tạng bí yếu* của các Đức Phật, giữ gìn từ xưa đến nay chưa từng bày nói, và vì kinh sẽ dẫn trực tiếp mau lẹ đến đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngay lúc giác ngộ dưới cội bồ-đề, Phật đã thấy đã biết tất cả mà rồi vẫn bản khoản không biết có nên nói ra hay không, nói ra cách nào, liệu có ai hiểu được không khi bày ra quá sớm cái “*tạng bí yếu*” này của Như Lai... sẽ làm cho người ta hoảng sợ? Vì thế mà suốt 45 năm hoàng pháp Ngài đã phải tùy cơ ứng biến, phải sử dụng tám vạn bốn ngàn pháp môn cho phù hợp căn cơ từng đối tượng, nhưng giờ đây, đã đến lúc “*bày tướng chơn thiệt*” cho mọi người thấy biết! Giờ đây có lẽ tình thế đã khác, các lứa học trò nào Thanh văn, nào Bồ-tát... đã đủ chín muồi, và Phật cũng đã đến lúc phải Niết-bàn – dù chỉ là “*thị hiện*” – để tạo cơ hội cho mọi người tinh tấn, không ỷ lại. Vậy mà, đã không ít người bỏ đi ngay trong pháp hội này. Phật mặc kệ. Bởi trước sau gì họ cũng sẽ tự hiểu ra, không sớm thì muộn. Bởi lẽ nay đã đến lúc đặt câu hỏi rất ráo: vì sao có mũi tên này? Vì sao có chất độc kia? Vì sao nhắm vào ta?... chứ không chỉ lo “*sơ cứu*” người bị tên như trước. Thì ra là Nó. Nó vậy đó. Tathagata. Nó như thị tướng như thị tánh, như thị “*bổn mặt cứu cánh*”, từ chân không mà có, từ thực tướng vô tướng mà nên, vô vãn, “*sum la vạn tượng*”. Như Lai vẫn cứ Như Lai. Vẫn lặng im. Tùm tùm.

Ngôn ngữ nào có ích chi? Ngôn ngữ còn có thể gây hiểu lầm bởi những diễn dịch, để rồi hý luận luẩn quẩn loanh quanh. Chừng nào hành thâm Bát nhã, chừng nào chiếu kiến ngũ uẩn giai Không thì rồi Như Lai... mới xoa đầu, trùm y, dẫn vào nhà!

Thực ra thì ngay từ thuở ban đầu, Phật chẳng giấu giếm điều chi, chẳng qua chỉ thử một cái “*test*” ở Hoa Nghiêm, thế nhưng rõ ràng không phải ai cũng thấy biết như Phật. Pháp Hoa – vào thời điểm chín muồi này – đành mở toang *tạng bí yếu* của Như Lai, để mọi người thấy bấy lâu lẫn lộn trong giả tướng, dính mắc với giả tướng, quẩn quại khổ đau không cần thiết vì giả tướng như thế nào. Bây giờ thì biết Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải cái gì xa lạ, nó sẵn đó rồi, của tất cả, cho tất cả. Tri kiến Phật, Phật tánh, Bồ-lai diện mục... sẵn đó rồi, của tất cả, cho tất cả. *Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch*. Niết-bàn vẫn chưa phải là cứu cánh. Chỉ là một *hóa thành* tạm trú qua đêm của kẻ lỡ độ đường tìm kiếm giải thoát.

Phật là Đạo sư, kẻ chỉ đường dẫn lối, là người phiên dịch, người diễn giải thông điệp của Như Lai, cho thấy pháp thân luôn vĩnh hằng bên những hóa thân trùng trùng duyên khởi: “*Ảo hóa không thân tức pháp thân/ pháp thân giác liễu vô nhất vật*”... (*Chứng đạo ca*). Vậy mà chẳng dễ để thấy biết. Cho nên thời *Pháp Hoa*, Phật nhắc đi nhắc lại: Như Lai sắp diệt độ, Như Lai sắp diệt độ. Và Phật lo. Lo lắm chứ. Ai sẽ vì Phật mà nối tiếp ngọn lửa thiêng này, ai sẽ truyền trao giáo pháp giải thoát này cho muôn đời sau? “*Đã đến lúc rồi đó. Hãy thể đi*”. Và các Đại Bồ-tát đã thệ nguyện: “*Xin Thế Tôn chớ có lo. Chúng con nguyện sẽ...*”

Không lo sao được. “*Kinh này khi Như Lai đương hiện tại còn nhiều kẻ oán ghét, huống là sau lúc Phật diệt độ*” – ở đời mà pháp biết bao điều xấu ác sẽ xảy ra. *Pháp Hoa* là kinh vua, tổng hòa tất cả để có cái nhìn nhất quán, không chia chẻ, để thấy toàn cục, để thấy rõ ráo. “*Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều thuộc kinh này*”. Cái đó quả khó tin, khó hiểu, có vẻ như trước sau có cái gì đó mâu thuẫn trong lời Phật. Chính vì thế mà trong *Pháp Hoa*, nhiều lần Phật phải nói: Hãy tin Ta. Như Lai không bao giờ nói lời không chân thật. Hãy tin Ta.

Đại chúng vây quanh Phật hôm đó ở núi Linh Thứu để nghe *Pháp Hoa* có đủ các loại, vô lượng hàng chư Thiên, Long vương, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la... cho đến nhưn cùng phi nhưn và tứ chúng “*dẫn nghe bài kệ một câu, một niệm tùy hỷ, đều được thọ ký đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác*”. Chẳng những thế, sau khi Phật diệt độ, nếu có người nghe kinh *Pháp Hoa*, “*nhấn đến một bài kệ, một câu, một niệm tùy hỷ, Ta cũng thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho!*”. Diệt độ rồi mà vẫn còn “*thọ ký*” ư? Được quá chứ! Bởi vì nói diệt độ mà có diệt độ gì đâu! Nói vậy mà không phải vậy. Như Lai vẫn *đã nói, đang nói, sẽ nói...* đời đời đó sao?



Nhìn toàn bộ những lời Phật dạy từ đoạn đầu đoạn giữa đoạn cuối đều nhất quán, xuyên suốt, chẳng có chút gì là mâu thuẫn. Chỉ vì tùy bệnh mà cho thuốc, mà gia giảm ba chén sáu phân. Như cơn mưa, như ánh nắng mặt trời không hề phân biệt nhưng cây cỏ thì tùy nghi mà tiếp nhận. Nhìn bằng con mắt của vô minh thì không thể nào thấy rượy, thấy đường, thấy giấm đều do “duyên sanh” mà có, từ những nguyên tố C, H và O... với điều kiện nào đó, với xúc tác nào đó. Nhìn sâu thêm chút nữa, lại thấy C, H và O... chẳng qua cũng chỉ là những electron và neutron quần quít lấy nhau... rồi nhìn sâu thêm chút nữa, thì thấy nào hạt nào sóng... nào vật chất nào năng lượng chẳng chịt. Với “tri kiến” Phật, từ ngàn xưa đã thấy những điều bây giờ khoa học dần dần làm sáng tỏ. Cho nên biết đâu, thời “mạt pháp” lại giúp người ta “đốn ngộ” nhanh hơn, mau hơn? Cho nên vị Phật của tương lai – Phật Di-lặc – không tùm tùm nữa mà cười... toe toét!

Dù vậy không thể không có Pháp sư, những sứ giả, người phiên dịch, người diễn giải *Pháp Hoa* nêu lên như một nhu cầu bức thiết. Ai có khả năng làm được Pháp sư đây, nói khác đi, ai dám “làm Phật” đây để nói tiếng nói của Như Lai? Thầy Hoàng Nhẫn hỏi trò Huệ Năng: Con muốn gì? Con muốn làm Phật. Huệ Năng trả lời. Có *muốn* thì mới *làm* được. Và, phải có *tin* thì mới *muốn* được.

Pháp sư không dễ. May gặp Pháp sư chân chánh thì “giây lát nghe pháp liền đặng rót ráo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!”. Chỉ cần giây lát thôi. Một sát-na là đủ. Nhưng thế nào là một Pháp sư chân chánh? Trước hết phải như... Dược Vương, tự đốt mình lên hàng ngàn năm, bố thí thân mạng nhiều như cát sông Hằng thì mới “chợt ngộ”, mới làm được pháp sư chứ đâu có phải cứ khoác áo, dâng đàn là thành pháp sư. Cho nên phẩm này Phật nói cho Dược Vương, người có đủ tín tấn niệm định tuệ.

Nói cho cùng, sự hiện diện của kinh *Pháp Hoa* ở một nơi chốn nào đó tự nó đã lấp lánh, đủ để thay thế cho pháp sư. Nó lấp lánh bởi nó chứa *tạng bí yếu* của Như Lai trong đó. Một hôm, có ai đó đọc lờm một câu, nghe lóm một câu như Huệ Năng nghe “ưng vô sở trụ...” mà thấy liền “bổn lai vô nhất vật”. Đốn cũng là tiệm. Tiệm cũng là đốn. “Nơi nơi, chỗ chỗ hoặc nói, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc chép, hoặc chỗ có quyển kinh này, đều nên dựng tháp bằng bảy thứ báu cho tột cao rộng đẹp đẽ, chẳng cần để xá-lợi”. “Vi sao? Vi trong đó đã có toàn thân của Như Lai rồi!”

Pháp sư chính là những vị Bồ-tát, đã “ra khỏi” rồi mà vì chúng sanh quay trở lại, “sinh lại ở bờ bên này”, tự nguyện mang trách nhiệm giúp người hiểu được, thấy được thông điệp của *Pháp Hoa*, những “xa kín nhiệm sâu” ở *Pháp Hoa*. Không có chuyện phân biệt tại gia hay xuất gia, miễn tin hiểu, thọ trì, thì đã “đặng gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Điều kiện để có thể làm một Pháp sư chân chánh? Người thiện nam, thiện nữ đó phải “vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, rồi mới nên vì bốn chúng mà rộng nói kinh này”.

“Nhà Như Lai chính là *tâm từ bi lớn* đối với trong tất cả chúng sanh, áo Như Lai chính là *lòng nhu hòa, nhẫn nhục*, tòa Như Lai chính là *nhất thiết pháp không*”. “An trụ trong đây, sau rồi *dùng tâm không biếng trễ mà rộng nói kinh Pháp Hoa này*”.

Khi hiểu rõ nguồn cội của chúng sanh, thì chúng sanh... quả là đáng thương thiệt! Cho nên phải có lòng từ bi trước hết. Từ bi với tất cả. Một thứ *vô duyên từ*. Bởi tất cả cùng chung sống dưới một mái nhà đó thôi! Cho nên phải có lòng từ bi lớn rồi mới vào được “nhà” Như Lai. Nhưng từ bi rồi mà chưa nhu hòa nhẫn nhục thì cũng không xong. Phật còn đây mà người ta vẫn chưa tin, còn bỏ đi. Pháp sư mà sân giận thì rơi ngay vào địa ngục, còn nói năng chi? Cho nên phải nhu hòa, nhẫn nhục. Chiếc áo không làm nên thầy tu, nhưng mặc áo của Như Lai hẳn nhắc nhở mình là sứ giả của Như Lai, phải nhu hòa nhẫn nhục. Còn ngôi tòa Như Lai? Ngôi tòa là để “thuyết pháp”, để “nói”, nhưng nói cái gì mà lòng mình còn ấp úng chưa tin ư? Nói cái gì mà chỉ dựa theo sách vở, nói cái gì mà chỉ vì ông nọ bà kia đã từng nói... Ngay cả lời Phật, Phật còn dặn chớ vội tin. Phải thể nghiệm đi cái đã. Phải trải nghiệm đi cái đã. Phải thực chứng đi cái đã. Khi đã “thực chứng” rồi, thấy được cái “nhứt thiết pháp không” rồi thì mới nên nói. Cho nên, dù đã giác ngộ rồi mà Huệ Năng vẫn trải nghiệm 15 năm, lăn lộn trong chốn giang hồ trước khi dám nói lời của Như Lai: gió không động, phướn không động...

Thuyết pháp ư? Thực ra chẳng có pháp gì để thuyết, có khi nói không được, có khi ú ớ, có khi hùng biện, có khi hươ tay hươ chân, hét, đánh, quất chổi chà...

Cách nào cũng được, miễn là đúng lúc, miễn là ở nhà Như Lai, mặc áo Như Lai và ngồi tòa Như Lai. ■





# Một quan điểm của Phật giáo về quyền động vật

RONALD EPSTEIN  
QUẢNG GIẢI trích dịch

*Dưới đây là bản trích dịch bài nói chuyện của Giáo sư Ronald Epstein tại cuộc hội thảo về “Quyền của sinh vật và mối quan hệ nhân bản của chúng ta đối với sinh quyển” được tổ chức vào tháng 3 năm 1990 tại Đại học San Francisco, Hoa Kỳ.*

## **Những điều thú vị**

Tôi muốn kể lại cho quý vị hai ví dụ nổi bật về việc loài vật hành động có tính người hơn phần lớn con người. Điều tôi muốn nhấn mạnh ở đây không phải là loài vật nhân đạo hơn con người, nhưng có bằng chứng gây ấn tượng sâu sắc cho thấy loài vật có thể hành động theo những cách không ủng hộ một số định kiến của người phương Tây về khả năng của chúng.

Cách đây khoảng 15 năm, có một bài báo của Hãng tin Associated Press mang dòng ghi ngày tháng từ một làng chài ở miền Bắc Nhật Bản. Nhiều người trên một chiếc thuyền đánh cá bị nước xô ra khỏi mạn thuyền trong một cơn bão ngoài khơi xa. Ba ngày sau, người ta phát hiện một người phụ nữ vẫn còn sống trên một bãi biển gần làng mình. Vào lúc đó, người ta cũng thoáng thấy một con rùa biển khổng lồ đang bơi khỏi bờ biển.

Người phụ nữ cho biết khi cô ta sắp đuối thì con rùa ấy đã đến cứu và mang cô trên lưng suốt ba ngày để đưa tới nơi mà cô được tìm thấy.

Cũng theo Hãng tin Associated Press, vào tháng Hai năm nay, một người đàn ông mất tích trên biển đã được cứu bởi một con cá đuối khổng lồ: Một người đàn ông tuyên bố anh đã cưỡi trên lưng một con cá đuối suốt 450 dặm để được an toàn sau khi chiếc thuyền của anh bị lật trước đó ba tuần, một trạm phát thanh đã tường thuật vào ngày hôm qua. Đài Phát thanh Vanuatu cho biết Lottie Stevens đã dạt vào bờ ở New Caladonia vào hôm thứ Tư. Bản tin nói rằng chiếc thuyền của Stevens bị lật úp vào ngày 15 tháng Giêng khi anh ta và bạn đang đánh cá. Người bạn đã chết, và sau bốn ngày trôi theo con thuyền bị lật, Stevens quyết định cố bơi đến chỗ an toàn. Khu vực đó có cá mập, nhưng một con cá đuối đã



đến cứu Stevens mang anh ta trên lưng suốt 13 ngày đêm đến tận New Caladonia. (Tin của Hãng AP, đăng trên San Francisco Chronicle số ra ngày 8 tháng Hai năm 1990).

### **Giáo lý căn bản của Phật giáo**

Khác với truyền thống Ki-tô giáo Do Thái, Phật giáo khẳng định tính nhất thể của mọi chúng sanh, tất cả đều có Phật tánh như nhau, và tất cả đều có khả năng thành Phật, nghĩa là đạt tới giác ngộ viên mãn. Giữa các loài hữu tình, không có công dân hạng hai. Theo giáo lý Phật giáo, loài người không có một địa vị đặc biệt, ưu tiên trên và trước những loài còn lại trong cuộc đời. Thế giới không phải là một tạo vật dành riêng cho lợi ích và lạc thú của loài người. Hơn nữa, trong một số trường hợp tùy theo nghiệp, con người có thể tái sanh làm người và loài vật có thể tái sanh làm người. Trong Phật giáo, hướng dẫn cơ bản nhất về đạo đức là không gây hại – cấm việc gây tổn hại hoặc gây ra cái chết cho bất cứ chúng sanh nào. Tại sao con người không nên sát sanh? Bởi vì mọi chúng sanh đều có sự sống, chúng cũng tham sống sợ chết. Ngay cả một sinh vật bé nhỏ nhất như con muỗi khi đến gần để cắn bạn, nó sẽ bay đi nếu bạn có một cử động nhỏ nhất. Tại sao nó lại bay đi? Bởi vì nó sợ chết. Nó nghĩ rằng nếu nó hút máu bạn, bạn sẽ lấy đi mạng sống của nó... Ta nên nuôi dưỡng lòng từ bi. Vì ta muốn sống, ta không nên giết bất cứ sinh vật nào khác. Hơn nữa, nghiệp sát sanh được hiểu như là nguồn gốc của mọi khổ đau và là nguyên nhân căn bản của bệnh tật và chiến tranh, và động lực giết hại rõ ràng là đồng nhất với ma quỷ. Lý tưởng cao nhất và phổ quát nhất của Phật giáo là cố gắng không ngừng để vĩnh viễn chấm dứt khổ đau cho tất cả chúng sanh chứ không chỉ cho loài người.

### **Ví dụ**

Trong một kiếp quá khứ, Đức Phật tái sanh làm nai chúa. Ngài để nghị đổi mạng mình để cứu mạng một con nai cái sắp sanh. Trong một tiền kiếp khác,

Đức Phật hy sinh mạng sống của mình để nuôi sống một con cọp cái và hai con cọp con đang bị kẹt trong tuyết sắp chết đói. Ngài lập luận rằng chẳng thà cứu ba mạng sống còn hơn giữ chỉ một thân mạng của mình. Mất mạng mình vẫn tốt hơn là giết một sinh vật khác.

Những trích tuyển sau đây là từ *Đại Trí độ luận*

### **Giá trị tương đối giữa đời sống con người và giới luật**

Hỏi: Khi không phải trường hợp bị tấn công, bấy giờ ý nghĩ giết hại có thể được ở yên. Nhưng nếu bị tấn công, bị chế ngự bởi sức mạnh, và bấy giờ bị bức bách bởi nguy hiểm gần kề, khi đó con người phải làm gì?

Đáp: Nên cân nhắc tính cách trầm trọng tương đối của các giải pháp. Nếu có ai đó sắp lấy đi mạng sống của bạn, trước hết bạn hãy xét xem lợi ích của việc giữ giới quan trọng hơn hay lợi ích của việc duy trì tấm thân giả tạm này quan trọng hơn và phải chăng việc phạm giới cấu thành sự mất mát hay cái chết của thân xác cấu thành sự mất mát.

Nếu trong việc tránh né sự nguy hiểm như thế, ta chỉ có khả năng thành công trong việc bảo tồn thân ta, vậy, ta giành được lợi thế gì với tấm thân này? Thân này chỉ là một đám mây của những già nua, bệnh tật và chết chóc, nó sẽ không tránh được bị hư hoại và thối rữa. Nhưng, nếu vì giữ giới mà một người mất thân mạng, lợi ích của việc đó là kết quả hợp lý vô cùng to lớn.

Hơn nữa, ta nên suy xét như sau: *"Từ xưa tới nay, ta đã mất đi mạng sống này không biết bao nhiêu lần. Bao lần ta đã hóa thân làm kẻ cướp ác độc hoặc chim hoặc thú mà trong những kiếp sống đó ta chỉ sống vì của cải, lợi lộc hay những dục vọng thấp hèn khác. Nay ta gặp được một hoàn cảnh có thể phải bỏ mạng để giữ gìn tịnh giới. Không tiếc thân này và hy sinh mạng sống để giữ gìn giới đức sẽ hàng tỷ lần tốt hơn và thực tế là không thể so sánh được với việc bảo tồn thân mạng mà phải trả giá bằng việc vi phạm những điều bị cấm".* Bằng cách đó, ta quyết định nên từ bỏ mạng sống để bảo vệ sự toàn vẹn của giới đức.





### **Con trai người bán thịt và giới sát**

Thuở xưa có một vị đã là thánh Nhập lưu tái sinh vào gia đình một người bán thịt. Vị đó đã ở ngưỡng cửa tuổi trưởng thành. Mặc dù được kỳ vọng là sẽ theo đuổi nghiệp nhà, vị ấy không có khả năng giết súc vật. Cha mẹ vị ấy giao cho vị ấy một con dao và một con cừu rồi nhốt vị ấy trong một căn phòng, bảo rằng, “Nếu con không giết con cừu này, cha mẹ sẽ không cho con ra ngoài để thấy mặt trời mặt trăng, cũng không cung cấp thực phẩm hay nước uống cho con được sống”. Vị ấy tự nghĩ, “Nếu ta giết con cừu này, ta sẽ buộc phải theo đuổi nghề nghiệp này suốt đời. Làm sao ta có thể phạm tội đại ác này chỉ vì thân này?”. Thế là vị ấy cầm dao lên tự sát. Người cha và người mẹ mở cửa nhìn vào. Con cừu đứng ở một bên trong khi người con của họ nằm đó, đã tắt thở.

Khi vị ấy tự sát, vị ấy được sanh lên cõi trời. Nếu ta cũng được như thế, thì đó chẳng qua là việc không tiếc sinh mạng của chính mình trong việc bảo vệ sự toàn vẹn của tịnh giới.

### **Thực hành**

Phóng sanh là một hạnh của người Phật tử nhằm cứu vớt súc vật, chim, cá... đã bị chọn để giết hay để giam cầm mãi mãi. Những sinh vật này được phóng thích vào một cuộc sống thể chất và tâm linh mới. Hạnh này minh họa cho giáo pháp căn bản của Phật giáo về lòng từ bi đối với mỗi chúng sanh.

Một Phật tử phải gìn giữ tâm từ và trau dồi hạnh phóng sanh. Người đó nên quán tưởng rằng: “Mọi chúng sanh nam đã từng là cha ta và mọi chúng sanh nữ đã từng là mẹ ta. Không một chúng sanh nào không sanh ra ta trong những kiếp trước của ta; do đó, mọi chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta. Vì vậy, khi một người giết chết và ăn thịt bất cứ chúng sanh nào, người đó đã giết hại cha mẹ ta. Hơn thế nữa, người đó giết một thân đã từng chính là thân ta, vì mọi yếu tố đất và nước trước đây đã từng là một phần của thân

thể ta; cũng như mọi yếu tố gió và lửa trước đây đã từng là thể chất căn bản của ta. Cho nên, ta sẽ luôn trau dồi hạnh phóng sanh và nguyện trong mọi kiếp sẽ được tái sanh trong pháp thường trụ và dạy người khác cũng thực hành hạnh phóng sanh”. Bất cứ khi nào một vị Bồ-tát thấy có người sắp giết một con vật, vị ấy nên tìm một phương tiện khéo léo để cứu và bảo vệ nó, giải thoát nó khỏi khổ đau và khó khăn... (*Kinh Phạm Võng*)

### **Vấn đề quyền của động vật hiện nay theo quan điểm Phật giáo**

Mặc dù các gợi ý hướng dẫn dưới đây dành cho việc hành động về các vấn đề liên quan đến quyền của sinh vật rõ ràng tuân theo những giáo lý căn bản của Phật giáo, nhưng chúng không hề là độc quyền của Phật giáo. Mong mỗi của tôi là mọi người bất kể quan điểm tôn giáo sẽ hết lòng tự nguyện và thiết tha chấp nhận những gợi ý hướng dẫn ấy trong những hoạt động tương lai của họ về quyền của sinh vật:

1. Chúng ta nên giảm thiểu những sợ hãi, ghét bỏ và ý nghĩ trả thù gây nên bởi việc hành hạ và giết hại sinh vật.

2. Chúng ta không nên làm khổ cho những cảm xúc tiêu cực hay tinh thần bạo động. Những cảm thức ấy chỉ làm cho vấn đề thêm tồi tệ. Những giải pháp thật sự đến từ việc thay đổi tâm thức của con người chứ không phải tạo ra sự đối đầu và sự cọ xát.

3. Chúng ta không nên giới hạn lòng từ bi của chúng ta vào súc vật và những điều thuộc cái tâm ưa thích, mà nên mở rộng lòng từ bi ấy đến với mọi sinh linh, kể cả khi chúng ta cảm thấy một số điều nào đó rõ ràng là sai trái. Lòng từ nên là nền tảng cho tất cả mọi sự tương tác của chúng ta đối với người khác, bất kể quan điểm và hành động của họ trong lãnh vực quyền của sinh vật. ■

# Buông dao đô tề<sup>2</sup>

HƯƠNG ĐỨC

**N**hìn anh sử dụng gọn gàng máy ép mía cây và hứng đầy ly nước mía bung đến bàn, tôi buột miệng khen: Bây giờ trông anh như bình thường rồi! Anh Hai N. cười rạng rỡ khi nghe lời khen của tôi. Năm ngoái, cũng vào tháng này, anh ấy bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người, tưởng khó sống nổi chứ đừng nói đến chuyện mong được phục hồi như ngày hôm nay. Vừa uống được nửa ly nước mía thì vợ anh đi chùa xa về tới. Thấy tôi, chị rất mừng; chào hỏi xong, chị soạn một ít trái cây tươi, bảo đó là lộc của chùa, mời tôi và chồng chị cùng ăn. Chị kể hôm nay đến ngôi chùa cổ ở gần phà Cổ Chiên dự lễ an vị tượng Bồ-tát Quán Thế Âm cao 12 mét; lúc đang làm lễ, mây trên trời bỗng đổi sắc hồng rực rỡ, chuồn chuồn hàng ngàn con bay đảo chung quanh lễ đài như cùng mấy trăm Phật tử đón chào Bồ-tát Quán Thế Âm, thấy cảnh đó ai nấy đều vui mừng, xúc động... Nhìn chị tách múi quýt đưa cho chồng, tôi trầm ngâm nhớ lại những sóng gió đã qua của cuộc đời hai vợ chồng chị...

Cách đây khoảng ba mươi mấy năm, khi đất nước hoàn toàn giải phóng, anh ấy sau thời gian học tập cải tạo ngắn hạn đã trở về sống với gia đình ở chợ TT. Là

người lính vốn chỉ biết cầm súng, khi trở lại đời thường, anh không biết làm gì để sống và nuôi vợ con. Nghe một người bà con khuyên, anh đã chọn nghề giết mổ heo để mưu sinh. Hàng ngày anh mổ trung bình hai con heo, một con để vợ bán tại chỗ, một con gửi xe lên cho mối lái ở thành phố HCM, cuộc sống cứ như vậy theo tháng ngày trôi qua. Bệnh viện khu vực nơi tôi công tác gần nhà của anh chị, thấy hai vợ chồng vui vẻ, khi cơ quan chúng tôi có việc cần nhờ, tiệc tùng chẳng hạn, cả hai thường qua giúp đỡ rất nhiệt tình nên anh em trong cơ quan xem hai vợ chồng như bạn bè thân thích. Một hôm, tình cờ đến nhà anh chơi, thấy hai vợ chồng đang thọc huyết heo khiến tôi sợ hãi vô cùng, nhát dao chuyên nghiệp xuyên tim, máu tuôn ra ồ ạt, tôi thấy bất nhẫn nên quay lưng bỏ về. Hôm sau, lúc uống trà cùng anh, tôi hỏi, khi đâm heo, thấy nó giãy giụa đau đớn như vậy, có khi nào anh thấy tội nghiệp nó không. Anh trả lời, lúc đầu thấy cũng tội nhưng làm riết rồi cũng quen, chẳng hơi đâu mà suy nghĩ; hơn nữa, trong cuộc chiến vừa qua mà anh đã bị bắt buộc phải tham dự, cảnh chết chóc diễn ra hàng phút, hàng giờ, bạn bè anh mới ngồi hút thuốc, nói chuyện đó, "bùm" một phát là gục xuống, máu, óc văng tứ tung thì











tôi sợ thiệt tình rồi. Anh ấy vừa nói vừa rùng mình, da tay nổi đầy ốc cục.

Thấy anh tỏ vẻ sợ hãi thật tình, tôi trấn an bằng cách phân tích quy luật nhân quả thiện ác, gieo nhân nào thì gặt quả đó, không thể sai khác nhưng vẫn có cách khắc phục quả xấu bằng cách tạo nhân tốt mới. Tôi khuyên anh ấy nên thờ Phật và học những lời dạy của Phật để tạo nhân tốt bù vào những lỗi xấu đã gây. Nghe tôi nói, anh rất mừng, nói sẽ bàn với vợ nhanh chóng thờ Phật, anh còn bảo đẹp luôn nghề mổ heo, tìm nghề khác sinh sống. Rằm tháng đó, hai vợ chồng anh đã thỉnh tranh tượng Phật Thích-ca và Bồ-tát Quán Thế Âm về thờ đồng thời anh chuyển qua chạy xe Honda ôm, vợ anh thì sắm xe bán nước mía, nhận vé số kiến thiết về bán, tuy đồng lời ít nhưng thấy hai vợ chồng có vẻ thanh thản tinh thần hơn.

Khi hai vợ chồng anh phát tâm thờ Phật, tôi thường hỗ trợ kinh sách, băng, đĩa để anh chị nghe, đọc. Vợ anh thì rất thích đọc tụng, nghe những lời giảng của các thầy, đi chùa lễ Phật; phần anh, lấy lý do bận bịu công chuyện ít khi nào ghé mắt đến kinh sách, băng giảng đạo, chỉ chờ vợ đến cổng chùa rồi về chứ không chịu bước vào trong chùa. Tôi hiểu trong tâm anh dù đã thấy cảnh đáng sợ trong quả báo của sát sanh nhưng chưa tin sâu vào Phật pháp, chắc do nghiệp xấu trong anh quá lớn nên che mắt ánh sáng dẫn đến con đường giác ngộ. Có lẽ phải có một cú "huých" thật mạnh mới có thể đưa anh về với Chánh pháp và cú huých đó đến nhanh chậm thì tùy duyên mà thôi.

Sau khoảng ba năm thờ Phật, thấy mọi chuyện yên ắng và có lẽ do chạy xe ôm ế ẩm vì trong xã có nhiều người cùng hành nghề như anh, anh quay trở lại mua bán heo. Để tránh việc trực tiếp sát sanh, anh chỉ đứng ra môi giới, ai cần heo quay, thịt heo số lượng nhiều, anh lãnh lo việc tìm mua heo phù hợp theo yêu cầu rồi chuyên chở đến lò quay, lò sát sanh, ở đó ai làm gì thì làm, anh chỉ có trách nhiệm chở về giao cho chủ mua rồi nhận tiền, sau đó tính huê hồng với chủ heo. Có lần gặp tôi, anh phân trần làm như vậy anh không vướng tội sát sanh, tôi ngán ngẩm không nói lời nào. Những điều nên nói thì tôi đã nói rồi còn bây giờ thì tùy duyên nghiệp của anh ấy, có nói nữa cũng vô ích.

Một hôm, sau khi chở một con heo quay khá lớn đến nhà giao cho khách đã đặt hàng, khi phụ khiêng heo vào trong nhà, anh thấy choáng váng trong đầu, không kịp lấy tiền khách trả, anh vội lên xe chạy riết về nhà, kêu vợ đưa mình đi bệnh viện rồi nhào xuống giường mê man không biết gì nữa. Anh được đưa đến bệnh viện khu vực, bác sĩ khám xác định anh bị tai biến mạch máu não; sau cấp cứu, anh nhanh chóng được chuyển lên tuyến trên. Sau sáu tháng điều trị ở bệnh viện chuyên khoa trên thành phố, bệnh tình ổn định, anh được chuyển về bệnh viện địa phương điều trị tiếp với tình trạng liệt nửa người, nói chuyện còn khó

nghe. Khi chúng tôi đến thăm anh, tay chân trái rất yếu, không thể tự cử động, muốn nâng tay trái lên phải nhờ tay phải giúp sức, tiếng nói bị đứt quãng, do lưỡi còn bị đờ nên phải lắng nghe kỹ, nhiều lần mới hiểu anh nói gì; đi đứng thì cần người kè một bên, vợ anh vốn nhỏ con, mỗi lần kè dắt anh đi rất vất vả. Tôi thường ghé qua nhà anh để hướng dẫn anh tập vật lý trị liệu, việc luyện tập đòi hỏi sự kiên trì, đôi khi thấy anh chán nản, tôi và vợ anh xúm nhau động viên, giúp anh lấy lại tinh thần để tập tiếp.

Một hôm, sau khi tập luyện, anh than ở không hoài chán đời quá, tôi bèn nói: Lúc trước, anh than không có thời gian rảnh để nghe kinh Phật, bây giờ thời gian này đang ở không, anh nên bỏ công ra niệm Phật và nghe giảng kinh Phật để tạo nghiệp tốt. Trước mắt, anh nên thường xuyên niệm Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm để tâm được yên ổn và được các Ngài phù trợ mau chóng lành bệnh, còn phần nghe giảng pháp thì từ từ tôi sẽ cung cấp băng, đĩa khi thấy phù hợp với sức khỏe của anh. Anh đồng ý theo lời đề nghị của tôi vì thật ra ngoài việc ăn ngủ, uống thuốc và tập luyện, anh đâu có chuyện gì để làm. Anh nói, nghỉ riết, đầu óc nó mụ mẫm đi.

Lúc đầu do còn yếu, anh chỉ chuyên tâm vào niệm Phật, về sau khi đầu óc ổn định, ít chóng mặt anh bắt đầu nghe tụng, đọc kinh Phật và những bài giảng pháp của quý thầy trong đĩa VCD mà tôi đã đưa từ từ. Qua những lần trao đổi, tôi thấy anh tiến bộ rất nhiều, có ý thức hỏi han, học tập, thường xuyên sám hối những nghiệp xấu đã tạo. Sức khỏe của anh càng ngày càng tốt lên và lòng tin vào đạo pháp cũng tăng tiến không ngừng. Một hôm, ghé thăm anh vào buổi tối, thấy anh quỳ lạy Phật lòng tôi hết sức xúc động, trông động tác lạy của anh tuy còn vụng về nhưng rất thành kính, tôi bỗng nhớ câu chuyện gã cùng tử trong kinh *Pháp Hoa*, trải qua bao năm lang thang nơi xứ lạ, quê người tìm cuộc sống với cái đói khổ đeo đuổi triền miên, quay về quê hương tìm lại được người cha già luôn mồm trông đợi để trao gia tài to lớn, một hạnh phúc quá bất ngờ cho một kẻ khổ cùng. Anh ấy bây giờ cũng vậy, trải qua cuộc chiến không mong muốn với cái chết luôn cận kề, khổ sở đến cùng cực, rồi những lo toan cơm áo gạo tiền đã cuốn anh sa vào nghiệp dữ, những đòn đau, bệnh tật và chết chóc của người thân và của bản thân khiến thân tâm anh luôn bất an, nay anh đã tìm được đường để thoát khỏi cảnh khổ triền miên đó. Con đường đó là Phật pháp!

... Khi tôi già từ ra về, vợ chồng anh theo ra tận xe đưa tiễn, tôi nắm tay anh dặn dò: Bây giờ sức khỏe đã phục hồi, cần tinh tấn nhiều hơn để tạo phước mới, bù lỗi cũ, anh may mắn lắm đó, bị tai biến mạch máu não mà được như vậy là có phước lắm, lúc thân tâm an ổn tranh thủ mà tu, quý thời gian của chúng ta còn ít lắm. Anh siết chặt tay tôi, thay lời hứa. ■



# Viên trôi nước

CHƠN HIỀN

Sáng nay bà bạn tôi vừa cúng mụ đầy tháng cho thằng cháu ngoại đầu, lễ mễ đi bộ từ đầu ngõ mang vào cho tôi một mâm xôi chè, trái cây... Mới hơn tháng không gặp nhau mà bà bạn tôi sụt cân thấy rõ. Một mặt, bà bạn bạn cháu không đi chùa; mặt khác, tôi cũng chẳng dám ghé nhà thăm vì sợ ảnh hưởng đến đứa bé mới sinh kia; gì thì gì, người ta vẫn còn hay kiêng khem lăm lăm cái chuyện em bé còn “nằm trong... ổ chưa tròn tháng.” Gầy thì có gầy nhưng nét mặt “sao mà hớn hỏ” tươi vui thể không biết. Có thêm một hũ... vàng mà. Nghĩ thật thương cho phụ nữ chúng tôi, cả đời nuôi con vất vả, con lớn “giao” cho người khác, về nhà người ta rồi, giờ lại tắt tả nuôi cháu, mà tự nguyện ấy chứ, lắm khi “nhà người ta” giành cũng không chịu, thế mới lạ! Đúng là “nghiệp”!

Vừa vui vẻ trao cho tôi mâm quà, bà Mến vừa nói: “Con trai, nhưng em cũng cúng trôi nước, kẹ! cho nó có “diêng”, đủ “diêng” tốt cái gì cũng tốt, hen chị!”. Trời đất ơi!, tôi phì cười: “Bà ngoại này... tham quá, muốn cháu ngoại mai mốt con gái xếp hàng đi theo cho dễ kén cháu dâu hả? Còn đòi đủ duyên nữa, quá quá, Phật hồng có chứng đâu nhen!”. Bà Mến cười ha hả: “Cha, chị đi guốc trong bụng em nghen”. Rồi như được dịp, bà Mến tíu tít kể tôi nghe chuyện thằng cháu ngoại.

- Trời ơi, chị biết hông, mới bi lớn mà nó biết... bà ngoại à nghe; khuya khuya thấy mẹ nó mệt quá, em lên pha sữa cho nó, rồi ẵm nó dỗ ngủ, nó... rúc vô bà ngoại thấy thương lắm. Mà... ngộ thiệt nghe, có chút xíu vậy đó mà biết giọng bà ngoại rồi, nghe tiếng em mà không ẵm lên hả, nó khóc quá trời!

Tôi thấy bà bạn huyền thuyên mà... lo, nhớ chuyện cháu nội của bà sui tôi ở Sài Gòn, do cũng một tay bà ngoại chăm bẵm thay mẹ mà giờ vắng bà, cả nhà không ai dỗ được, thằng bé khóc nhớ ngoại đến bỏ ăn, bỏ ngủ phát ốm, nên nói:

- Thôi, lo gì thì lo chứ đừng giành ôm cháu ngủ thay mẹ nó luôn là chết nghe.

Bà Mến cười giả lả: - Thấy thương quá chị ơi, với lại dòm mẹ nó mệt quá, thành ra...

- Tui can thiệt đó, mai mốt khổ mình, khổ thằng nhỏ, khổ ba mẹ nó luôn đó.

Bà Mến như... cụt hứng bèn chào tôi rồi vội vàng đi về. Nhìn cái dáng tắt tả của bà bạn, tôi bỗng thấy thương thương, nghĩ thầm: “Thêm một người giống mình nữa rồi, cái sợi dây á nó ràng rịt, quấn quít, cứ luôn siết chặt, khó mà gỡ ra là đây”.

Nhìn mấy chén chè trôi nước hấp dẫn, tôi lại nhớ đến bốn câu thơ của nữ sĩ Hồ Xuân Hương thuở còn đi học:



*Thân em vừa trắng lại vừa tròn,  
Bảy nổi ba chìm với nước non.  
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn  
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

Bài thơ vịnh thật hay, thật thâm thúy khi mượn mấy viên bánh bằng thứ bột gạo nếp dân dã, thường tình mà gọi tả cái đẹp, cái đậm đà, và cái tình, cái khí tiết của người con gái, quả thật tuyệt vời! Mà gẫm ra cái đẹp, cái hay đó nó có trọn vẹn đâu, nó long đong, lặn lội, may nhờ rủi chịu; làm người phụ nữ có sung sướng gì đâu, cũng là một kiếp người, mà giờ tôi thấy lời Phật dạy sao đúng quá! Ngày xưa đi học, nghe bình giảng bài này tôi chỉ thấy nó hay quá hay thế thôi!

Nhớ mấy câu vịnh của bà Hồ Xuân Hương, tôi lại càng thấy thương mình, thương bạn bè... Mới ngày nào đây, một thời tuổi trẻ áo trắng học trò... giờ thoát đã hai màu tóc, thành bà nội, bà ngoại, thậm chí có một bà vừa lên chức “cố” mới ghé cơ chú! Chẳng là nhỏ bạn tôi mới học đến lớp mười một, nhà nghèo bố mất sớm, thế là bà nội bắt con nhỏ lấy chồng... Rồi cứ thế, con gái mới mười bảy nó cũng cho về nhà người ta, giờ thì tới phiên cháu ngoại. Cả nhóm bạn tôi, ai cũng tròn mắt, lắc đầu “thán phục” vui vẻ chúc mừng khi nó tuyên bố: “tháng sau tui lên chức bà cố đó nghen!” (mà thực trong lòng thì tôi chẳng mừng cho nó tí nào). Cái vòng lẩn quẩn của một đời người nó cứ như thế, lặp đi lặp lại bởi cái duyên nợ từ trong tiền kiếp, nó cột trói và dẫn con người ta lòng vòng để rồi buồn nhiều hơn vui, vậy mà... Ôi chính tôi cũng thế!

... Nhớ đến mấy lần đầy tháng, thôi nôi mấy đứa cháu ngoại, tôi cũng... “tham, cầu” mọi điều tốt đẹp cho cháu mình ở tương lai (mà biết ra sao cái tương lai ấy, nó còn xa xôi quá). Ngoài hoa trái tươi tốt, đủ màu sắc (đỏ màu cho đời nó rực rỡ, sáng sủa), con trai thì cúng Mụ chè đậu (sau này được giỏi giang, thi đậu... *đậu* đó, có *đổ* đạt thì mới sung sướng chứ), con gái thì cúng Mụ chè trôi nước, (con gái thì phải duyên dáng, dễ coi, cái duyên cũng là cái nết ăn, nết ở nữa mà...). Ôi trời! Quả thực là do mình tất cả, hạt đậu, viên chè nó chỉ là hạt đậu và bột nếp do con người chế biến, tưởng tượng rồi gán ghép cho nó “cái phúc, cái may” mang lại cho chính mình và cứ thế đời “đặt để” cho nó trọng trách thật vô cùng quan trọng, mang lên... “bàn thờ” hương khói mong cầu. Rồi... sau này con cháu mình lớn lên, nếu không đổ đạt bằng người, không sung sướng được như mơ ước chắc chắn mình sẽ khổ lắm đây, “*câu bất đắc*” mà.

Tôi có cô em bà con cô cậu với tôi, lúc nào cũng kỳ vọng vào thằng con trai lớn, cứ mong nó phải là bác sĩ (chỉ vì cô thì mắc bệnh tim, chồng bị thấp khớp, mẹ chồng lại tiểu đường, cả nhà ra vào bệnh viện, gặp bác sĩ như cơm bữa). Cô luôn ao ước thằng cháu tôi thành bác sĩ để chữa bệnh cho cả nhà, và lại làm bác sĩ thì cũng sẽ có mối quan hệ rộng với đồng nghiệp ở ngành y nữa, thật lợi lạc, vẹn cả đôi đường. Tội nghiệp, thằng

nhỏ thích học kiến trúc, vẽ vời, khổ vì ước mơ của mẹ, thi trường y hai lần không đậu. Con buồn con khổ đã đành, mẹ càng héo sấu, ủ dột hơn cả con. Mỗi lần ghé nhà, nghe cô than thở, khuyên lơn mãi cô vẫn cứ chấp cái suy nghĩ của mình là đúng, cho rằng thằng bé cố tình thì rút vì không muốn học y. Mẹ ca cẩm, con than thở, tôi thấy mà thương cả hai. Đời sao khổ thế!

May mắn cho tôi, dù sao, sau này cũng được đến chùa tập tu, cũng thường nghe pháp, học kinh, chiêm nghiệm lời Phật dạy, cũng chuyển hóa được ít nhiều suy nghĩ. Đạo cũng như đời, người xưa vẫn thường nói: “tri túc, tiện túc, đãi túc hà thời túc”, cũng như lời Phật dạy thôi. Sống không tham, không mong cầu thì đâu có khổ, mà ta thì luôn luôn mong cầu và chẳng bao giờ biết đủ nên lúc nào cũng khổ là vậy. Một chuỗi các mắt xích của mười hai nhân duyên dẫn dắt, cột trói làm chúng ta trôi lăn chẳng có điểm dừng... là cái lý giải rõ ràng để ta nhận thức vấn đề và đoạn diệt, thế nhưng... thật đáng tiếc. “Biết thì biết mà dừng vẫn không thể dừng!”

... Nhìn mấy viên chè, nhớ đến ba đứa cháu, thấy thời gian sao đi nhanh quá, mới đây mà một đứa đã chuẩn bị vào lớp năm, con em lớp một, đứa mẫu giáo lớp chồi. Mới đây mà mình đã xấp xỉ... “lục tuần”, bạn bè sao vẫn còn sôi nổi, vui vẻ, rộn ràng còn tôi nghĩ đến mà phát... hoang. Ngẫm nghĩ thời gian trôi vùn vụt, chớp mắt đã hết ngày, chớp mắt đã sang tháng, còn được bao nhiêu đây cái quỹ thời gian của mỗi người? Mình “xài” mà không biết nó sẽ “hết” lúc nào, bởi chẳng bao giờ được báo trước. Dù biết rồi đây có lúc mình sẽ lên đường một mình, một bóng, chẳng có ai kề bên bầu bạn, giúp đỡ sẻ chia, dù biết hành trang cần phải mang theo là gì, vậy mà sao vẫn mãi lang thang, chẳng biết vun bồi để ngày tháng dần qua uổng phí... Cuộc sống chung quanh với muôn vàn chuyện lồi kéo thân tâm ta chẳng bao giờ ngơi nghỉ. Cái thân nhọc nhằn, cái tâm dong ruổi, đáng sợ thật. Biết bao giờ ta mới sống được như lời bậc Giác ngộ đã dạy:

*Vui thay chúng ta sống  
Không rộn giữa rộn ràng  
Giữa những người rộn ràng  
Ta sống không rộn ràng!*

(Kinh Pháp Cú)

Có quá khó khăn không? Nếu ta luôn tỉnh thức, luôn biết tìm lại con trâu của mình mà nắm lấy, mà chần dặt để nó chẳng đi hoang... Tôi và bạn tôi, đang vô tình, đang lơ đãng, đang tự dối mình rằng thôi thì xem như “hàng thuận chúng sanh” để bào chữa cho cái tội “giải đãi” của chính mình. Những... chúng sanh chung quanh tôi, là con, là cháu, là thân bằng quyến thuộc, bạn bè... Ôi! Phải làm sao, phải làm sao? Phật đã chỉ đường. Đi hay không? Lợi lạc hay đau khổ triển miên chỉ tôi quyết định. Tôi ăn thì no, tôi đi thì đến, ai làm thay được ngoài tôi? Khéo không thì tôi cũng như... viên trôi nước, ba chìm bảy nổi... trôi lăn... trôi lăn... bao giờ thoát khỏi bọc lư? ■

# Nay dục lạc đã hết



## TẢN NGHĨA

**G**ia đình là một trong những chủ đề được lặp đi lặp lại nhiều lần trong các chuyện tiền thân. Có những chuyện về các cặp vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến trọn đời như chuyện tiền thân Mudupani<sup>1</sup> hay Kakkata<sup>1</sup>. Có những cặp vợ chồng ban đầu lục đục nhưng về sau lại sống hạnh phúc như trong chuyện tiền thân Puta-Bhatta<sup>1</sup>. Có những cặp vợ chồng phản bội nhau như trong chuyện tiền thân Cullapaduma<sup>1</sup> hay Uchitthabha<sup>1</sup>. Có những cặp vợ chồng coi thường nhau như trong chuyện tiền thân Ruhaka<sup>1</sup>. Các câu chuyện này đều cho thấy nhiều khó khăn trong đời sống gia đình. Làm cách nào để khắc phục những khó chịu này? Chuyện tiền thân Asitabhū<sup>2</sup> mang lại một hướng trả lời cho một số trường hợp.

*Câu chuyện này, khi trú tại Jetavana, bậc Đạo sư đã kể lại về một thiếu nữ. Ở Savatthi, trong gia đình một người hầu hạ hai vị Đại đệ tử của bậc Đạo sư có một thiếu nữ rất đẹp, đạt được sắc đẹp tối thượng.*

Hai vị Đại đệ tử của Đức Phật là ngài Sariputta (Xá-lợi-phất) và ngài Moggallana (Mục-kiền-liên). Ngài Sariputta được Đức Phật khen tặng là trí tuệ đệ nhất, ngài Moggallana được khen tặng là thần thông đệ nhất.

*Đến tuổi trưởng thành, cô gái được gả cho một gia đình tương xứng. Người chồng không nghĩ gì đến nàng, tâm tư tham đắm vui chơi chỗ khác.*

Đây là một trường hợp thường hay gặp trong đời sống gia đình. Cô gái có gia thế tốt, dung mạo đẹp

đẽ, lấy chồng “môn đăng hộ đối”. Đó là điều mà nhiều thiếu nữ mong ước. Thế nhưng, người chồng lại không để ý gì đến cô. Cái khổ này của cô gọi là khổ do không được như mong đợi (“bất đắc ý khổ”). Nếu người có gia đình bị người phối ngẫu hững hờ thì đó là một việc cực kỳ khổ tâm. Trông bề ngoài, gia đình vẫn yên ổn, không có cãi nhau, chửi mắng nhau, đặc biệt là với các cặp vợ chồng có hiểu biết. Tuy nhiên, bên trong lại rất chán chường. Vậy, cô gái trong câu chuyện làm sao thoát khỏi thế khó này?

*Nàng không để ý gì đến sự vô lễ của người chồng đối với mình, mời hai vị Đại đệ tử đến cúng dường bố thí lớn, nghe pháp và chứng quả Dự lưu.*

Một trong những cái may của nàng là được tiếp xúc với hai vị Đại đệ tử của Đức Phật, nhờ vậy mà nàng hiểu rõ được đặc tính “khổ” của đời sống gia đình và không bám víu vào tình cảm với người chồng.

*Từ đấy trở đi, nàng sống an lạc trong đạo, an lạc trong quả và nghĩ rằng: chồng ta không cần ta, ta không có việc gì phải sống với gia đình, vậy ta sẽ xuất gia. Nghĩ vậy, nàng báo tin cho cha mẹ rồi xuất gia và chứng quả A-la-hán.*

Biện pháp giải quyết ở đây cực kỳ đơn giản: nếu không thương nhau nữa thì không sống chung nữa. Trong chuyện tiền thân Puta-Bhatta cũng có bài kệ viết:

Loài chim khi biết được  
Cây không còn trái nữa  
Chúng bay đến cây khác  
Thế giới thật lớn thay.



Ba dấu ấn của Phật học là “Khổ, Vô thường và Vô ngã”. Từ ba dấu ấn này, ba thái độ phát sinh là “từ bỏ, thấy tánh Không và có bồ-đề tâm”. Giải pháp thoát khỏi tình thế khó khăn, tình thế “khổ” chính là “từ bỏ”.

*Việc làm của nàng được các Tỳ-kheo biết đến. Một hôm tại Chánh pháp đường, các Tỳ-kheo khởi lên câu chuyện: Thưa các Hiền giả, người con gái của gia đình ấy đi tìm mục đích tối thượng. Biết được người chồng không kể gì đến mình, nàng học tập giáo pháp với hai vị Đại đệ tử, được an trú trong quả Dự lưu; sau rốt, nàng xin phép mẹ cha để xuất gia và chứng quả A-la-hán. Như vậy, nàng các Hiền giả, thiểu nữ ấy đã đạt được mục đích tối thượng.*

Mục đích tối thượng chính là loại trừ cái khổ. Sống trong gia đình, cô gái ấy thấy được cái khổ, cái chán nản khi bị người chồng hắt hủi. Nghe hai vị Đại đệ tử dạy dỗ, cô thấy được nguyên nhân của cái khổ đó là do bám víu vào tình cảm của người chồng. Nếu chồng quan tâm thì thấy hạnh phúc, nếu chồng hắt hủi thì thấy bất hạnh. Như thế khổ vui của cô sẽ phụ thuộc vào thái độ của người chồng. Mà người chồng thì... sáng nắng, chiều mưa. Vậy thì hạnh phúc của cô cũng... sáng nắng chiều mưa. Khi thấy được trạng thái bám víu đó và từ bỏ nó, cô trở thành người tự quyết lấy cái hạnh phúc của mình. Cô xuất gia để thực hành theo con đường đó.

Nghe câu chuyện, ta cảm thấy cô thiếu nữ này có vẻ “dễ dàng” trong việc “từ bỏ”. Thật ra, đây là một việc khó thấy và khó thực hiện. Nếu bị lâm vào tình trạng không được người phối ngẫu quan tâm thì có rất nhiều giải pháp để khắc phục: làm mới bản thân, chăm sóc người phối ngẫu cho tốt, dùng gia đình họ hàng khuyên can... nhằm giúp cho người kia “hồi tâm chuyển ý”. Sự “hồi tâm chuyển ý” xảy ra thì gia đình sẽ hạnh phúc trở lại như “gương vỡ lại lành”. Do bám víu vào sự biến động của trạng thái “hồi tâm chuyển ý” này nên các biện pháp này cũng tạo ra sự biến động rất lớn trong tâm lý người thực hiện. Giải pháp “từ bỏ” ít được nêu ra và có khi không được đề cập đến. Do đó, đây là một giải pháp khó thấy. Ngoài ra, giải pháp này cũng khó thực hiện vì các bám víu về tình cảm cũng như ý kiến ngăn cản của gia đình. Thiểu nữ này thấy được biện pháp “từ bỏ” nhờ được hai vị Đại đệ tử dạy dỗ và do đã từng “từ bỏ” trong các đời sống trước. Điều này được giải thích trong phần tiếp theo của câu chuyện tiền thân; rằng khi Đức Phật biết được câu chuyện mà các Tỳ-kheo đang thảo luận, Ngài cho các Tỳ-kheo biết là thiếu nữ ấy đã đi tìm mục đích tối thượng trong quá khứ, và Ngài kể lại câu chuyện tiền thân.

*Thuở xưa, khi vua Bramadatta trị vì ở Benarès, Bồ-tát xuất gia làm vị ẩn sĩ ngoại đạo, đạt các thắng trí và thiên chứng, sống tại vùng núi Hy-mã-lạp. Lúc bấy giờ vua Benarès thấy con mình là hoàng tử Bramadatta uy nghi, oai vệ, khởi lên nghi ngờ nên đuổi chàng ra khỏi quốc độ.*

Chuyện các vị vua đuổi con mình ra khỏi nước là nhằm: giữ tính mạng cho con không bị người khác giết để giành thừa kế, tránh để đứa con âm mưu giết cha để

lên ngôi vua cho sớm. Bao giờ vua chết sẽ gọi hoàng tử đó về để truyền ngôi.

*Hoàng tử đem theo vợ mình tên là Asitabhù, đi vào Tuyết sơn, trú tại một am thất bằng đá, bắt cá và hái rau quả để sống.*

Đoạn văn cho thấy hoàng tử đi vào Tuyết sơn nhưng không phải là người tu hành, chỉ là một người sống chờ thời.

*Hoàng tử thấy một vị nữ thần trong núi, muốn lấy nàng làm vợ, không để ý gì đến người vợ đã mang theo. Asitabhù thấy chồng mình đi theo nữ thần, nghĩ rằng: người này không xem gì đến ta, đi theo nữ thần, vậy cần anh ta làm gì?*

Nàng nghĩ ngay đến giải pháp “từ bỏ”. Đây là một cô gái rất kiên quyết. Trở lại câu chuyện.

*Tâm không vui, nàng đi đến gặp Bồ-tát đảnh lễ, xin dạy cho một đối tượng để quán tưởng. Nhờ thế, nàng đạt các thắng trí và thiên chứng. Nàng đi đến Bồ-tát và đảnh lễ, rồi về đứng trước am thất bằng đá của mình. Bramadatta theo đuổi nữ thần, tìm khắp nơi không thấy được con đường nữ thần ấy đi, thất vọng, hướng mặt về phía chòi lá của mình. Asitabhù thấy chồng đi đến bên bay lên hư không, đứng trên tầng trời có màu sắc châu báu và nói: Nay chàng tôn kính trẻ tuổi, nhờ chàng ta chúng được an lạc thiên định này. Nói xong, nàng đọc bài kệ:*

*Nay dục lạc đã hết  
Cũng nhờ việc chàng làm  
Như ngà voi bị cưa  
Không gắn liền lại được.*

Nàng cảm ơn người chồng hoàng tử vì chàng đã làm cho nàng ý thức được cái khổ bị hắt hủi trong đời sống vợ chồng và từ bỏ được sự bám víu vào tình cảm gia đình.

*Nói vậy xong, trước mắt chàng, nàng bay lên hư không và đi tới nơi khác. Khi nàng đi rồi, hoàng tử Bramadatta, than thở, nói lên bài kệ thứ hai:*

*Do tham lam quá lớn  
Do đắm say ham muốn  
Ta bị vợ ruồng bỏ,  
Ta đánh mất vợ ta.*

*Hoàng tử khóc than với bài kệ này rồi sống một mình trong rừng.*

Bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong cho biết; lúc bấy giờ, hoàng tử con vua và vợ hoàng tử là cặp vợ chồng mà các Tỳ-kheo vừa nhắc đến; còn vị ẩn sĩ khổ hạnh chính là Đức Phật. ■

1. Có thể tham khảo tại kinh *Tiểu Bộ* tập 4 và tập 5 do Cư sĩ Trần Phương Lan dịch. Tiền thân Mudapani là Chuyện bàn tay mềm mại, số 262; Tiền thân Kakkata là Chuyện con cua, số 267; Tiền thân Puta-Bhatta là Chuyện Thức ăn đi đường, số 223; Cullapaduma là Chuyện Hoàng tử Liên Hoa, số 193; Uchitthabhadda là Chuyện Thức ăn thừa, số 212; Ruhaka là Chuyện Tế sư Ruhaka, số 191.

2. Chuyện nàng Asitabhù, số 234.

# Con cái và Giáo pháp, một bài học vỡ lòng

NEIL GORDON  
TRẦN KHIẾT BÁCH dịch

**M**ột nỗi niềm vượt ngoài mọi diễn đạt  
– Được giấu trong trái tim yêu: – Đám  
người đang bán bán  
mua mua, – mây vờn  
bên trên hành trình  
của họ, – Những cơn gió ẩm lạnh  
không ngừng thổi, – và cánh đồng  
cây phi tầm tối – nơi những dòng  
nước đục ngầu cuộn cuộn  
chảy, – đe dọa kẻ tôi yêu.

Điều Tiếc Nuối của  
Tình Yêu – W.B. Yeats

Một đêm, có lẽ  
vào lúc đứa trẻ mới  
được tám tháng tuổi,

con trai tôi làm tôi thức giấc, không phải vì nó đang  
khóc, mà vì thằng bé đang cười khúc khích. Cháu đang  
ở một trạng thái hết sức phi thường. Hoàn toàn tỉnh  
táo, gương mặt cháu bé rạng rỡ một nụ cười khi tôi  
bước vào phòng nôi của nó, đôi mắt sáng rực hòa vào  
với ánh sáng của vầng trăng đang vằng vặc trên những  
mái nhà vùng Brooklyn. Những cử động của cháu, vẫn  
còn vụng về, như thể đứa trẻ không có trọng lượng,  
rõ ràng đang đem lại cho cháu một niềm vui thích  
lớn lao về mặt thể chất. Thế rồi cái sự chú ý mà  
cháu hướng vào tôi, đối tượng trung tâm  
của niềm hạnh phúc chắc chắn của cháu,  
là một kinh nghiệm hết sức mãnh liệt của  
tình yêu ban sơ mà tôi chưa bao giờ được  
biết tới. Tắm trong cái ánh nhìn nóng bỏng  
ấy, lấy tay vò vò tóc đứa trẻ, tôi phát hiện





một cảm giác tiếc nuối không thể nào chịu đựng được tràn ngập hồn mình.

Đó là điều gì vậy? Tôi tự hỏi, đứng sững trong căn phòng tràn ngập ánh trăng. Vì sao mà một sự đau đớn như vậy lại có mặt giữa một tình thương đậm đà như thế? Câu thơ mở đầu mang tính cách công án trong bài thơ ngắn của Yeats đã từng ám ảnh tôi như một điều bí ẩn: *"Một nỗi nuối tiếc vượt ngoài mọi diễn đạt – Được giấu trong trái tim yêu"*, có tính cách công án bởi vì tôi đã cảm nhận được chân lý của câu thơ ấy một cách đầy trực giác, có tính cách bí ẩn vì danh mục những thứ thuốc làm giảm đau tiếp theo – đều đặn, những chuyện xảy ra thường ngày, từ chợ búa đến những đám mây – chẳng mang lại được một điều giải thích nào về nỗi nuối tiếc là cái gì. Đêm hôm ấy, điều bí ẩn của bài thơ đối với tôi dường như có tính cách cấp bách hơn bất cứ lúc nào. Nỗi nuối tiếc được giấu trong trái tim yêu là cái gì, và tại sao nó lại chế ngự được luôn cả sự gần gũi diệu kỳ trong niềm vui của đứa con tôi?

Quả thực tôi đã thấy, con gái tôi đã chuyển hóa từ một đứa trẻ diệu kỳ thành một bé gái có sức tưởng tượng mạnh mẽ, phấn khởi, tò mò. Rõ ràng con bé đã có bạn, có những mối quan tâm, có những điều bí mật. Những khoảnh khắc đó đối với một đứa trẻ còn được đặt trong chiếc giường cũ – những khoảnh khắc bị đánh cắp từ giấc ngủ – đã có thể là những khoảnh khắc cuối cùng như vậy trong đời tôi.

Tôi đã có lý hơn là tôi đã biết. Con trai tôi không bao giờ thức giấc trong tiếng cười như nấc nẻ ấy nữa – ít nhất là không đủ vang lên để đánh thức tôi – và chẳng bao lâu cái gương mặt tám tháng tuổi ấy đã trở thành hai tuổi, rồi ba tuổi, và đôi má phình phính đã xuôi lại để làm cho tôi nhận ra đôi gò má của vợ tôi, mái tóc thưa của trẻ con cũng đã mọc dày hơn để trở thành mái tóc cắt ngang trán mà tôi vẫn có khi tôi là một cậu bé. Rồi từ đêm ấy và cả một thời gian dài về sau, kinh nghiệm về những đứa con của tôi trở nên có nhuốm chút nuối tiếc của lòng yêu thương ấy. Quả thật là đến mức tôi đã nghĩ điều đó có một chút gì rất giống với sự phiến muộn. Nhưng vì tôi ngày càng trở nên miễn cảm hơn với tình cảm ấy – và nhất là khi tôi quán sát tình cảm ấy trong lúc thiền định – tôi càng trở nên được thuyết phục rằng sự nuối tiếc ấy chẳng có gì là bệnh hoạn mà nó thực sự có tính cách hiện sinh; rằng trong cái tình cảm đó có một chút tuệ giác của giáo pháp.

Điều đó chẳng có gì ngạc nhiên. Trong việc thực hành thiền định của tôi, chẳng có gì tỏa sáng mạnh mẽ hơn là những kinh nghiệm về con cái của mình. Thế nhưng, tôi đã phát hiện rất ít điều có thể giúp tôi hiểu rõ những gì đã xảy ra cho tôi trong cái đêm ấy với đứa con trai. Trong các buổi tĩnh tu, trong những dịp pháp thoại, thỉnh thoảng trẻ em cũng được nhắc đến, nhưng thường chỉ là một phần của cả cái mảng của những yếu tố có chút nào đó mang tính vướng mắc, mang

tính bao dung một cách độ lượng, trong đời sống thực hành của người cư sĩ. Nhưng khi tôi ngồi với kinh nghiệm ấy, tôi bắt đầu cảm nhận rằng câu hỏi được đặt ra trong đêm hôm ấy khi con trai tôi mới được tám tháng tuổi không phải là sự vướng mắc đối với việc hành trì của tôi, mà là chìa khóa – rằng kinh nghiệm ấy có, thật vậy, một sự tương tự rất chính xác với giáo pháp. Điều đã nhắc nhở tôi chính là một sự hiểu biết rõ rệt về cái tính thoáng qua không thể mặc cả, không thể trì hoãn không phải chỉ là phụ thuộc mà chính là tự thân kinh nghiệm ấy như tôi đã nghĩ ngay từ đầu.

Tôi vẫn luôn luôn kết hợp, có phần trừu tượng hóa, sự hiểu biết cốt lõi của Phật giáo về tính vô thường với sự mất mát. Trong cái bối cảnh liên quan đến con cái, đó là một sự liên kết dễ dàng; ngay từ lúc đứa con gái tôi chào đời, tôi đã hiểu rằng tôi sẽ phải lo cho cháu suốt cả phần còn lại của đời mình. Nhưng sự thật về tính vô thường mà đứa con trai tôi minh họa cho tôi đêm hôm ấy nằm ở chỗ nó không chỉ là bởi tai nạn, hoặc về mặt sinh học, mà bởi ở sự xác định rằng tình yêu và mất mát là hai sự kiện không thể nào tách rời khỏi nhau. Yêu thương con cái một cách sâu sắc không chỉ là chịu rủi ro về một sự mất mát mang tính thảm kịch; thương yêu con cái cũng có nghĩa là chấp nhận mất chúng hết lần này đến lần khác, trên căn bản hàng ngày và từng khoảnh khắc, không phải vì chúng qua đời hay chúng đi xa mà chỉ đơn giản là vì chúng lớn lên. Trong từng khoảnh khắc, chúng khác với những đứa trẻ mà chúng đã từng là, và những nhân dạng trước của chúng không như cũ – chẳng có gì ngoài những tấm ảnh và những cuộn băng ghi hình, những sự gần đúng thô thiển đã nắm bắt điều buồn phiền của sự thay đổi từng chút một ở mức nhiều nhất để chúng có thể nhắc nhở ta về niềm hạnh phúc của những đứa con ngày trước của chúng ta.

Vậy thì, làm thế nào để sống với cái sự thật gây choáng là sự mất mát không chỉ có tính cách tai nạn, nhưng là thành phần của điều rất đồng nhất với tình thương yêu? Làm thế nào để thương yêu con cái của mình khi mỗi khoảnh khắc của việc thể hiện tình thương yêu đó lại là, theo định nghĩa, một khoảnh khắc của sự mất mát? Làm thế nào để sống với sự nhận biết rằng có một nỗi nuối tiếc vượt ngoài mọi diễn đạt được giấu trong trái tim yêu thương?

Sự thách thức của câu hỏi đó mở toang cái cốt lõi của Phật giáo: sự hiểu biết sâu sắc về tính vô thường của mọi điều trải nghiệm, bản chất thực của mọi hiện tượng. Tôi nghĩ rằng hầu hết những ai đã từng đương đầu với câu hỏi đó – cho dù có hay không có con – sẽ đồng ý rằng sau khi đã có được sự hiểu biết sâu sắc về điều này, rất ít những gì còn lại được thấy giống như trước. Với tôi, sự hiểu biết sâu sắc một cách trực tiếp và đầy kinh nghiệm về tính vô thường đã không đến từ một thời thiền định trong nhà xác, mà đến từ tiếng cười của con trẻ cất lên trong đêm. ■

# Mạng xã hội và Hành giả Kim Cương thừa

DZONGSAR JAMYANG KHYENTSE RINPOCHE  
HỒNG ĐIỆP giới thiệu và dịch

Lạt-ma Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche ra đời tại Vương quốc Bhutan, là một trong những vị lạt-ma của dòng Kim Cương thừa Tây Tạng đang tích cực hoằng pháp. Ngài được nhìn nhận là hóa thân của ngài Dzongsar Khyentse (1894-1959). Từ thuở ấu thơ, ngài đã nhận được sự giáo hóa về Phật pháp của nhiều vị đại sư nổi tiếng đương thời, đặc biệt là của ngài Dilgo Khyentse Rinpoche. Ngài sớm trở thành một

nhà hoạt động tích cực trong việc bảo tồn giáo pháp của Đức Phật: thành lập các trung tâm tu học, giúp đỡ những người thực hành giáo pháp Kim Cương thừa, xuất bản sách và giảng dạy ở nhiều nơi trên thế giới. Ngài quản lý ngôi tự viện của truyền thống Dzongsar và các trung tâm ẩn cư phụ thuộc nằm trong vùng Tây Tạng tự trị ở tỉnh Tứ Xuyên; cùng lúc, ngài còn điều hành các trường cao đẳng được thành lập ở Bhutan và Ấn Độ. Ngài cũng đã thiết lập nhiều trung tâm tu học ở Australia, Bắc Mỹ và trong vùng Đông Nam Á; những trung tâm này là các chi nhánh của tổ chức Siddhartha's Intent.

Nhận thức rõ thế giới ngày càng trở nên nhỏ bé cả về không gian lẫn thời gian trước sự phát triển vũ bão của công nghệ thông tin và của mạng xã hội, ngài đã gửi những thông điệp đáng chú ý đến những người tự cho rằng mình đang tu tập theo Kim Cương thừa. Dưới đây là bản dịch một số ý kiến của ngài đã truyền lên một trang Facebook và trang web Siddhartha's Intent của ngài.

*Nguyên tắc Ứng xử trên Mạng Xã hội dành cho Hành giả Kim Cương thừa:*

Nếu bạn nghĩ hoặc tin rằng mình là một người đang thực tập về Kim Cương thừa, cho dù có chân thành hay không thì lại là một vấn đề khác, nhưng chừng nào bạn còn nghĩ rằng mình là một hành giả Kim Cương thừa, bạn phải có trách nhiệm bảo vệ truyền thống uyên thâm này.

Điểm quan trọng trong Kim Cương thừa là giữ được tính bí mật. Kim Cương thừa được gọi là “dòng mật chú” vì nó được xây dựng để thực hành trong sự kín đáo. Kín đáo ở đây không có nghĩa là có gì phải che giấu, mà là để tránh cho người thực hành không rơi vào những cạm bẫy và chướng ngại mà cái tôi có thể mang lại cho sự tu tập. Cụ thể, người tu thường làm môi cho “chủ nghĩa vật chất về phương diện tâm linh,” qua đó việc tu tập của họ rút cục chỉ là để trang điểm thêm cho cái tôi và làm họ cảm thấy quan trọng hơn, hoặc khiến họ cảm thấy mình là thành phần của một tầng lớp xã hội “đặc biệt”, chứ không phải để chế ngự và chuyển hóa tâm thức của mình. Nếu tu tập này theo lối này thì con đường Kim Cương thừa trở nên tệ hại hơn chứ không chỉ là vô ích.

Lại nữa, giáo pháp Kim Cương thừa “được giấu kín” theo chiều hướng là ý nghĩa của giáo pháp không có tính cách hiển nhiên đối với những ai chưa tiếp nhận





được những giáo pháp thích hợp. Điều đó giống như một ngôn ngữ nước ngoài. Vì một số hình ảnh và biểu tượng của Kim Cương thừa có thể xa lạ hoặc có khi là quá đáng đối với những người chưa quen, nên nói chung vẫn có yêu cầu là chúng được giữ kín để chúng không cản trở những người mới thực hành, là những người có thể bộc lộ những quan điểm sai lầm về đạo Phật nói chung và về Kim Cương thừa nói riêng.

Khi đăng tải thông tin trên các phương tiện giao tiếp xã hội, hãy ghi nhớ rằng bạn không chỉ đăng tải vì sở thích cá nhân của mình, mà cho cả thế giới rộng lớn những con người có khả năng là phần lớn sẽ không chia sẻ với sự thích thú của bạn về những bức ảnh kỳ quái cũng như sự tôn sùng và những điều tưởng tượng kỳ quái của bạn về những nhân vật nào đó được bạn gọi là bậc thầy. Do vậy, dưới đây là vài gợi ý được đưa ra cho những vị được gọi là hành giả Kim Cương thừa về cách tự bảo vệ bản thân – vừa bằng cách tránh sự lúng túng lẫn bằng cách bảo vệ sự thực hành giáo pháp của mình – và cũng là bảo vệ truyền thống uyên thâm của Kim Cương thừa:

1. Duy trì tính bí mật của Kim Cương thừa (điều này bao gồm sự kín đáo về người thầy của bạn, về sự thực hành của bạn, về các hình ảnh Mật tông, những phép quán đỉnh mà bạn đã tiếp nhận, các khóa học bạn đã tham dự, v.v.)

- Không được đăng tải các hình ảnh Mật tông: Nếu bạn nghĩ bạn sẽ trở nên quan trọng hơn khi đăng tải các hình ảnh Mật tông hấp dẫn (ví dụ như hình ảnh các vị thần có nhiều tay nhiều đầu, những vị thần trong trạng thái kết hợp, và các vị thần phẫn nộ) thì có lẽ bạn đã không hiểu ý nghĩa của những hình ảnh này.

- Không được đăng tải những mật chú và những âm tiết căn bản: Nếu bạn nghĩ những mật chú và những âm tiết căn bản có thể được đăng tải lên trang mạng Facebook như những phương tiện gây hưng phấn và tự cải thiện bản thân thì việc làm đẹp và việc cắt tóc có thể là điều tốt hơn.

- Không nói chuyện về những lễ quán đỉnh mà mình đã tham dự: Nếu bạn nghĩ những hình ảnh về lễ quán đỉnh Kim Cương thừa mà bạn tham dự hôm cuối tuần vừa rồi có thể đặt cạnh những tấm ảnh về con mèo của bạn trên Facebook, tốt nhất bạn nên gửi con mèo của bạn sang Nepal để nó được tấn phong. Trừ khi bạn được thầy cho phép, không bao giờ được đăng tải hình ảnh, băng ghi hình hoặc ghi âm về các lễ quán đỉnh, các khóa học hoặc những mật chú Kim Cương thừa.

- Không nói về những khóa học Kim Cương thừa sâu sắc và kín đáo mà bạn đã tham dự: Một vài người có vẻ thích nói về những từ như “Đại toàn thiện” (Dzogchen) hay “Đại thủ ấn” (Mahamudra) như một cái mốt. Nếu bạn nhận được những chỉ dạy về các phương pháp tu tập uyên áo này, tốt nhất là hãy tu tập theo chỉ dẫn và giữ riêng cho mình.

2. Tránh việc đầu hàng trước những cám dỗ của chủ nghĩa vật chất về phương diện tâm linh và việc sử

dụng Phật pháp để phục vụ tự ngã (không được khoe khoang về bốn sự, về sự hiểu biết và về việc tu tập của bản thân, v.v. Tương tự, không nên nói xấu về những hành giả hoặc những truyền thống tu tập khác).

- Không chia sẻ kinh nghiệm và điều được gọi là sự chứng đắc: Nếu bạn nghĩ việc loan báo về những thành tựu trong sự tu tập của mình là nên làm, có thể bạn chỉ loay hoay nuôi lớn những ảo tưởng của mình. Cố gắng gây ấn tượng cho người khác về việc tu tập của mình không phải là một cách tu tập. Hãy cố thành thật và khiêm tốn. Chẳng ai quan tâm đến những kinh nghiệm trong thiền định của bạn, kể cả những kinh nghiệm đó chứa đựng những hình ảnh về các vị Phật, về kỳ lân hay cầu vồng. Nếu bạn nghĩ mình đã thoát khỏi sự tự đánh lừa mình, hãy tiến tới, nghĩ tiếp.

- Không khoe khoang về thầy của mình: Bất kể bạn nghĩ thầy của mình có vĩ đại đến đâu thì điều có lợi cho bạn nhất có lẽ là hãy giữ sự tận tâm đó cho riêng mình. Nên nhớ rằng trở thành Phật tử không có nghĩa là gia nhập một sự cầu cúng. Nếu bạn nghĩ thầy của mình tốt hơn thầy của người khác, cũng có thể bạn sẽ nghĩ rằng niệm bình đẳng và chân thức của mình tốt hơn của người khác.

- Không chia sẻ những cái gọi là trí tuệ: Nếu bạn nghĩ việc tiếp nhận những giáo lý sâu sắc cho phép bạn được công bố những giáo lý ấy, có thể bạn chỉ đang thể hiện chính sự ngu dốt của mình. Trước khi “chia sẻ” một trích dẫn từ Đức Phật hoặc từ bất kỳ một người thầy nào của mình, hãy dành thời gian để nghĩ xem có phải những vị đó đã thực sự nói những lời đó hay không, và ai là thánh chúng được nhắm đến.

- Không nhầm lẫn những ý niệm Phật giáo với những ý tưởng không phải của Phật giáo: Bất kể bạn có hứng khởi thế nào về cầu vồng và thiên thể, và bạn đã bị thuyết phục về ngày tận thế đến mức nào, cố gắng đừng trộn lẫn những điều tưởng tượng và tính khí bản thân với Phật giáo.

- Tôn trọng người khác: Nếu không có Nguyên thủy và Đại thừa làm nền tảng, thì sẽ không có Kim Cương thừa. Sẽ là hết sức đại dột nếu một hành giả Kim Cương thừa xem thường Nguyên thủy và Đại thừa. Nếu bạn nghĩ tấn công những Phật tử khác sẽ cải thiện Phật giáo, phụng sự Phật giáo, thì tốt nhất là hãy tấn công vào cái tự ngã và cái tính thiên kiến của chính bạn.

- Không được tạo sự bất đồng: Cố gắng là người mang lại sự hòa đồng cho cộng đồng Phật tử khi bạn tán gẫu trên mạng, thay vì mang lại khúc mắc và bất đồng.

- Luôn có chánh niệm về động cơ của mình: Đừng thể hiện thái độ “trí tuệ điên rồ” (crazy wisdom) của mình trên mạng, chỉ nên gây cảm hứng để người khác có thiện tâm. Nếu bạn nghĩ mình đang đăng tải thông tin nào đó với lòng từ, trước hết phải đảm bảo bạn đang không gây hại. Bất kể khi nào bạn không cưỡng nổi ham muốn phải đăng tải thông tin nào đó trên mạng, hãy chắc chắn rằng những thông tin này sẽ đem lại điều tốt người đọc và Phật pháp. ■



# Sao gần sao xa

LÊ HẢI ĐĂNG

**N**gồi trên máy bay trong những chuyến bay đêm trở về thành phố, chẳng mấy ai không khỏi bàng hoàng, choáng ngợp trước khung cảnh lung linh, rực rỡ ánh đèn. Mặt đất giống như bầu trời huyền ảo, đầy sao lấp lánh... Nhìn từ trên cao xuống, đèn đường tạo thành những dải cầu sao, dài miên man sáng rực. Các ngọn đèn đường đan vào nhau, nhảy múa theo những vệt dài dọc ngang của cung đường. Mặt đất bỗng trở nên thân thuộc, thành “một cõi đi về” cho tất cả mọi người sau những giờ phút dài lơ lửng giữa không trung và thực tại. Cảm giác ấy có thể tiếp nối khi ngồi trên những căn nhà cao tầng, xung quanh có kính cường lực bảo vệ cho được cảm giác an toàn để thưởng thức phố xá xô xao - Khung cảnh phố phường nhộn nhịp, tưng bừng ẩn hiện dưới chân, những chiếc xe nhỏ xíu giống như đồ chơi con nít di chuyển chậm chạp. Lúc thành phố lên đèn, những ánh sao đêm lại tiếp thêm chiều kích cho trí tưởng tượng phong phú, biến ảo, tạo ra cảnh thành phố đầy sao cùng những tinh cầu xa xăm, nhấp nháy...

Nhìn từ xa, người ta thấy thế giới, bầu trời, mặt đất, phố phường, xe cộ, nhà cửa, ánh đèn... đều lung linh, diệu vợi và huyền ảo... Đơn giản vì con người chẳng thể nhìn rõ sự vật. Loài người vốn là một loài động vật có góc nhìn khá hẹp. Bạch tuộc có khả năng quan sát sự vật ở tư thế tĩnh tại với góc 180 độ. Còn hai mắt của con người chỉ nhìn rõ sự vật nằm ở khu vực phía trước. Tư duy ban sơ được hình thành trên cơ sở của việc chuyển động cổ sang hai bên, làm hình thành quan niệm phải - trái. Động tác xoay đầu để có thể nhìn thấy nhiều thứ hơn mang ý nghĩa nền tảng trong hành vi mong muốn mở rộng tầm nhìn đối với thế giới. Xét về khả năng nhìn, con người thua xa các loài, từ những giống bay được

trên không, như chim trời... cho tới vật chạy dưới đất, mèo, báo, chó... Tuy nhiên, đối với con người, ngoài khoảng cách vật lý phụ thuộc vào quãng đường, còn có khoảng cách tâm lý, chịu sự chi phối bởi cái nhìn chủ quan. Có khi, những sự vật hiện tượng có kích cỡ lớn lại làm chúng ta lóa mắt, trong khi nhờ sự quan tâm, lưu ý mà ta có khả năng phát hiện những sự vật ở xa tít tắp!

Xét về không gian vật lý, có những vì sao trên bầu trời cách xa tới hàng trăm triệu năm ánh sáng, ta vẫn có thể nhìn thấy dưới dạng đốm sáng. Trong khi có những hiện tượng nằm ngay cạnh chúng ta, nhưng lại chẳng hề trông thấy gì! Bởi thế, nhìn xa ta thấy trời sao, nhìn từ trên không trung xuống mặt đất thấy ánh đèn lung linh, cổ tích, nhìn từ trên những căn nhà cao tầng thấy phố xá đông vui, nhộn nhịp, êm đềm... Tất cả không chỉ khơi gợi trí tưởng tượng phong phú cho tâm hồn mong muốn tô vẽ của con người, mà còn chỉ ra nhược điểm về cơ quan nhận biết của chúng ta là mắt.

Mắt con người nói chung càng ngày càng có xu hướng tệ hơn. Một bà mẹ gánh nỗi đau hũ đi bán từ năm giờ sáng đến hai giờ chiều, oằn mình trên vai chiếc quang gánh nặng trĩu, tìm cách ngó núp bên lề đường sát công viên bán hàng cho những khách vãng lai ít ai trông thấy, ngay cả những đứa con của mình. Nhóm đối tượng thường xuyên phát hiện ra sự có mặt của bà có lẽ là lực lượng chuyên trách nơi công viên nhằm xử lý trường hợp vi phạm Nghị định 36CP. Nhờ bán đậu hũ, bà mẹ ấy nuôi được ba người con học hết đại học, có đứa đã lập gia đình. Thật là một tấm gương trong vô vàn điển hình về những người mẹ chịu thương, chịu khó trên đất nước này. Thế nhưng, những ngôi sao ấy thường không tỏa sáng như loại sao trên bầu trời nhạc pop hay điện ảnh, thời trang... mà âm thầm nuôi dưỡng ước mơ của thế hệ sau.



Cách đây chục năm, có một người bố từng đi ăn xin bảy năm liền để hoàn thành giấc mơ đại học cho hai người con ở thành phố đặc khu Thẩm Quyến, Trung Quốc. Ông chỉ được mọi người biết đến sau khi Đài Truyền hình Phương Hoàng phỏng vấn trong chương trình Người đương thời. Có người hỏi ông rằng: Chẳng lẽ bác không sợ người quen nhìn thấy mình trên đường sao? Khi ấy những người con của bác sẽ bị tổn thương nghiêm trọng? Ông từ tốn trả lời: Tôi không sợ người khác coi thường, mà chỉ sợ bản thân coi thường mình thôi. Thiết tưởng ăn xin là cách thức mưu sinh dành cho những người lâm vào hoàn cảnh *bước đường cùng*. Thế nhưng, ăn xin cũng có năm, bảy hạng khác nhau. Có hạng thực sự “đẳng cấp” như người bố này. Và người ta được biết, việc đi làm *nghề xin ăn* của ông được thực hiện một cách có kế hoạch hẳn hoi. Sau bảy năm lưu lạc vì sự nghiệp cấp dưỡng cho con ăn học, ông hoàn thành sứ mệnh lịch sử, chấm dứt vai trò đầu đường xó chợ của mình để trở về cuộc sống bình yên và dành số thời gian còn lại để hiện thực hóa giấc mơ của bản thân, biến những trải nghiệm trong cuộc đời ăn xin thành cuốn Tự truyện.

Một ngày kia, giữa khu trung tâm đô thị ồn ào, tấp nập, người qua đường chợt nhận ra sự vắng bóng của gã ăn mày. Ông cũng như hoàng hạc một đi không trở lại! Trước đó, ngày nào gã chẳng ngồi đó, hiển hiện một cách cụ thể, trần trụi, nhưng chẳng mấy ai thèm để ý. Như thế để thấy rằng, trong muôn vàn vì sao lấp

lánh trong cuộc đời, chỉ có những ngôi sao lên trời lấp lánh mới gây được sự chú ý cho thiên hạ. Biết bao những ngôi sao lạng thẳm, một mình tỏa sáng, cho dù thứ ánh sáng linh diệu nuôi dưỡng giấc mơ của bao người vẫn trở nên xa xăm, diệu vợi bên lề cuộc sống. Con người ta khiếm khuyết về góc nhìn là thế. Sao trời xa vậy mà vẫn gần vì cho ta nhìn thấy hằng đêm. Còn biết bao ngôi sao, sống và đi bên cạnh cuộc đời, nhưng vì khoảng cách, không gian tâm lý cách trở, nên rất cuộc, mắt chúng ta vẫn chẳng hề nhìn thấy. ■



## CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2013

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 41 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải, Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô Huỳnh Văn Lộc, Q. BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5	
PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thần hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng, CTCP. ThaiHa Books	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền, CT TNHH Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com CT TNHH SXTM	: 2 cuốn/kỳ

Nến Hạnh Phúc, Q. BT	: 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ
CTY TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
CTY Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan (namgiaio1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này:	<b>440 cuốn</b>

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**  
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập

# Xin lỗi và thông cảm

HOÀNG TÁ THÍCH

**B**áo ngày đăng tin các bác sĩ đại diện một bệnh viện gửi lời xin lỗi đến gia đình của một em bé mới có sáu ngày tuổi bị chích nhầm thuốc và tử vong. Cũng trên báo ngày có đưa tin một tòa án đã phải xin lỗi bị cáo bị xử nhầm đến nỗi phải mất một thời gian ngồi tù trước khi vụ án được điều tra lại.

Nghe hai chữ xin lỗi thật đơn giản và có thiện chí, nhưng trong những trường hợp kể trên, giá trị của chuyện xin lỗi không chỉ là một chuyện đáng tiếc tầm thường, mà là một mạng người, hoặc một phần cuộc đời, mới đáng nói.

Hai chữ xin lỗi rất thường nằm trên đầu môi của mọi người. Nghe không được rõ, cũng “xin lỗi, tôi chưa nghe rõ.” Đứng đằng sau người khác trong thang máy, hay trên xe bus, muốn bước ra trước, cũng lịch sự: “xin lỗi”. Vô ý chạm phải người khác làm rơi đồ của họ trên tay, dĩ nhiên là cũng phải “xin lỗi” trước khi nhặt lên cho người ta. Một lời xin lỗi dễ dàng và không mất tiền mua. Vô ý làm người khác té, thì cũng chỉ hai tiếng “xin lỗi” không xảy ra một sự đáng tiếc nào thì hai chữ xin lỗi thật vô cùng giá trị, vì “thực ra, chỉ là một sự vô ý, tôi không cố tình làm như thế.” Nhưng nếu nhờ người ta té trượt tay trượt chân thì hai chữ “xin lỗi” có ích gì đâu. Tuy nhiên, người nói được hai tiếng xin lỗi, ít nhất là một con người lịch sự... trong vài trường hợp, có thể làm cho người ta không thể nào trách cứ hoặc khó chịu được.

Khách đặt một bàn ăn trong một nhà hàng, khi đến nơi, không có chỗ vì nhân viên phụ trách lại lấy chỗ đó cho một người khác khác có thể là nhầm lẫn hay vì một lý do nào khác, bèn: “xin lỗi và xin... thông cảm, xin ngồi chờ để sắp xếp”. Đã lỡ mời bạn ăn cơm rồi, đành phải ngồi chờ hoặc ra về. Bữa ăn chẳng còn ngon lành gì. Quảng cáo một mặt hàng khuyến mãi, nhưng khi người ta đến mua thì không có hàng và: “xin lỗi, xin thông cảm.” Tuy không thể nào thông cảm được, vì người ta phải mất công mất thì giờ đến nơi để được... xin lỗi, nhưng những chuyện như thế cũng chưa đến nỗi nào. Chạy xe không cẩn thận, húc nhầm người khác té, bị thương rồi cũng: “xin lỗi, xin thông cảm” thì đã thấy khó chấp nhận rồi. Đàng này, vì vô ý và cũng vì vô trách nhiệm đến có thể chích thuốc nhầm cho

một em bé, lấy đi một mạng người rồi cũng chỉ “xin lỗi” thì thật khó nghe. Dù sau chữ xin lỗi, nạn nhân có được bồi thường bao nhiêu đi nữa thì cũng chẳng ích gì. Có những chuyện nghe mà cười ra nước mắt: Một bị cáo ra tòa, bị xử tù chung thân. Cả hàng chục năm sau, có chứng cứ chứng tỏ người đó bị oan, nên nạn nhân được cứu xét lại vô tội, được trả tự do với lời “xin lỗi” của tòa án. Ở tù chỉ năm ba năm, cả cuộc đời cũng đã bị thiệt thòi không biết bao nhiêu mà kể huống hồ.

Thực ra, đôi khi một lời xin lỗi không mất công cho lắm, nhưng cũng có thể tránh được hậu quả không lường được. Mới đây, báo hàng ngày loan tin về một thanh niên bị đâm chết. Chẳng có nguyên nhân chính đáng nào, chỉ là anh này đạp nhầm chân anh kia trong một tiệm tạp hóa vì mất điện. Không có một lời xin lỗi nào, hẳn thế, vì hai bên đã gây gỗ nhau, và cuối cùng là anh bị giẫm chân rút dao đâm chết anh kia. Giá như có một lời xin lỗi không mất tiền mua thì biết đâu có thể tránh được án mạng.

Vừa rồi, báo chí cũng loan tin một thanh niên còn quá trẻ vào trộm một căn nhà nào đó, bị lộ, đã không được gì, còn bị gia chủ khống chế, bèn quỳ xuống “xin lỗi” và xin tha mạng. Chuyện chưa đến đâu, gia chủ chưa bị thiệt thòi gì, nên ông ta có thể tha thứ bỏ qua được. Thường làm những điều ác đức, thiệt hại cho người khác, rồi khi nhận lãnh một hậu quả, bị trừng phạt thì thế nào cũng hối hận và xin được tha thứ. Nhưng ai mới có quyền tha thứ cho họ? Thực ra chẳng ai có quyền tha thứ cho họ cả, vì nếu được tha thứ một cách dễ dàng, thì điều ác cũng sẽ tái diễn và cũng sẽ xin được tha thứ. Ngay cả luật pháp công minh, trừng trị đích đáng tội phạm, thì cũng không thể nào lấy lại được những thiệt hại của nạn nhân. Người Phật tử làm một điều sai quấy, chẳng thể nào xin được ai tha thứ mà chỉ có thể tự mình ăn năn, sám hối vì hành vi sai quấy của mình và cố gắng tu tập để không còn tái diễn. Tuy nhiên, một điều sai quấy không trầm trọng lắm thì có thể sám hối, tự hứa không tái phạm, nhưng một tội ác đáng giá một mạng người thì chẳng có một sự sám hối nào có thể bù đắp lại được. Nói thế, cũng không hẳn, vì biết sám hối dù không bù đắp được cho nạn nhân thì cũng có thể bù đắp phần nào cho bản thân, từ đó để

biết tu tập tránh điều ác thì cũng là một điều tốt cho mình và cũng cho người rồi. Bởi vậy, châm ngôn của người Phật tử “làm điều thiện, tránh điều ác” là thế.

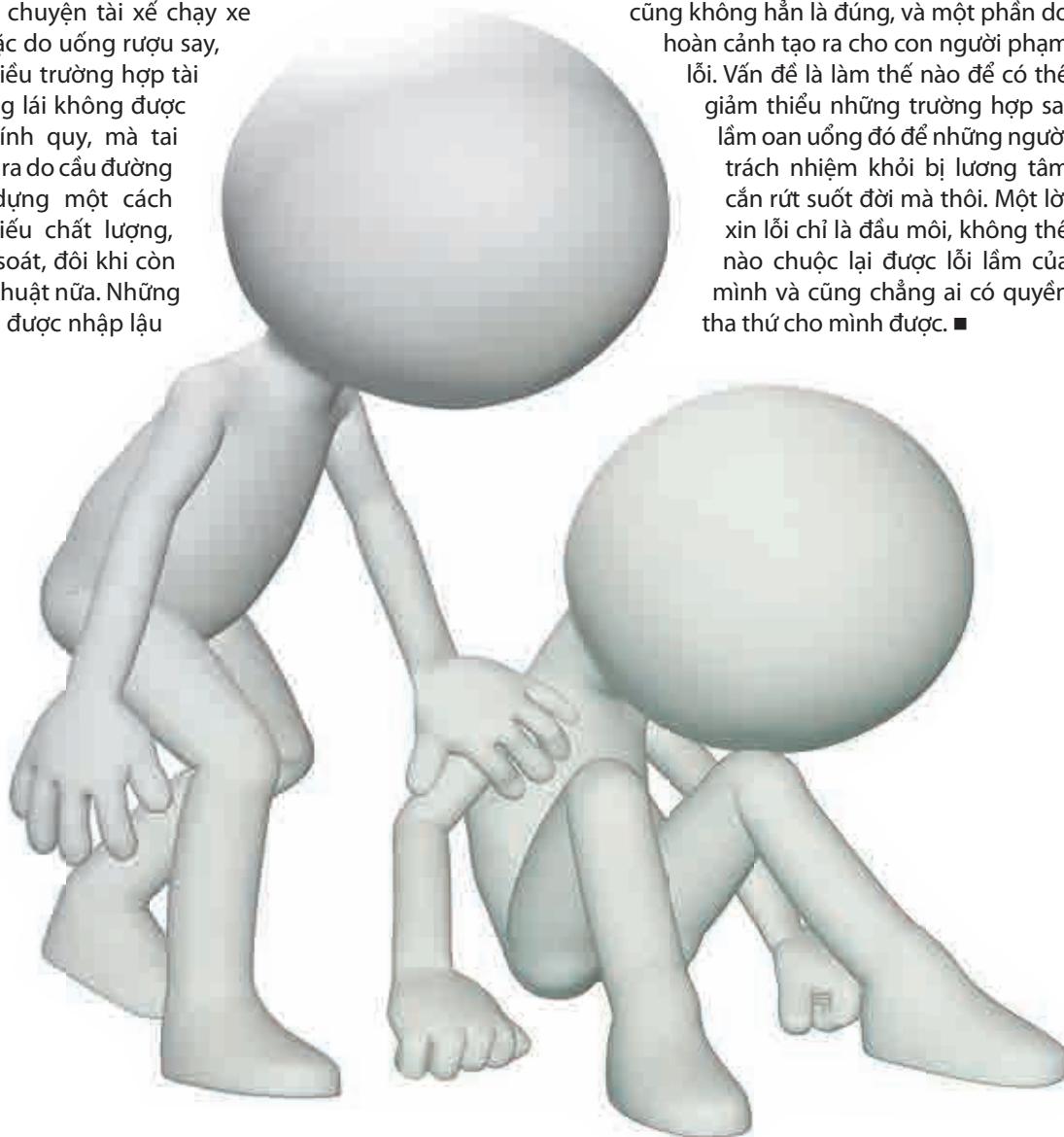
Chuyện xin lỗi xin phải, xin thông cảm... gần như là một điệp khúc muôn thuở trong cuộc đời này. Chuyện gì cũng có thể xin lỗi, xin thông cảm mặc dù đối tượng không thể nào thông cảm được với điều đáng tiếc xảy ra.

Nếu hai chữ xin lỗi là một câu nói lịch sự chỉ để qua loa một chuyện không có gì quan trọng thì không thành vấn đề, nhưng khi một chuyện xảy ra với một tầm trọng hơn thì cũng phải biết không thể nào dùng hai chữ xin lỗi để có thể giải quyết câu chuyện được. Điều hay nhất để có thể tránh được một lời xin lỗi vô tội vạ như thế, là cố gắng cân nhắc trước khi hành động, uốn lưỡi bảy lần trước khi mở miệng phát ra một câu có thể đụng chạm đến người khác. Nhưng đây chỉ là nói chuyện xin lỗi do một cá nhân làm lỗi. Báo chí cũng thường đăng tin tai nạn giao thông xảy ra như cớm bữa, không biết bao nhiêu là người chết. Ngoài chuyện tài xế chạy xe cầu thủ, hoặc do uống rượu say, cũng rất nhiều trường hợp tài xế mua bằng lái không được đào tạo chính quy, mà tai nạn còn xảy ra do cầu đường được xây dựng một cách cầu thủ, thiếu chất lượng, thiếu kiểm soát, đôi khi còn thiếu cả kỹ thuật nữa. Những tấn tị thối được nhập lậu

qua cửa khẩu biên giới, qua mặt công an, cùng những cơ sở sản xuất thực phẩm dùng hóa chất độc hại hoặc bữa bãi trong việc giải quyết những chất thải độc hại gây ô nhiễm môi trường, gieo bệnh cho dân chúng thì biết lỗi của ai. Những chuyện đó thì ai phải xin lỗi ai bây giờ.

Luật pháp cũng không phải lúc nào cũng công minh, hay bất cứ một bác sĩ nào hay những chuyên viên nào cũng đầy lương tâm chức nghiệp. Không kể những vụ án bị xử bất công vì thẩm phán bị chạy án dưới bất cứ hình thức nào đó, nhưng những xét xử sai lầm để một bị cáo vô tội trở thành nạn nhân, hay một chẩn đoán cầu thủ để một bệnh nhân bị thiệt mạng oan uổng, thực ra không chỉ xảy ra ở nước ta, mà đôi khi cũng xảy ra những nước văn minh tiến bộ. Tuy nhiên, ở các nước văn minh thì dù có xảy ra, cũng rất ít, không như ở nước ta, gần như ai cũng có thể làm lỗi vì mọi cơ cấu tổ chức, việc kiểm soát đều có vẻ lỏng lẻo, để tạo cơ hội cho mọi người phạm

lỗi. Cho nên, nói làm lỗi đều do cá nhân gây ra cũng không hẳn là đúng, và một phần do hoàn cảnh tạo ra cho con người phạm lỗi. Vấn đề là làm thế nào để có thể giảm thiểu những trường hợp sai lầm oan uổng đó để những người trách nhiệm khỏi bị lương tâm cắn rứt suốt đời mà thôi. Một lời xin lỗi chỉ là đầu môi, không thể nào chuộc lại được lỗi lầm của mình và cũng chẳng ai có quyền tha thứ cho mình được. ■







# Cần có một tấm lòng

PHAN MINH HIỀN

C hịu ảnh hưởng những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu, nhiều doanh nghiệp Việt Nam bị phá sản. Nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước đã đình trệ khiến cho lực lượng lao động phải lao đao. Trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn ấy, công việc và thu nhập của người lao động không ổn định, chẳng những nguy cơ thất nghiệp hoặc khả năng phải thay đổi ngành nghề là rất cao, mà vật giá lại không ngừng leo thang trong khi đời sống ngày càng phát sinh nhiều nhu cầu mới. Ai ai cũng phải căng thẳng tính toán, làm thế nào để duy trì được công việc

làm ăn, làm thế nào để ổn định được cuộc sống.

Việt Nam là nước mà mức thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với nhiều nước trên thế giới. Ngay cả đối với các quốc gia trong vùng Đông Nam Á như Thái Lan, Indonesia hay Singapore... thì Việt Nam vẫn còn thua xa. Nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi... thu nhập của người dân càng thấp nữa, có nơi có những người làm việc cật lực mà cả năm chỉ kiếm được chừng hơn 6.000.000đ, nghĩa là chưa tới 20.000đ/ngày, chưa đủ tiền trả cho một tô phở bình dân ở các thành phố lớn. Theo *VnExpress* thì hiện Việt Nam là một trong những nước có số lượng người nghèo cao nhất

khu vực và đứng thứ 11 trên thế giới về số lượng người nghèo (14,3 triệu người, chiếm 16,9% dân số).

Bên cạnh việc phát triển kinh tế thông qua các kế hoạch cải cách và các đề án xây dựng chính sách, chiến lược theo chiều hướng mới, thì lối sống cần kiệm của người dân góp phần không nhỏ cho kinh tế gia đình, kinh tế xã hội, quốc gia. Tuy nhiên đời sống xã hội đang thể hiện nhiều nghịch lý. Thay vì nỗ lực phát triển kinh tế, đóng góp tài chính, công sức vào việc hỗ trợ các chính sách, dự án quốc gia, các chương trình an sinh xã hội, thì một bộ phận xã hội lại buông mình theo chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa hưởng thụ.

Hãy nhìn các nhà hàng, quán nhậu thì biết. Nhà hàng quán nhậu ngày nào cũng đông người. Không chỉ mở cửa trong khoảng từ 17 giờ đến 22 giờ như ở nhiều xã hội phát triển, hàng quán ở Việt Nam hoạt động dài giờ hơn đến mức hầu như lúc nào cũng thấy tiếng cười nói cụng ly rôm rả. Người ta tiêu phí không ít thời gian, tiền bạc, sức khỏe vào những cuộc vui gần như đã trở thành nghiện. Chưa kể những trận ẩu đả gây mất trật tự và tai nạn giao thông làm thiệt hại tiền của, sức khỏe, tính mạng con người. Nhậu sáng, nhậu chiều hoặc ngày nào cũng nhậu, cứ sau giờ làm lại kéo nhau ra quán nhậu thì rõ là không phải vì nhu cầu ăn uống thường nhật hay thư giãn, giải trí sau công việc. Nhậu đến mức bỏ bê công việc, không quan tâm gia đình thì quả là một thói quen tác tệ, quả là đã thành bệnh, *bệnh nghiện*. Ngay cả những người may mắn làm việc mỗi ngày kiếm chừng 200 ngàn, nhậu một chầu là hết sạch, có khi còn mắc nợ.

Có nhiều đại gia bỏ ra 40-50 triệu để mua vui với các cô hoa khôi, người mẫu trong khoảnh khắc, số tiền hoang phí bằng tiền dành dụm cả đời của nhiều người. Nghĩ đến người dân ở các vùng nông thôn, miền núi, mỗi tháng chỉ kiếm được 500-600 ngàn đồng, thật xót xa làm sao. Xem các chương trình “Vượt lên chính mình” hay “Ngôi nhà mơ ước” (của HTV), “Cùng vượt lên chính mình” (của THVL) hoặc các chuyên mục từ thiện nhân đạo trên các báo, ai cũng có thể thấy còn quá nhiều hoàn cảnh thương tâm vì nghèo khó, bệnh tật, thiếu cơm ăn áo mặc, nhà ở, thuốc men điều trị, thiếu phương tiện làm việc, học tập, những hoàn cảnh này rất cần sự giúp đỡ, sẻ chia của cộng đồng.

Trên những con phố ở Hà Nội và TP.HCM luôn đầy rẫy những người bán vé số, xe, gánh hàng rong, nhưng vẫn có những chiếc xe siêu sang hạng nặng như Lamborghini, Rolls-Royce, Ferrari, Bugatti Veyron làm sang làm dáng, bệch hình bệch dạng. Giá mà giảm bớt những buổi tiệc tùng xa xỉ, những cuộc chơi ngông, đua đòi, hưởng thụ, và để dành số tiền bao gái mua vui của các đại gia, những anh chàng nhà giàu háo sắc để chia sẻ với đồng bào nghèo, thì nỗi đau nỗi khổ của xã hội cũng được xoa dịu phần nào.

Một nhà thơ đã viết: “Con ong làm mật yêu hoa –



con cá bơi yêu nước, con chim ca yêu trời – Con người muốn sống ai ơi – phải yêu đồng loại, yêu người anh em – Một ngôi sao chẳng sáng đêm – một thân lúa chín chẳng nên mùa vàng – một người đầu phải nhân gian – sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi!”. Bài thơ cũng nói được phần nào cái lý “duyên sinh” của vạn vật. Mỗi con người có thể tồn tại và có được cuộc sống an vui hạnh phúc là nhờ nhiều điều kiện, nhân và duyên. Nếu mọi người đều nghèo khổ khốn khó, bệnh tật thì chắc chắn mình cũng khó có được cuộc sống bình yên, giàu sang, hạnh phúc. Của cải vật chất, tài sản của cá nhân và xã hội không thể có được mà không có sự hợp tác, chung tay góp sức của nhiều người. Đó là chưa kể tình trạng “Bần cùng sinh đạo tặc”, các tệ nạn xã hội như trộm cắp, cướp giật đa phần cũng từ nghèo khổ, khốn khó quần bách mà ra.

Bill Gates, nhà sáng lập Microsoft, một trong những tỷ phú giàu nhất thế giới, đã khởi xướng chiến dịch “Cam kết cho đi” (Giving Pledge) kêu gọi các tỷ phú Mỹ dùng tài sản của họ góp phần thay đổi xã hội bằng con đường từ thiện. Đã có hơn 70 tỷ phú Mỹ tham gia và hưởng ứng chiến dịch này. Từ năm 2007 đến nay, Bill Gates đã chi 28 tỷ đô-la Mỹ cho các hoạt động từ thiện, tương đương 48% tổng giá trị tài sản của ông. Về y tế, Bill Gates đã góp phần cứu sống 6 triệu người trên thế giới. Nhiều tỷ phú khác đã cống hiến nửa gia tài hoặc gần hết gia tài của mình cho sự nghiệp từ thiện (Theo *Kinh tế Sài Gòn*). Quả là những con người vĩ đại, họ có thể được xem là những vị Thánh sống, Bồ-tát sống trên cõi đời này, tuy họ không nói về lòng từ bi, bác ái nhưng hành động của họ đã nói lên điều đó. Giá mà người Việt Nam ta học được những bài học làm giàu và nhất là cách sống hữu ích từ những tấm gương cao thượng này. ■





# Một ngày ám ảnh trăm năm...

NHỤY NGUYỄN

**B**ắt đầu từ ngày 23 đến hết tháng Năm âm lịch hàng năm, người dân trong Thành nội nói riêng và thành phố Huế nói chung bày lễ ngoài sân trước cổng cúng “ông đi qua bà đi lại” - là những chiến sĩ trận vong và dân thường chết trong ngày Thất thủ Kinh đô. Trong cuốn tiểu thuyết lịch sử *Huế 1885* của nhà văn Thái Vũ có một câu đọc rồi khiến người ta không thể ngủ được: “Nhớ lấy, hãy nhớ lấy ngày hai mươi ba tháng Năm này là ngày mất nước, ngày tử nhục, ngày chít khăn tang”.

Người dân xứ Thần kinh lập miếu Âm hồn khá nhiều. Nhỏ nhất thì như cái am thờ cô hồn. Lớn là miếu của cả xóm cả làng cúng chung, như miếu ở thôn Tứ Tây phường An Tây, miếu Âm hồn của phường Thuận Lộc cạnh giao lộ ngã tư đường Mai Thúc Loan và Lê Thánh Tôn. Dân gian lo đến vậy là ân đức lắm. Hay dẫn cho

“không ai” vào ở trong miếu thì ít ra họ ý thức được về một thế giới siêu hình với ý hướng sống tốt hơn, xứng đáng hơn với lớp người thiệt thòi đứng ra lãnh nạn.

Nhà nước thời Nguyễn có lập một số đàn miếu khá quy mô. Đó là đàn Âm hồn ở 24 đường Ông Ích Khiêm, phường Thuận Hòa (TP. Huế) và đền Âm Linh (còn gọi là chùa Ba Đồn) phía Tây nam thành phố Huế. Ai người xa lạ đặt chân đến bãi đất trước chùa Ba Đồn sẽ không khỏi ngỡ ngàng bởi đó chính là nghĩa địa. Thuở trước, vào thời gian vua Gia Long cho xây lăng Thiên Thọ ở xã Hương Thọ huyện Hương Trà, khi nghe Bộ Công tâu bày có phát hiện nhiều mộ phần vô chủ ở các làng quanh đó, nhà vua ban lệnh cho cải táng hết; sau này hể thi công gặp mộ hoang, kể cả trong Kinh thành, đều được dời lên Ba Đồn. Vua giao cho Bộ Lễ lập ngôi miếu ba gian hai chái, gọi đền Âm Linh (*Tam đàn ngũ trủng vạn*



*tả linh hồn*), đặt người hương khói quanh năm. Dưới thời nhà Nguyễn, thái độ của triều đình đối với chiến sĩ trận vong hoặc oan hồn uổng tử có phần nhân bản. Có thể thấy điều này qua *Đại Nam hội điển sử lệ*. Mục *Hoang mộ đàn* trong bộ sách này có chép bài dụ của vua Thiệu Trị ban vào năm 1845 như sau, "*Triều đình sở dĩ thương nghĩ đến người đã khuất, chắc đã không việc gì là không chu đáo. Vừa rồi nhân lễ Tế Giao xong, về cung, bên đường mắt trông thấy, rất lấy làm thương. Trung nghĩ đến các chỗ ấy, phần nhiều là tướng sĩ chết trận ngày trước, các âm hồn không ai thờ tự, sau khi chôn vùi dưới đất, hương đèn lạnh ngắt thật đáng thương xót..."* Sau này, sau ngày 23 tháng Năm năm Ất Dậu, những chiến sĩ trận vong và dân thường chết đều được quy tập lên Ba Đồn, gọi chung là "*ân tứ hiệp táng vô tự chi mộ*". Cứ đến ngày 23 tháng Năm âm lịch, chùa Ba Đồn tổ chức cúng vong linh, chưa thuận chay mà tùy nghi vật cúng tiến của người dân. Lễ thường đến mười mâm tử trong ra ngoài.

Chuyện về chiếc trực thăng hạ cánh xuống bãi mộ ở Ba Đồn rồi không cất cánh lên được cho tới việc cỏ ở đây cũng không mọc um tùm như bất kỳ khu đất trống ẩm thấp nào khác đã dẹt thêm ví dụ vào bức màn tâm linh. Hay chẳng những người chết oan vẫn hằn sâu nỗi đau, và họ xem giặc như cỏ... Dĩ nhiên đây chỉ là suy đoán theo chiều vô hình có khi huyền hoặc ngây ngô. Nhưng, mức độ linh thiêng là điều dễ hiểu. Truyền khẩu dân gian cũng có nhắc đến một vị quan thất sủng dưới thời vua Bảo Đại một lần đi ngang qua miếu đã vào thắp nhang cầu nguyện. Thời gian sau ông được tiến chức, liền phát tâm quyên góp tiền xây thành xung quanh bãi mộ; sau đó thì cho san phẳng hàng ngàn ngôi mộ thành bãi, thành ra "*Thiên thu bằng thủ địa*".

Đã có nhiều cuộc hội thảo đánh giá lại nhà Nguyễn, xác minh công tội của một số đại thần trong triều như Phan Thanh Giản, Tôn Thất Thuyết... Hẳn nhiên, lịch sử không thể đảo ngược như thế này: Sự kiện ngày 20/6/1867, khi Đô đốc De la Grandière cho quân viễn chinh chiếm thành Vĩnh Long, tướng Phan Thanh Giản, một người được trọng dụng qua ba triều vua đã ra "dâng thành" để tránh cho binh lính và dân thường "tắm máu" là bài học đắt giá từ Tôn Thất Thuyết nôn nóng dùng vũ khí thô sơ đối với đại bác tàu thiếc tàu đồng vào năm 1885...

Ở đây không hề có ý cân nhắc giữa Tôn Thất Thuyết sau này và Phan Thanh Giản trước đó, hành động của họ đúng hay sai. Điều ai cũng chạm phải là dân tình tang tóc ly tán. "*Oan rày hỡi oan*" - lời than vút trong nhiều dị bản về Thất thủ Kinh đô mà nay các mẹ vẫn thường ru cháu.

\* \* \*

Một tuần rông rã (từ ngày 23 đến hết tháng 5 âm lịch), khắp các con đường có dân sinh sống ở Huế, nhất là ở con đường mang tên Âm Hồn trước đây, đèn nến

lại được thắp trên những bàn lễ, đôi khi chỉ một đĩa bắp, khoai sắn, đậu lạc, bánh trái... nghĩa là những gì có thể dúi vào tay người hành trình về mịt mù vô xứ, như chính *đêm kinh hoàng* vừa mới xảy ra.

Nhớ lại lịch sử năm 1885 tại Kinh thành Huế, là nhớ lại niềm hy vọng khôn nguôi và nỗi thất vọng khôn tả bện xoắn vào nhau. Khoảng đầu tháng 5-1883, Hoàng Tá Viêm thu phục được tướng giặc Cờ đen là Lưu Vĩnh Phúc rồi hợp quân chặn được cuộc hành quân tiến đánh Sơn Tây của viên sĩ quan Henri Rivière, kẻ huênh hoang về những chiến công ở Hà Nội và Nam Định. Trong cố gắng tiến chiếm Sơn Tây, Rivière bị phục binh ngay tại Ô Cầu Giấy và tử thương tại trận. Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai làm nức lòng nhân dân cả nước, nếu có lệnh là nhất tề nổi dậy đánh đuổi quân thù. Nhưng không lâu sau, vua Tự Đức mất, triều đình Huế có nhiều thay đổi. Trong bốn tháng có đến ba vị vua thay nhau được lập lên rồi lại bị phế đi.

Giặc giương oai diễu võ, chực chiếm Kinh đô. Mâu thuẫn lên tới đỉnh điểm vào ngày 22 tháng Năm năm Ất Dậu (4-7-1885), khi Tổng tư lệnh quân Pháp Roussel de Courcy tính mời Tôn Thất Thuyết qua sông tới sứ quán Pháp để hãm hại, triệt tiêu khẩu súng thần công dũng mãnh nhất triều đình Huế. Không còn con đường nào khác. Đánh! Vào lúc 1 giờ sáng 23 tháng năm âm lịch, quân ta nổ súng tấn công mạnh mẽ vào các căn cứ Pháp. Bị đánh bất ngờ, giặc chống cự trong hoang mang yếu ớt. Nhưng tảng sáng chúng chỉnh đốn lại được hàng ngũ và từ đồn Mang Cá Tòa Khâm sứ chia làm ba cánh mở cuộc phản kích lớn. Quân Pháp được phép tự do hành động, thỏa sức cướp bóc của cải và tàn sát dã man người dân vô tội trên đường tiến. "Chúng bắn xối xả, bắn vào những người đang chạy về phía chúng, quần nhau với chúng. Bắn vào những người đang chạy tò ra các nơi" (*Huế 1885 - sđd*). "*Bắn thời phát thẳng phát xiên/ Nội quân đạo tiền chết hết một khi*". Dân tình lâm vào thảm cảnh: chết do chen lấn, giẫm đạp nhau trong đêm tối, chết do súng đạn vô tình.

*Lính mình chẳng khỏi súng Tây*

*Thiên hạ đều chạy, trời rày còn khuya.*

*Lao xao như cá trong đìa*

*Lính hèn chẳng khỏi, đạn rĩa đâm mình.*

(Về thất thủ Kinh đô)

Hàng nghìn người dân từ lũ bé trong nôi đến các cụ, mẹ già tóc trắng, nào dòng dõi trâm anh nào quan nha lục bộ đều cùng chìm trong máu lửa. "Xác người rải rác khắp đường khắp ngõ. Xác gục bên hồ, ngổn ngang trên bãi cỏ"...

Được xem là "một trong những nghĩa trang liệt sĩ chống ngoại xâm dưới thời phong kiến" nên, đàn Âm hồn do Bộ Lễ thời vua Thành Thái dựng lên năm Giáp Ngọ (1894) là một nghĩa cử đúng đắn, làm vơi đi phần



nào cơn đau xuyên vào lịch sử, an ủi những vong linh phiêu diêu không nơi trú ngụ.

Đàn Âm hồn nguyên gốc lớn hơn bây giờ nhiều, nằm lệch về phía trái khuôn viên. Khu đất bên phải dành để ở từ, là gia đình ông Nguyễn Đậu. Nguồn thu nhập tạm đủ sống của họ dựa vào khu đất rộng hàng ngàn mét vuông. Nhiều người quanh đàn nay còn nhớ, trước có ba dãy đào tiên và nhiều cây vú sữa râm mát. Rồi một ngày chính quyền phường muốn sử dụng lô đất để “thu nhập tăng thêm”. Bà Đậu ngày đêm xin thần linh mong tiếp tục được ở lại trông nom. Giờ bà thành mẹ già nua, bảo Thần có báo mộng, bảo thôi thì cứ đi cho an, chứ ở lại giằng co cũng khó ở. Cả gia đình đành ngậm ngùi nhận hai chục ngàn tới ở trên lô đất khác. Ông Đậu mất, con trai Nguyễn Yến nối việc. Ở bên đàn Âm hồn từ lúc mười tuổi, lại thường xuyên cùng cha lo hương án nên ông tưởng tỏ về diện mạo cũng như các cách thức bài trí, bao nhiêu bát nhang và thứ tự đặt ở những chỗ nào trong đàn.

Gia đình ở từ được di dời, một xưởng mộc lớn dựng lên trong khuôn viên đàn Âm hồn, bụi bặm và ầm ĩ tiếng cưa máy, tiếng đục đẽo ngày đêm. Rồi người ta còn dẫn thêm bước nữa: đập luôn đàn cho thoải mái vung tay... Cái xưởng cưa to ùng lùn làm ăn lụn bại dần. Sợ. Họ xây lại đàn Âm hồn nhỏ bằng khoảng một phần ba đàn cũ. Vẫn thua lỗ, bên “sở hữu” bán cho ông A. và một bức tường

nhanh chóng được xây lên gần như ngăn đôi. Rốt cuộc ông A. cũng lắc đầu chuyển nhượng lại cho bà H. vợ một ông người Đài Loan vốn là “đối tác” cũ của xưởng mộc. Ông này xây một sở nhà lớn gần như hết diện tích đất. Hoàn thiện, chuẩn bị chuyển tới ở thì ông lâm bệnh phải ra Hà Nội chữa, rồi... mất tích! Bà vợ (hay người tình) không dám tới ở. Một ngày trời đẹp toàn bộ ngôi nhà giá trị đột nhiên bốc cháy. Dãy nhà đổ hoang phế thời gian lâu, lúc “bớt sợ” nhiều người mới vào tận thu các vật dụng, lượm sắt thép phế liệu.

Báo chí, nhất là giới nghiên cứu văn hóa lịch sử, lên tiếng gay gắt đòi trả lại sự an tịnh quang đăng cho đàn Âm hồn. Họ chứng minh rành rọt tính hợp pháp và mức độ quan trọng của đàn đối với di tích Huế, song quá trình ấy thật dài và gian nan khôn kể. Một số trí thức tâm huyết còn bị kêu lên kêu xuống “dùng trà”... Phổ Phước Lợi được thành lập cũng với mục đích bảo vệ di tích đàn Âm hồn. Ban đầu Phổ chủ yếu nhờ sự chủ trương vận động của các viên chức cũ của Huệ An, Tri Vụ, Thuận Cát dưới triều Nguyễn. Kinh phí cúng lễ ở đàn hàng năm nhờ các thành viên đóng góp, phần dư giả dùng lập quỹ phúc lợi lo việc thăm viếng ma chay.

Trong một cuộc tọa đàm về đàn Âm hồn đêm 9-3-2009 tại nhà số 9 đường Đặng Trần Côn có sự góp mặt của đông đảo nhân dân và các nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa uy tín, Phổ Phước Lợi đã cất lời thống thiết: “Hắn không ai không xao động trong lòng tưởng nhớ đến những người anh dũng kiên cường đấu tranh chống ách thống trị, đàn áp, bóc lột của ngoại xâm mà hy sinh không nơi thờ tự, linh hồn phiêu bạt khắp nơi trên đầu cây ngọn cỏ”.

*Hai hàng nước mắt tuôn rơi  
Kêu đất, đất rộng, kêu trời, trời cao.  
Trách trông văn võ nội trào  
Làm sao quên nghĩ công lao dân tình.*

Có một người quỳ sụp khẩn cầu trời đất phò hộ hoàng vọng trả lại sự yên lành thanh tịnh cho đàn Âm hồn, bởi chính đây có tổ tiên ông bà của anh nương ngụ...

Thời điểm đàn Âm hồn được công nhận di tích, đất không được phép xây dựng nữa. Nhưng để có một không gian yên bình đòi hỏi phải hướng về tâm linh bằng “Phật sự” chứ không thể bày biện theo kiểu mê tín thông thường và xây dựng tốn kém. Cũng như ở miếu Âm Linh, dẫu bây giờ được gọi là *chùa* Ba Đồn song *chùa* chính danh, do đó không có sư trụ trì và Tăng Ni; trong lúc biết bao “người” đang chờ Phật quang chiếu rọi để hưởng hồng ân.

Bản thân tôi thì luôn lưu trong đầu thước phim tư liệu quay cảnh Tôn Thất Thuyết hộ giá vua Hàm Nghi rời kinh chạy ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị) tiếp tục cuộc kháng chiến. Bỏ lại đằng sau một Huế tang tóc ngút trời. Bỏ lại đằng sau một Huế oan ức nghẹn ngào chưa kịp soi gương sau một đêm ngủ muộn. ■



# Trợ tử

## vấn đề của từ bi và trí tuệ

NGUYỄN HỮU ĐỨC

*LTS: Trợ tử (Euthanasia) cho đến nay vẫn còn là một chủ đề gây tranh cãi. Dưới đây VHPG giới thiệu một bài viết thể hiện một quan điểm về vấn đề này.*

**A**i lại không đau lòng khi chứng kiến người bệnh ở giai đoạn cuối cùng của việc điều trị bệnh nan y, đau đớn cùng cực, chỉ mong được chết. Quả thật, khi người bệnh đã ở trong tình trạng “vô phương cứu chữa”, sống đời sống thực vật mấy năm trời, đại tiện tiểu tiện tại chỗ, hoàn toàn sống nhờ vào máy trợ hô hấp, tuần hoàn, vào dinh dưỡng nhân tạo, bản thân họ không biết gì về những nỗi khổ không thể tả của người thân và sự ray rứt của các bác sĩ điều trị mà nếu biết, hẳn

không người bệnh nào muốn kéo dài tình trạng ấy. Người không thuộc giới chuyên môn khi chứng kiến như thế, dù còn gợn suy nghĩ này nọ, vẫn thầm mong “hãy chết đi cho đỡ khổ!”. Còn thầy thuốc trực tiếp chăm sóc, luôn ràng buộc bởi y đức, cũng có lúc than thầm: “ước gì có đủ pháp lý để có thể thực hiện cái chết êm ả!”. Đừng tưởng sự quan tâm muốn giúp bệnh nhân “không thể cứu chữa” chết đi êm ả chỉ xảy ra trong suy nghĩ. Ở nước ngoài, từ lâu đã có một số bác sĩ tham gia “trợ tử trực tiếp” sau đó chấp nhận trách nhiệm, thách



đổ pháp luật bằng cách mỉm cười đưa tay vào công của cảnh sát. Còn ở nước ta, có xảy ra một tình trạng có thể gọi là “trợ tử gián tiếp” ai nghe cũng cảm thấy bất nhẫn. Đó là có một số bệnh viện cho ra viện sớm các bệnh nhân “gần đất xa trời” để họ không còn được giúp đỡ về mặt y tế và nhắm mắt xuôi tay tại nhà. Không vì theo yêu cầu của người thân bệnh nhân (hoặc có yêu cầu nhưng do sự động viên áp đặt của thầy thuốc) mà chỉ vì bệnh viện đã có chỉ tiêu thi đua về tỷ lệ tử vong tại bệnh viện, tỷ lệ tử vong cao sẽ mất thi đua. Người bệnh đang thập tử nhất sinh về nhà không có điều kiện hỗ trợ chắc chắn sẽ chết thoi, điều đó không là “trợ tử gián tiếp” thì là gì? Nhưng gần như chẳng có mấy ai gọi tình trạng vừa kể là “trợ tử”.

### Trợ tử là gì?

Trợ tử là thuật ngữ tạm dịch từ tiếng Anh “*euthanasia*”, bắt nguồn từ một từ Hy Lạp là “*euthanatos*”, trong đó *eu* là tốt, bình thường và *thanatos* là chết. Trợ tử có thể hiểu là gây nên cái chết nhẹ nhàng nhằm giúp cho bệnh nhân không còn đau khổ do mắc một bệnh nan trị. Trợ tử được chia làm hai loại:

*Trợ tử tự nguyện* (voluntary euthanasia): gây chết khi có sự yêu cầu cần được chết của người bệnh. Nghĩa là người bệnh còn đủ nhận thức để tự nguyện đón nhận trợ tử. Trong trợ tử tự nguyện, thầy thuốc kết thúc sự sống một cách *chủ động* (active euthanasia) bằng cách tiêm chất độc, hoặc gây chết *thụ động* (passive euthanasia) bằng cách ngưng điều trị, ngưng cung cấp chất dinh dưỡng, không làm những gì cần thiết để duy trì cuộc sống.

*Trợ tử không tự nguyện* (non-voluntary euthanasia): gây chết khi không có sự yêu cầu của người bệnh vì người bệnh mất khả năng giao tiếp, không thể quyết định về cái chết của mình (nhưng vẫn có sự tin rằng người đó muốn được chết nếu có thể ra quyết định).

### Hai luồng dư luận về trợ tử

Về việc hợp pháp hóa, hiện nay trên thế giới chỉ có ba nước cho phép thực hiện trợ tử tự nguyện. Đó là Hà Lan (ban hành luật trợ tử năm 2001), Bỉ (ban hành năm 2002), Luxembourg (ban hành năm 2008). Riêng nước Mỹ, chỉ có tiểu bang Oregon không hợp pháp hóa trợ tử nhưng cho phép *trợ giúp tự tử* (assisted suicide), tức người bệnh tự dùng thuốc độc do bác sĩ cung cấp.

Tuy nhiên, trên thế giới, hiện vẫn có hai luồng dư luận phản đối và ủng hộ trợ tử diễn ra rất mạnh mẽ, nhất là ở các nước phát triển.

Về phía *phản đối trợ tử*, những người này cho rằng hợp pháp hóa việc trợ tử có thể đưa đến sự lạm dụng như: trợ tử không tùy ý bệnh nhân mà tùy ý bác sĩ, bác sĩ chẩn đoán nhằm để đưa đến trợ tử. Một lý do mạnh

mẽ phản đối trợ tử là uy tín của nền y khoa bị tổn hại. Bởi vì, nhiệm vụ của thầy thuốc được xác định từ lâu là bảo vệ sự sống chứ không phải tiêu diệt sự sinh tồn của con người. Người ta cho rằng có quan điểm chống đối trợ tử đầu tiên trong lịch sử y học chính là từ Hippocrates, ông tổ ngành y phương Tây. Trong lời thề Hippocrates, ông kêu gọi thầy thuốc là người “không bao giờ cho ai một liều thuốc độc dù người đó yêu cầu và không bao giờ gợi ý về điều đó”. Luật y đức (Code de Déontologie) của Pháp, ở điều 38, quy định người thầy thuốc không có quyền cố tình gây nên cái chết. Nhưng lý do lớn nhất là ảnh hưởng của tôn giáo thần khải tin rằng sự sống có tính chất thiêng liêng do Thượng đế ban cho con người, chỉ có Thượng đế mới có quyền lấy đi sự sống. Chính niềm tin này làm rất nhiều người kết án trợ tử, xem trợ tử là giết người. Một số người không đồng ý trợ tử vì cho rằng việc cứu chữa người bệnh thập tử nhất sinh phải là “còn nước còn tát”. Bởi vì đã có trường hợp tuy hiếm, là có người bệnh sau thời gian rất dài hôn mê lại hồi sinh và sống.

Về phía *ủng hộ trợ tử*, họ cho rằng hợp pháp hóa trợ tử bằng pháp luật quy định chặt chẽ là việc nên làm, có lợi cho người chết và người thân còn sống. Việc chăm sóc giảm nhẹ sự đau đớn (palliative care) cho người bệnh thuộc loại nan y dù phát triển tốt đẹp đến đâu vẫn không giải phóng người bệnh hoàn toàn khỏi nỗi đau đớn, chỉ có cái chết mới giúp họ không còn đau. Hơn nữa, tình hình kinh tế của người bệnh và của cả hệ thống y tế khó lòng kham nổi việc điều trị quá kéo dài mà sau cùng người bệnh vẫn chết (do bệnh vô phương cứu chữa). Chính tình trạng vừa kể làm cho, bên cạnh sự phản đối trợ tử, vẫn xảy ra âm thầm không dám công khai, các hành động trợ tử hoặc giúp cho bệnh nhân tự tử. Một số nghiên cứu trên thế giới gần đây cho thấy số tử vong do trợ giúp y khoa tại các nước tiên tiến là khá cao. Hai công trình nghiên cứu đăng trên tạp chí *Lancet* (2/8/2003) dựa trên 20,000 ca tử vong, tỷ lệ chết do trợ giúp y khoa đi từ 23% (ở Ý) tới 51% (ở Thụy Sĩ). Tại Pháp, một điều tra cho thấy 50% bệnh nhân qua đời tại phòng hồi sức là do ngừng điều trị khi các phương pháp điều trị trở thành vô ích. Ngay từ thế kỷ XIX, vấn đề hợp pháp hóa trợ tử đã được sự quan tâm mạnh mẽ do sự khám phá tác dụng của thuốc giảm đau morphin và thuốc gây mê. Đây là các loại thuốc giúp trợ tử êm ái và hiệu quả. Trong năm 1988, một bài báo được đăng trong tạp chí y khoa *JAMA* của Mỹ tường thuật một vụ trợ tử bằng morphin tại một bệnh viện. Một nữ bệnh nhân bị ung thư buồng trứng giai đoạn cuối, hóa trị liệu không còn hiệu quả, phải sống trong thời gian dài đau đớn và khó thở, đã được một bác sĩ tiêm 20mg morphin. Tiêm thuốc như thế không khác gì điều trị thông thường vì dùng morphin giảm đau giúp cho bệnh nhân không còn đau đớn và thở không còn khó khăn, nhưng với liều morphin như thế

cũng giúp cho bệnh nhân trút hơi thở cuối cùng một cách nhẹ nhàng tức trợ tử. Bài báo kết thúc với sự mô tả về biết ơn trong ánh mắt của bà mẹ bệnh nhân và chính bài báo đã gây nên phản ứng làm sống dậy tranh luận về trợ tử tại nước Anh và nước Mỹ.

Cũng theo phong trào ủng hộ trợ tử, hợp pháp hóa trợ tử nếu được pháp luật quy định chặt chẽ, sẽ không làm tăng những trường hợp “trợ tử” giả hiệu tức giết người bệnh một cách tùy tiện; trái lại có thể phân biệt một cách rõ ràng hai hiện tượng với động cơ hoàn toàn khác nhau này. Trợ tử hợp pháp chính là hành động giúp người bệnh chết một cách nhẹ nhàng, nhằm mục đích làm thuyên giảm khổ đau của người bệnh và cả người thân của người bệnh trong giai đoạn cuối cuộc đời khi mà bệnh đó không thể nào chữa khỏi. Trợ tử nếu được pháp luật bảo vệ trước hết cũng phải xuất phát từ tinh thần nhân đạo, từ tấm lòng từ bi cứu khổ của thầy thuốc. Vì thế, nếu không được hợp pháp hóa, trợ tử xuất phát từ lòng nhân từ bằng cách này hay cách khác vẫn được thực hiện một cách âm thầm, kín đáo, không dám công khai. Một thầy thuốc đồng thời là Phật tử tức người thấm nhuần triết lý không sát sinh, đã thú nhận việc dùng điều trị cho bệnh nhân ở giai đoạn cuối đời (xem như trợ tử thụ động) trong bệnh viện ở Pháp như sau:

*“Đối với bản thân tôi, hành nghề thuốc từ hơn ba chục năm nay đồng thời là một cư sĩ Phật tử, tôi không thấy có gì mâu thuẫn giữa hành động trợ tử của người thầy thuốc và con đường diệt khổ của Đức Phật. Cũng như nhiều đồng nghiệp và y tá chăm sóc những bệnh nhân tới giai đoạn cuối đời, chúng tôi đã hơn một năm quyết định, với sự thỏa thuận và nhiều khi do sự yêu cầu của gia đình, dùng những loại thuốc “cocktail lytique”, những liều thuốc opiacés gây hôn mê dẫn rồi tắt thở, đã viết trong hồ sơ mật hiệu DNR (do not resuscitate, tức không hồi sức), để từ chối điều trị đến cùng... Mỗi trường hợp đặc biệt và không khỏi gây xúc động nhưng chúng tôi đều có cảm tưởng đã hành động theo đúng y đức, đã làm giảm bớt và ngăn đi nỗi khổ đau của người bệnh và gia đình thay vì một cái chết kéo dài lê thê, hạ thấp phẩm giá con người, một cách vô ích” (Trịnh Nguyên Phước, Đối thoại giữa Đức Phật và gã chần chừ, Nhà Xuất bản Văn Nghệ TP.HCM - 2009, trang 189).*

Theo thiện ý của người viết bài này, đối với người bệnh ở giai đoạn cuối đời, chết một cách tự nhiên vẫn là tốt nhất. Nhưng trong một số trường hợp, sự kéo dài sự sống chỉ là nỗi khổ đau của người bệnh và gia đình, thì trợ tử của người thầy thuốc với sự thỏa thuận của người bệnh hay gia đình là cần thiết. Điều hết sức quan trọng là người thầy thuốc cần có lòng từ bi và trí tuệ để thực hiện nguyện vọng của người bệnh hay gia đình người bệnh nhằm giải phóng nỗi khổ đau của họ. Có lòng từ bi tức là có lòng thương người, luôn xem sự sống là thiêng liêng, nếu có làm điều gì xâm phạm



đến sự sống thì đó là điều bất khả kháng và làm chỉ vì muốn chấm dứt đau khổ. Đùng bao giờ trợ tử kiểu bất nhân như quan điểm của bác sĩ Hoche người Đức viết trong một cuốn sách in năm 1920 “nên chấm dứt sớm sự sống với các bệnh nhân bị bệnh nan y, bệnh tâm thần và trẻ con dị dạng vì họ sống với cuộc sống không đáng sống”(sic!). Chính quan điểm bất nhân ấy đã góp phần tạo nên tư tưởng Đức quốc xã phát-xít sau này. Còn có trí tuệ là có đủ hiểu biết, kiến thức về chuyên môn, y đức và pháp luật để giúp người bệnh “gần đất xa trời” với căn bệnh không thể chữa được, thoát khỏi thế giới một cách êm ả, dễ dàng. Người thầy thuốc cần trang bị trí tuệ tập thể. Đó là luật trợ tử nếu quốc gia nơi người thầy thuốc đang hành nghề đã hợp pháp hóa trợ tử. Luật hợp pháp hóa trợ tử được gọi là trí tuệ tập thể vì toàn đất nước được huy động trí lực để xây dựng nên. Mặt khác, trí tuệ tập thể còn là tiến bộ y học không ngừng phát triển nhờ phát minh của nhân loại. Tiến bộ y học giúp vừa ngày càng xác định chính xác hơn thời điểm thích hợp giúp tạo “cái chết êm ả” cho người bệnh vô phương cứu chữa, vừa kéo dài cuộc sống có chất lượng.

Với lòng từ bi và trí tuệ, người thầy thuốc mới thực hiện được trợ tử, giúp “cái chết cần thiết và nhân đạo” cho người bệnh. ■

## Chùa làng tôi

NGUYỄN VĂN MI

Chùa làng tôi khiêm nhường trong tĩnh mịch,  
Giữa vườn cây, bên cạnh cánh đồng xanh.  
Theo lối nhỏ, đi vào “Hòa Sơn tự”,  
Tiếng gà trưa, bóng rợp, cánh yên lành.

Tuổi thơ ấu, đi chùa, đi với mẹ,  
Tuổi vào đời, mê mãi chuyện mưu sinh.  
Ngày về quê, chùa vẫn trong yên ả,  
Mẹ xa rồi, con lạy Phật một mình.

Tiếng chuông ngân nghe lòng thanh thản lạ,  
Hương trầm lan hòa quyện với lời kinh.  
Chùa làng tôi giờ cây cao bóng cả,  
Vẫn trong tôi, như mẹ, với quê mình.

## Làng

LÊ VĂN QUÂN

Mấy trăm năm đất làng chua mặn  
Sông cũng gầy đi vì nghèo  
Tôi lớn lên trên doi cát trắng  
Gió Lào về sỏi đá cũng tong teo.

Cuộc kêu những đêm tháng ba  
Vọng vang câu hò của mẹ  
Những đêm tha phương nằm mơ tiếng đé  
Rung rung một góc tuổi thơ

Mùa hạn ruộng đồng nứt nẻ  
Tân Định, Cây Mung, biển Bưng thao thức  
Những đêm chờ trăng cùng em tát nước  
Khúc hát em dài lúa mát mồ hôi

Con lũ vừa qua con không về được  
Nhà tranh của mẹ lũ cuốn mất rồi  
May còn nhờ bà con hàng xóm  
Không bây giờ tôi đã mồ côi.

## Sắc quê

HỒNG PHÚC

Tuổi thơ vũng khúc ru tình  
Bơi theo hái đóa lục bình trên sông  
Ngọt môi lúa trổ đồng đồng  
Uớp hương lên tóc thơm nồng hoa sen

Mẹ ngồi sàng gạo nồm lên  
Nhớ cha kháng chiến hẹn... quên ngày về!  
Câu hò lộng ánh trăng quê  
Vườn cau dom đóm lập lòe bay sang

Nét cong mái ngói đình làng  
Ngàn năm mây trắng lang thang đi về  
Nhớ chùm hoa dại si mê  
Tim còn in đậm sắc quê hương mình!

## Lối về... ngày thơ

THỊNH TAXI

Lá thu rơi động hiên nhà  
Giặt mình mới biết ngày qua mất rồi.

Nơi này diều vọi em ơi  
Ngẩn ngơ một bóng chiều rơi ngõ ngang  
Đây là sương khói mệnh mang  
Kìa là bao đóa hoa tàn chơi vơi.

Thương em chót lười đầu môi  
Tình dâng ngọn sóng vỡ rồi bến mê  
Thương ta chẳng lối đi về  
Bao năm quên lãng đồng quê suối nguồn.

Biển đời sấm chớp mưa tuôn  
Con thuyền lũ thứ cánh buồm xác xơ  
Thương em vụn nẻo nghìn mơ  
Thương ta chiếc lá thu hờ ven sông.

Có không cái kiếp phiêu bồng  
Giọt sương du lãng mệnh mộng tháng ngày  
Nỗi niềm thôi để mây bay  
Ta về tắm ánh trăng gầy sáng soi.

Mặt mày xưa hiện rõ đây  
Đôi vàng Nhật Nguyệt tròn đầy nguyên sơ  
Tiếng cười ha hả ngày thơ  
Vút lên vang giữa bốn bờ... tử sinh.



## Chùa quê

NGÀN THƯƠNG

Chùa quê âm áp hồn làng  
Với màu gạch cổ mờ màng bên sông  
Qua bao biến động dập dồn  
Vẫn yên nguyên dấu son vàng xa xưa  
Vẫn còn nét chạm chiều mưa  
Của người thợ kép tay khua giữa trời  
Vẫn hình rồng khói sương rơi  
Âm dương mái ngói hồng tươi thuở nào  
Điện thờ Phật tổ ngát ngào  
Hương trầm nhẹ tỏa quyên vào lời kinh  
Chùa quê mang một dáng hình  
Lắng trong tâm thức thẩm tình ân sâu...

## Như mộng như huyền

NGUYỄN CÂN

ở bệnh viện những đêm khó thở  
nghe mệnh mông gió lạnh thổi quanh giường  
lãng vãng loanh quanh sống chết vô thường  
người ra viện kẻ vào trong nhà xác

ở bệnh viện thấy trời xanh vô tận  
muốn làm chim tung cánh vượt mây ngàn  
đời còn chi tiếc nhớ một cung đàn  
ai hát lại câu tình ca quá khứ

ở bệnh viện ngắm hoa ngoài hiên cửa  
lòng như sương tìm bóng giữa thêm vui  
ngày đi qua trên vệt nắng ngậm ngùi  
khí sức khỏe viễn du cùng tuổi trẻ

ở bệnh viện thấy mình như con gió  
có hôm nay và biến mất ngày mai  
còn lại gì trên những cánh hoa phai  
tình si dại một thời nay ứa héo

ở bệnh viện ngắm chuyện đời phù phiếm  
trước hư vô ai nhắc chuyện giang hồ  
trước ra đi ai gói mộng cơ đồ  
khi còn mất chỉ là con sóng nhỏ  
thôi bỏ đi và đành mặc kệ  
nín làm gì con nước vẫn đầy vơi  
ngày với đêm lên xuống với trăng trời  
riêng ta vẫn chỉ một đời để sống

nên hãy hiểu những trang đời huyền mộng  
và hãy yêu từng phút giữa chiêm bao...

# Lệ phong linh

THỦY LINH LUNG



Những người yêu nhau rồi sẽ trở về cạnh nhau, như những con sóng dù phiêu du nơi đâu thì cuối cùng cũng sẽ trở về với bờ cát trắng mà thôi. Chỉ là hãy đợi chờ, hãy tin tưởng.

Lớn lên trong tình yêu đông đầy của mẹ, bé luôn vu vơ hỏi “Ba đâu hả mẹ? Sao ba không về với con thế? Có phải vì ba không thương con nữa?”. Những lúc ấy mẹ lại ôm bé vào lòng thủ thỉ rằng một ngày kia ba sẽ trở về với hai mẹ con, và cứ thế bé đợi chờ và hy vọng vào một ngày kia, một ngày của tương lai.

Khi học cấp hai, bé đọc truyện Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng và bé đã khóc không biết bao lần; những lúc ấy, trong lòng bé lại thổn thức một hoài vọng được gọi một tiếng ba thân thương. Khi nào? Khi nào bé sẽ được thốt lên tiếng gọi ấy? Bé ngắm những ngôi sao trên bầu trời và vẽ một khuôn mặt đã mờ nhoà trong ký ức.

Cấp ba, bé thôi không hỏi về ba nữa, bởi bé hiểu



mẹ sẽ rất buồn khi nhắc về ba, bởi bé thương mẹ thật nhiều, bé hiểu rằng có lẽ ba sẽ không bao giờ trở lại nữa, ba đã bỏ rơi hai mẹ con giữa dòng đời quên lãng này rồi đấy nhỉ! Mẹ bé đẹp, vẻ đẹp của một người thiếu phụ hiền từ, vẻ đẹp ấy khiến bao kẻ ghen tị, bao kẻ thêm khát; có những người đến với mẹ và sẵn sàng bao bọc lấy hai thân người tội nghiệp bằng một tình yêu thương thực sự. Nhưng mẹ vẫn khước từ, mẹ vẫn lắc đầu... bé hỏi thì mẹ bảo mẹ và bé có ba là đủ rồi, mẹ vẫn đợi chờ một hình bóng xưa cũ và bé không thể hiểu được là vì điều gì. “Đợi anh về em nhé!” một ngày tình cờ bé đọc bài thơ ấy trong tâm trạng của một kẻ vừa ngộ đạo, thứ đạo sâu xa của con tim. Và bé hiểu sự đợi chờ của mẹ, bé lại đợi chờ lại hy vọng.

\* \* \*

- Ngày mai cô có thể bắt đầu công việc, có gì khó khăn thì cô hãy nhờ các anh chị trong phòng giúp đỡ nhé!

- Dạ cảm ơn bác ạ! Cháu sẽ cố gắng hết sức ạ, xin phép bác cháu về.

Sau những ngày thử việc vất vả đầy áp lực giờ đây bước chân bé như nhẹ nhõm hẳn, bé như muốn lao thật nhanh về nhà ôm mẹ thật chặt rồi thủ thỉ con gái mẹ đã lớn có thể tự lập để báo hiếu cho mẹ, từ nay hai mẹ con sẽ không phải khổ cực nữa. Bé tự hứa với lòng sẽ làm việc thật chăm chỉ và sống thật hạnh phúc, và bé sẽ đưa ba về với mẹ.

\* \* \*

Phan Lệ Phong Linh, cái tên ấy như một nhát chém ngọt vào mảng ký ức đang ngủ quên của ông gọi dậy trong ông cả một miền dĩ vãng nhức nhối, rồi ông lại chép miệng, có lẽ chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên mà thôi.

Mọi người đều nhìn ông với ánh mắt ngưỡng mộ và trầm trồ thán phục sự thành công của ông, nhưng đâu ai thấy con người ban ngày luôn mỉm cười, luôn hòa nhã ấy khi đêm về, lại lặng lẽ chìm mình trong khói thuốc cay xè những giọt nước mắt. Quá khứ là điều không thể phủ nhận mà chỉ có thể chấp nhận mà thôi. Với người khác quá khứ là nền tảng còn với ông quá khứ là nỗi đau đầy ám ảnh. Vây quanh ông là những cô gái trẻ đẹp, có học thức và đủ khôn ngoan để thấy tương lai tràn đầy ánh mặt trời nếu sở hữu được trái tim ông. Nhưng con người chỉ có một trái tim, một trái tim để yêu và để sống trọn vẹn với tình yêu ấy. Ông vẫn kiếm tìm, vẫn đợi chờ những yêu thương xưa. Run run thấp nén hương trầm lên bàn thờ mẹ, ông ngồi im lặng trong đêm tối rít dài hơi thuốc để thấy mình đơn độc và trống trải. Ông không trách mẹ, ông hiểu tình thương mẹ dành cho ông, ông chỉ tự trách mình không rắn rỏi, đã bao đêm như thế ông trần trọc với những mộng寐, những cơn ác mộng lại trở về trong ông.

\* \* \*

Cơn gió khuya thoảng qua làm chiếc chuông gió nhỏ rung lên những nhịp đập thốn thức.

- Anh thích gió không? Cô gái lém lỉnh nằm im trong vòng tay ấm của người yêu mà thủ thỉ

- Thì anh là cơn gió mà!

- ...

- Em sao thế, sao im lặng thế?

- Đúng rồi anh là cơn gió, gió không bao giờ đứng yên anh nhỉ, cơn gió thì chỉ chợt đến rồi chợt đi làm chiếc chuông bé nhỏ rung lên rồi lại lặng lẽ khóc những giọt nước mắt đợi chờ con gió trở về!

- Em thật ngốc mà! Chàng trai néo chót mũi đáng yêu của cô gái và quàng tay ôm cô thật chặt.

Sức mạnh tình yêu của hai trái tim non nớt đầu thế vượt qua những rào cản, những định kiến người đời. Số phận đã định một chàng hoàng tử chỉ có thể lấy một nàng công chúa mà thôi. Nhưng nào có ai biết chàng hoàng tử cổ tích kia vẫn luôn yêu một cô hầu gái nghèo, chỉ là họ không có quyền chỉ sống cho mình, vì mình. Áp lực của dư luận cũng như sự độc ác của miệng lưỡi thế gian đã chia lìa họ. Nhưng tình yêu thì vẫn sống, giọt lệ của họ vẫn trong trẻo và đẹp vẹn toàn như thế.

\* \* \*

- Thưa bác tuần sau giỗ bà ngoại con, con xin phép nghỉ một ngày đưa mẹ về quê được không ạ, bản hợp đồng mới con sẽ hện ký với đối tác trước khi về.

- Ừ, không sao đâu, cháu cứ lo việc đi, phần hợp đồng có thể bàn giao lại cho phó thư ký là được rồi.

- Dạ, cháu cảm ơn bác, cháu xin phép ạ!

Từ ngày Linh làm thư ký cho ông dường như công việc có vẻ ngăn nắp và trật tự hơn. Cô bé khá lanh lẹ, lại rất lễ phép và biết lấy lòng đối tác nên gần như sau mỗi bản hợp đồng thì những chàng trai trẻ thường hỏi ông về cô thư ký xinh đẹp, sắc sảo này.

- Kia mẹ, mẹ đến đây làm gì ạ?

- Trưa con không về ăn cơm, tối mẹ chờ cũng chưa thấy con về, mẹ đoán tối nay con lại làm trễ nên đem cơm tới cho con. Thôi con ăn rồi làm việc đi, mẹ đi qua mấy bà bạn chơi, rồi tí mẹ qua về với con luôn.

- Ôi, đã tám giờ rồi, con xin lỗi, con bận quá!

Nhìn bóng mẹ khuất dần trên con phố tấp nập người qua lại, lòng cô lại thấy nhói đau. Phòng giám đốc thấy vẫn sáng đèn, cô đoán ông vẫn còn ở lại vì dạo này hợp đồng và công việc rất nhiều nên ông thường về trễ. Nghĩ vậy cô cầm hộp cơm lên phòng.

- Bác chưa về ạ?

- À bác đang làm giờ chút việc, cháu cũng chưa về mà.

- Bác ăn tối chưa ạ?

- Tám giờ rồi đấy, chắc tí bác làm xong rồi đi ăn luôn.

- Vậy bác ăn cùng cháu nhé. Mẹ cháu mới mang cơm lên cho cháu, nhiều quá cháu ăn một mình cũng không hết.



Nói rồi cô dọn ra lấy đĩa và bát. Ông hơi tò mò về những món ăn, những vị này đã lâu lắm ông mới được ăn lại, những món ăn rất bình thường nhưng người nấu rất khéo, có những vị khác với ngoài quán ăn, hay trong nhà hàng.

- Mẹ cháu nấu ăn ngon lắm đấy bác, bác ăn thử món thịt kho tàu này đi, mẹ cháu thường nói bố cháu thích nhất là món này đấy.

- Gia đình cháu thật hạnh phúc!

- Dạ, gia đình cháu rất hạnh phúc nếu... mà thôi, bác ăn nhiều đi ạ. Tối nay bác cháu mình còn phải làm việc nữa mà.

Đã lâu lắm ông mới được ăn một bữa vừa miệng như thế. Cảm giác ấm áp này trong ông cũng đã lâu lắm ông mới có lại.

Nhìn đồng hồ đã mười hai giờ, ông rời khỏi bàn làm việc của mình, định rằng sẽ lái xe dạo đâu đó rồi về nhà. Ông ghé sang phòng thư ký thì thấy cô bé đã ngủ gục trên mớ giấy tờ, ông mỉm cười, cởi chiếc áo vét khoác

cho cô bé. Nhìn nghiêng khuôn mặt hao gầy của cô bé có những nét thật quen thuộc với ông. Đưa tay định tắt chiếc đèn bàn, ông sững người trước tấm ảnh để bàn của cô bé. Cô bé đang choàng tay ôm một người phụ nữ đã đứng tuổi. Không lẽ ông nhầm? Ông nhìn soi kỹ khuôn mặt người phụ nữ, ông lặng lẽ vuốt ve khung ảnh ấy, ông quay lại nhìn cô bé, nước mắt chực trào ra khỏi khóe mắt cay cay... chẳng lẽ...

\* \* \*

Ông như một chàng thanh niên hồi hộp đến thăm nhà người yêu lần đầu tiên, về ngoài ông thần nhiên như không có chuyện gì nhưng trong ông là những xáo trộn rất lớn.

- Mẹ ơi, mẹ xem ai đến chơi nhà mình này! Vừa về đến nhà là cô đã reo ầm lên như một đứa trẻ được quà.

Mẹ cô từ trong bếp đi ra, bà vừa đi vừa tháo chiếc tạp dề, bỗng bà đứng lại, tim ngừng đập chỉ thấy máu rần rần chảy trong huyết quản...

Trước mặt bà... bà không thể tin được...

- Pho... o...ong...

Bà ngập ngừng thốt ra từng lời, bà tưởng như là mình đang mơ, một giấc mơ bà không muốn tỉnh lại...

- Phong.

- Là anh đây!

Bà chạy đến bên ông, ông mở rộng vòng tay ôm bà, nước mắt lăn dài. Chỉ có Linh là đứng sững đờ đẫn ngỡ ngàng. Như nhớ ra điều gì, bà đẩy ông ra và quay lại Linh vẫy con:

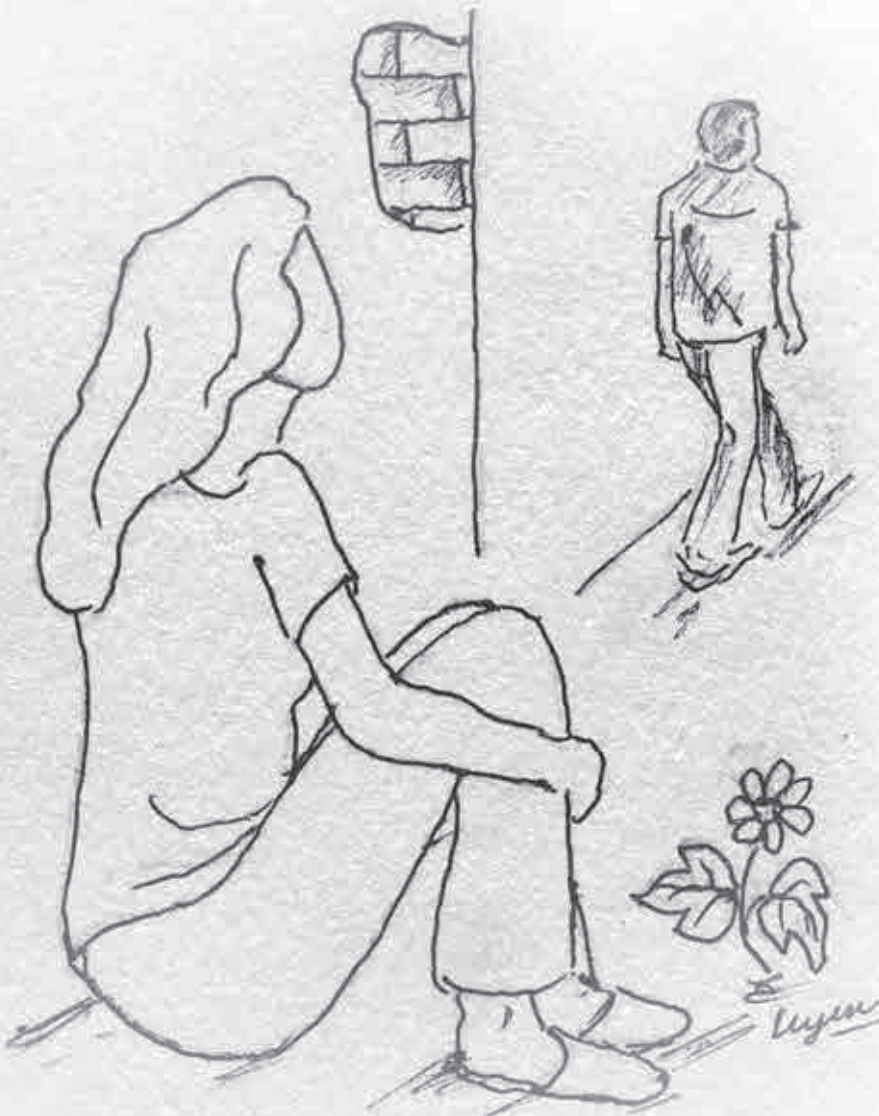
- Con... con ơi, ba ... con về rồi này! Ba con.

Như chút bụi vương trong bầu không còn quá nhiều, nước mắt cô chảy trào ra ướt gò má hồng,

- Là... là ba thật hả mẹ?

Cô chạy đến ôm chầm lấy ông. Cái ôm nồng ấm như gầy guộc đi trong tiếng chuông gió lạnh canh, con gió lại về thoáng qua như cũng đủ để chiếc chuông rung lên những nhịp đập vồn vã.

Câu chuyện cổ tích của họ lại khép lại với sự hài lòng của bao người. Đơn giản thế đấy, những người yêu nhau sẽ lại trở về bên nhau, để con gió hong khô những giọt lệ của chiếc chuông gió bé nhỏ kia. Một ngọn gió hồng se sắt trái tim chuông! ■





# Hoa sim

ĐẠI NGUYỄN

Mỗi khi hạ về, đất trời hanh hao, trên khắp những ngọn đồi, đỉnh núi, sườn rừng lại lốm chốm những cánh hoa tím mỏng manh. Đó là hoa sim, loài hoa hoang dại màu tím nhạt. Sắc tím của sim tím cả vùng trời khi rừng hoa nở rộ. Sắc tím thủy chung bao mùa chẳng phai. Sắc tím vẫn rực rỡ dù mỗi mùa mưa qua đất đồi thêm tro sỏi đá. Khi nắng hè oi ả làm mọi loài khô héo thì kỳ lạ thay màu tím hoa sim lại càng đậm sắc. Cứ như thế, hoa sim ẩn mình thấp thoáng nơi chân quê mà chỉ có ai đã từng gắn bó với miền trung du mới biết để lòng dâng nỗi nhớ lúc tha phương.

Không còn gì khắc nghiệt hơn khi môi trường sống của loài sim là đất cồn sỏi đá. Ở đâu sim cũng nảy nở và sinh sôi, cây không kén đất, và đất dù nghèo vẫn chất chiu bao bọc lấy những bụi cây còi cọc. Những chiếc rễ sẵn sù miệt mài đâm sâu, len lỏi theo từng kẽ đất, phiến đá; thân cành hốc hác khô gãy đi chỉ để cho duy

nhất cánh hoa tươi sắc. Không hề e ấp, không hề thẹn thùng, những cánh hoa nhỏ giản dị phơi mình trong nắng và cười đùa trong gió phơn mùa hạ. Có lẽ ít loài cây nào lại có sức sống mãnh liệt và dẻo dai đến vậy. Có lẽ cây cũng giống như người, cần mẫn và chịu đựng bao nỗi vất vả để tồn tại, để vươn lên.

Trong ký ức của tôi, núi đồi ngày xưa có hình ảnh những cánh rừng sim bạt ngàn. Ba mùa, màu lá sim hòa lẫn vào màu xanh của cỏ cây, đến mùa xuân, lá sim xanh non mướt mát báo hiệu mùa sim đang đến. Khi những chiếc lá càng dày và mướt, nụ hoa bắt đầu lớn dần và hé lộ những chấm tím đầu tiên thì đó cũng là thời gian bọn trẻ làng háo hức nghỉ hè trong tiếng ve râm rạn mời gọi và mặc cho cánh phượng hồng lặng lẽ đếm những buổi học cuối năm. Hoa sim ngày ấy với chúng tôi không có ý nghĩa gì nhiều. Cái được quan tâm hơn cả là mùa sim chín với những trái sim căng mọng và ngọt lịm làm dịu bớt cái cồn cào bụng trẻ. Có lẽ vậy. Với tuổi thơ, màu tím cũng như bao màu





khác, đơn giản chỉ là màu. Trong rừng sim tràn ngập hoa ngày ấy đàn bò say sưa gặm cỏ và những tiếng nô đùa vẫn vang đều. Nhìn cánh hoa xinh xắn, bọn trẻ thì thầm với nhau, sao sim lâu có trái vậy?

Khi tắm thắm màu tím trên đồi thưa dần cũng là lúc sim bắt đầu ra quả. Màu hoa là màu thủy chung vẫn phải kết thúc đời mình để dâng quả ngọt. Dưới nắng hè oi bức, lúa quả sim bé tí lặng lẽ lớn dần. Đất đồi lúc này cháy khô vì thiếu nước, cây cỏ héo úa, cả rừng sim cũng gục đầu khể khể trước cái nóng ban trưa. Sim lớn lên sau vài lần mưa trái mùa. Rồi sim cũng đã lớn và già đi khi đất trời vào cuối hạ. Sim phơi mình trong nắng gió mùa hạ, ngấm sương mai và tắm mình trong làn nước mưa trái mùa rồi cũng to tròn và dần chuyển từ màu xanh sang tím đen. Sim bắt đầu chín bói.

Mùa sim! Đó là mùa vui con trẻ. Lũ trẻ chúng tôi ngày ấy mỗi buổi sớm chần bò thường dạo thăm ngọn đồi để tìm những trái sim ngọt ngọt chát chát. Khi sim chín rộ, trẻ tụ tập rủ nhau lên rừng thu hoạch sim. Đó là những chuyến đi dài, có khi lên tận núi cao và ngủ lại trong rừng. Người lớn ai rảnh rỗi cũng đi hái sim. Thường thì mọi người đi thành từng đoàn và khởi hành lên núi lúc giữa buổi chiều để sáng sớm ngày hôm sau hái đến chiều lại xuống núi trở về. Người lớn hái sim chăm chỉ có khi được cả gánh nặng trĩu, bọn trẻ chúng tôi vừa hái vừa rong chơi nên cũng chỉ được vài rổ. Những chuyến đi về người làng tôi mang đầy ắp những giỏ sim. Đến phiên chợ, những người phụ nữ mang sim ra chợ bán từng lon để đổi lấy bữa cơm cho cả nhà. Dù sim chẳng mang lại bao nhiêu tiền nhưng đó là niềm vui khó tả với trẻ thơ, đặc biệt là mỗi khi bán sim mẹ mua quà vật.

Bao mùa sim qua, bao mùa trẻ làng lên rừng hái sim. Sau này khi chúng tôi lớn lên, những chuyến vượt núi tìm sim như thế cũng ít dần. Sim lúc đó đã không còn nhiều như trước. Đồi sim không còn nguyên vẹn khi

những cánh rừng keo, bạch đàn mọc lên và lan rộng khắp nơi. Không còn đất sống, sim chỉ còn là hình ảnh mờ nhạt trong tâm trí của con người. Những hình ảnh ấy ngày càng hao mòn đi trước bụi thời gian, cũng giống như miền đất rừng đồi bạc màu làm hao mòn bao nhiêu mảnh đời lam lũ. Mùa hoa tím cả trời hạ, bướm ong bay lượn đua chen giữa rừng sim, bọn trẻ giành nhau những trái sim đầu mùa, những rổ sim chia nhau lúc đói lòng, ... những ký ức ấy dần lùi xa mãi. Người ta không còn gắn bó với loài cây dại này khi nó chẳng mang lại lợi ích gì ngoài làm dịu cơn đói của đám con nít chần bò.

Một lần về nhà lại muốn được lên rừng hái sim cùng lũ bạn. Nhìn đi nhìn lại cũng chẳng thấy còn ai ở lại. Người đi cả rồi tôi một mình tìm lại quả đồi ngày xưa. Sắc hoa vẫn vậy, vẫn tím đến nao lòng nhưng buồn thay những bụi sim bây giờ đã cô đơn trơ trọi. Vài gốc sim lẻ tẻ lay mình trong gió chiều, vẫn ra hoa và kết trái nhưng ở đó không còn đứa trẻ nào chạy nhảy nô đùa. Sắc tím bỗng như nhạt đi ít nhiều. Có lẽ không có gì có thể đậm đà khi người vô tâm, tình người nhạt đi.

Chiều hoang đồi tím! Bao nhiêu suy nghĩ hiện lên. Nhớ về một lời một bài hát nhắc đến loài hoa này "những đồi hoa sim ôi những đồi hoa sim tím chiều hoang biển biệt...". Tôi nhớ về chuyện tình của chàng trai và cô gái gắn với hoa sim. Ngẫm về cuộc đời và lòng chung thủy, tôi nghĩ ngay đến cha và mẹ và tình cảm sắt son; thứ tình cảm giúp chúng tôi nên người và giờ tôi lại khao khát tìm một sự thủy chung như vậy. Tôi bước giữa rừng chiều, một mình lắng nghe hơi thở hỗn hển của chính mình. Đó là một cảm giác quen thuộc, quen thuộc như mới hôm qua. Mùa hoa nở và sắc tím lên ngôi, một khoảng trời nhỏ bé nơi này vẫn có một loài hoa kiêu hãnh khoe sắc. Mặc cho dòng đời chảy mãi, mặc cho bao nhiêu nghịch cảnh, loài sim vẫn còn mãi trong một nơi gọi là vùng trời ký ức... ■





# Lan man cùng ...hoa dại

THẢO NGUYỄN

**T**rong muôn ngàn sắc hoa màu lá đất trời ban tặng cho nhân gian, bên cạnh những loài hoa cỏ có bàn tay con người trong việc thuần chủng, lai tạo... không thể quên những loài hoa dại, nguyên sơ vẻ đẹp thuần khiết và hương sắc tự nhiên. Để rồi, vào một lúc bất chợt của bước chân rộn rã đời thường, bất chợt một khoảnh khắc trong ngày, ta có thể bắt gặp đâu đó một triển lau trắng bên sông, một vạt cỏ may đong đưa cánh chuồn chuồn trong chiều hoàng hôn, hay tinh khôi những cánh hoa trinh nữ tím tím còn đọng sương mai, những vạt hoa xuyên chi làm xao xuyên lòng người... Lại thấy man mác nhớ thương về thời thơ ấu, với những trò chơi con trẻ và một nỗi niềm quê khắc khoải đến da diết, ngọt ngào...

Lũ trẻ con chúng tôi ngày ấy giờ đây đã hơn bốn mươi tuổi đầu, mỗi đứa một phương chân trời góc bể trên hành trình mưu sinh với nghề nghiệp và hoàn cảnh khác nhau; nhưng khi có dịp gặp lại vài ba đứa bạn cũ, những câu chuyện tuổi thơ lại tràn về không dứt với những kỷ niệm ngọt ngào nơi đồng đất quê nhà. Cũng có lúc í ới nhau qua điện thoại, "chat" trên mạng... mà thì thầm với nhau về đủ thứ chuyện của cuộc sống. Nhưng lạ thay, đằng sau những tâm tư ấy, lắm lúc nhớ về... hoa dại mà đau đáu nhớ quận thất trong lòng. Quy luật liên tưởng luôn hiện hữu ... hoa dại khi có người bắt gặp một chậu hoa tự trồng trong khoảng sân hẹp ở phố vốn nhà cửa san sát nhau, hay đi siêu thị hiện đại mua khóm hoa nhựa về trang trí nhà cửa... rồi a-lô cho nhau nói vui rằng: hoa dại đó nhưng chỉ là phần "xác" mà thôi, còn





phần “hồn” phải tìm về đúng chất nguyên sơ của nó, đó là được sinh ra và lớn lên tự nhiên vốn có giữa đồng đất quê nhà như ngày xưa. Mọi lý lẽ đều có thể chấp nhận vậy, song cố tạo ra chút hương vị hoa dại như chốn quê thì không dễ gì...

Có một loài hoa dại mọc nhiều ở những triền đồi, triền núi khiến tôi nhớ đồng quê thời thơ ấu với những buổi chiều dong trâu dong bò trên những cánh đồng bạt ngàn cỏ dại. Đó là những bụi hoa mua loang tím trời chiều. Cái tên hoa mua nghe ngổ ngợ, khi tuổi thơ với đám con gái là trò chơi buôn bán bằng đủ sắc hoa. Câu cửa miệng thời trẻ con vui vui rằng “*Hoa mua ai bán mà mua*” lại thảng thốt trong lòng. Hoa mua làm nhớ đến hoa sim “*tím cả chiều hoang viễn biệt*” vốn là bạn của hoa mua trên những triền núi, triền đồi. Cũng là màu tím ấy, nhưng màu tím của hoa mua trong veo, còn màu tím của hoa sim trên những vùng đất khô cằn lại đậm đà sắc thủy chung như lời nhắn của ai đó, rằng quê nhà thao thiết là chốn quay về và có còn nhớ lời thề xưa... Vẫn là các loại hoa dại thường nở nhiều trong hai mùa hè và xuân nên vào những dịp này, lũ trẻ chúng tôi ngày ấy cứ thơ thẩn đi tìm hút mật hoa cùng với đàn bướm, đàn ong đồng nội. Rồi cũng tới ngày hoa kết trái rồi chín, chúng tôi tha hồ đi tìm hái nào đủ thứ như trái dứa, chuối rừng...

Nói đến hoa dại thì không thể quên loài hoa xấu hổ. Cái tên dân gian quen thuộc ấy có lẽ xuất phát từ động thái xếp lá của cây để ngủ ngày khi có ai đó chạm vào, hoặc khi đêm về thì mọi cánh lá lại tấp tể rủ xuống như có hiệu lệnh về thời gian. Mà cũng lạ, hoa tím tím trong veo li ti từng cánh mỏng, cuối cánh hoa ấy lại được điểm tô bằng những chấm trắng tinh khôi, xếp lại xoay tròn như quả bóng trông rất đẹp mắt; và lúc này thì không thể gọi là hoa “xấu hổ” nữa mà được đổi sang một cái tên “kiêu hãnh” hơn nhiều: hoa trinh nữ. Hoa trinh nữ hay cây xấu hổ mọc nhiều ở những bờ bãi ven đường ven sông hay trên những bờ cỏ chạy dọc theo những thửa ruộng ngoài đồng nội. Dù nắng dù mưa, hay qua những trận lụt hoặc những tháng ngày khô hạn, kỳ lạ thay loài hoa dại này vẫn không lụi tàn;

ngược lại, hoa vẫn sống dai dẳng với sức sống mãnh liệt so với nhiều loài hoa cỏ khác. Dù ở bất cứ đâu, lúc nào, hoa xấu hổ vẫn giữ sự e ấp, thẹn thùng, kín đáo với màu tím hồng phơn phớt trên những nhụy hoa mỏng, gợi cho ta một cảm xúc nhẹ nhàng, thư thái, tinh khôi.

Cả một thế giới của loài hoa cỏ dại như níu kéo, ám ảnh trong ta về những ngày xưa xa ngái mà hình như ai cũng thấy “*rất gần*” khi khẽ chạm vào miền ký ức lung linh. Bên cạnh dứa, sim, mua, bên cạnh “*nàng*” xấu hổ thì còn có loài hoa cỏ may để Nguyễn Bình nhắc nhở “*một chiều gió cả bóm đầy áo em.*” Bao giờ cũng thế, cỏ may cứ lặng lẽ nằm ven bờ mương, bờ đê, hoa nở từng vạt, nghiêng ngả, tím tím ngút mắt trên cánh đồng xa. Nhớ kỷ niệm thuở nhỏ, chẳng mấy ai không “*vất vả*” ngồi nhặt những gai cỏ may bóm đầy gấu quần khi đi trên những đoạn đường quê khi đến lớp, hay buổi tan trường về theo những con đường đầy những khóm hoa xuyên chi cánh trắng tinh điểm nhụy vàng với hương thơm ngào ngạt; giữa nắng gió đất trời, những bông hoa xuyên chi bé nhỏ bao giờ cũng tươi tắn, trong sáng và thanh nhã yên bình trên con đường. Để rồi có lời chàng trai phải kể về: “*Em thách cưới một vòng hoa xuyên chi/ Để tôi suốt trưa, mãi mê khắp triền đồi lộng gió*” như lời tự tình về một tình yêu chân thành, giản dị...

Khẽ chạm vào miền không gian đầy hoa cỏ dại đồng nội, còn có biết bao loài hoa có tên khác nữa, tất cả đều mang vẻ đẹp thuần khiết, dần dần, lặng lẽ bốn mùa hồi sinh và tô vẽ cho bức họa đồng quê với bao hương sắc trong veo giữa trời xanh, mây trắng, nắng vàng chốn quê nhà. Ngần ấy thôi, ngần ấy những nét vẽ và sắc màu tạo hóa ban cho những loài hoa dại cũng đã níu kéo biết bao tâm hồn tha phương cứ ngóng trông về với nơi mình sinh ra và lớn lên như câu thơ của Nguyễn Duy “*tuổi thơ tôi bắt ngát cánh đồng*”. Có những người sinh ra ở làng, bước chân hành trình mưu sinh nơi phố thị, đã có lúc nhận ra rằng, trong tất cả cái ồn ào náo nhiệt ấy, lại luôn cồn cào khát cháy nhớ về những miền hoa cỏ dại ngày xưa. Và như một sự níu kéo vương vấn cho những bước chân tìm về, í ới gọi nhau rằng và gửi cho nhau những bức ảnh đẹp về hoa dại kiếm tìm trên mạng, chia sẻ vào trang facebook cá nhân... Lại có người rời quê ra phố, quá nhớ nhung đồng quê và hoa dại, rồi cũng thử trồng vài loài hoa dại ngay tại phố thị. Không hiểu cây có giận gì không mà không sống được dù chăm sóc kỹ lưỡng. Thì ra, loài loài hoa dại ấy chỉ có thể sống cùng bờ bãi giữa không gian đất trời thoáng đãng, để hít thở tươi nguyên khí trời...

Lan man cùng hoa dại và tôi chợt nghĩ: mỗi con người đều có một khoảng trời riêng để mơ ước và khao khát, đều có một góc nhỏ trong tâm hồn để ra đi và trở về. Như những loài hoa cỏ dại kỳ diệu và huyền bí, là những “*chứng nhân*” của biết bao người luôn hướng về quê nhà yêu dấu... ■

# Lời cảm ơn cuộc sống

Tôi làm nghề mộc, nhà ở Rạch Giá, phải qua Hà Tiên - cách nhà 90km - làm thuê cho một xưởng mộc. Tôi thường qua lại trên con đường này bằng xe gắn máy. Hôm ấy tôi về Rạch Giá, đem theo máy thứ đồ nghề cần “tút” lại. Tôi máng giỏ áo quần chỗ đầu xe; sau yên xe là bọc đựng đồ nghề; tất cả đều được cài niết cẩn thận. Nhưng không hiểu sao khi đến Hòn Đất, cái bọc văng xuống đất. Nhờ một người đàn ông chạy xe sau tôi phóng nhanh tới cho tôi biết. Tôi hốt hoảng “đạ” chỗ không kịp cảm ơn ông ta, lật đật quay xe trở lui nhặt nó rồi chạy tiếp về Rạch Giá.

Nhưng kìa, bên lề đường, trước mắt tôi, lối nhỏ máy chủ cảnh sát giao thông, có cả cái ông vừa nhắc bảo tôi, tôi nhận ra ông qua màu áo ông mặc, chứ không thể nhận diện.

Một nỗi gì trong lòng tôi vừa dấy lên. Tôi dừng xe ngay đấy, nhìn ông ta và máy chủ cảnh sát giao thông rồi nói thật hồn nhiên: “Tha cho ông đi, máy chủ ơi! Ông chạy nhanh để kịp báo cho tôi biết cái bọc này của tôi bị rớt - tôi chỉ vào cái bọc - sợ người đi đường lượm mất, nào phải ông là người chạy quá tốc độ. Tội nghiệp ông mà máy chủ”.

Thấy ông ta bình thân chấp hành lệnh phạt gần bạc triệu, tôi đau thắt cả ruột. Nghĩ rằng vì lợi ích của tôi mà ông bị mất của, tôi lục túi, lấy hết tiền của mình, xin góp phụ vào chỗ tiền nộp phạt. Tôi năn nỉ cách mấy, ông cũng không chịu nhận. Biết làm sao bây giờ. Tôi thành thật viết chuyện của mình lên báo VHPC để tỏ lòng cảm ơn sâu sắc đến ông ấy đồng thời nói lời nhận xét riêng tư: Khi thấy hai chúng tôi “đôi co tiền bạc” và nghe điều chúng tôi giải bày, phải chỉ máy chủ cảnh sát giao thông du di đôi chút thì cuộc đời này dễ thương dễ chịu biết mấy; tình đời, tình người vì thế được nhân lên gấp bội.

**Trương Hy, đường Nguyễn Trung Trực, TP.Rạch Giá**

Năm 2002, sau khi hoàn tất chương trình trung học phổ thông mà không vào được đại học, tôi lên Sài Gòn kiếm sống với quyết tâm tìm phương tiện học tiếp. Ban đầu ba má tôi không đồng ý nhưng cuối cùng cũng chấp nhận và cho tôi địa chỉ một người quen của má tôi để liên lạc. Chỗ ấy gần một ngôi chùa sư nữ.

Tôi phải ra tận bến xe Ba Tri mới mua được vé xe về thành phố. Ngồi cạnh tôi trên xe đò là một người trung niên khoảng gần bốn mươi tuổi quê ở Ba Tri. Thấy tôi còn nhỏ mà đi một mình, chú ấy hỏi thăm cặn kẽ. Trong chuyến đi, chú ấy cảnh giác tôi nhiều điều về cuộc sống ở thành phố. Đến lúc ấy, tôi mới biết là mình đã có một quyết định táo bạo. Tôi lắng nghe những lời dặn bảo của chú, có khác hơn những điều dạy dỗ của ba má tôi, vì thực tế hơn và cũng thời sự hơn. Tuy vậy, tôi vẫn tự tin. Khi xuống xe, chú ấy dẫn tôi đến chỗ có tổ xe ôm tự quản, chọn cho tôi một người chạy xe ôm đúng tuổi, dặn đò ông xe ôm đưa tôi đến nơi theo địa chỉ, và chú ấy giành trả tiền xe ôm giúp tôi.

Từ khi lên Sài Gòn, tôi cũng may mắn gặp được sự giúp đỡ của nhiều người. Qua ngôi chùa gần nhà người quen của má tôi, tôi thường tìm đến các ngôi chùa khác để nhờ trợ giúp; mặt khác, tôi cũng thường xuyên dành thời gian rảnh rỗi của mình để phụ giúp những công việc của chùa và một vài hoạt động từ thiện do các chùa tổ chức. Nhờ tôi chịu khó, sẵn sàng làm mọi công việc trong tầm tay, không nề hà thù lao nhiều ít, lại được sự giúp đỡ của nhiều người, lần lần tôi ổn định được cuộc sống tự lập ở Sài Gòn và sắp xếp được thời gian đi học lại ở một trường đại học tư, ngành kế toán.

Năm nay tôi vừa hoàn tất học trình đại học của mình. Lúc cầm tấm bằng đại học trên tay, tôi nhớ đến người mà tôi đã gặp trên chuyến xe về Sài Gòn lần đầu tiên, nhớ đến những lời dặn dò và sự giúp đỡ của chú ấy. Có thể, nếu không nghe được những điều chú cảnh giác, tôi đã không đứng vững được giữa cuộc sống đầy cám dỗ ở Sài Gòn. Xin gửi lòng biết ơn của tôi đến tất cả những nhân duyên mà tôi gặp được trong cuộc sống, đặc biệt là đến vị hành khách có tấm lòng Bỏ-tát tôi đã gặp trong lần đầu tiên về Sài Gòn.

**Huỳnh Nguyễn Ngọc, Bình Thạnh, TP.HCM**





**DIỆU TƯỢNG AM**  
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



Khuyến mãi từ **10-30%** các sản phẩm (30/04-30/05-2013)

TƯỢNG GỖ VẼ ĐẠI LOẠN



CHUỐI LƯƠNG GIỚI NHẬT BẠCH



TRÀ THIỀN NGHỆ THUẬT

**DIỆU TƯỢNG AM**  
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

212 Ba Tháng Hai P.12, Q.10  
ĐT: (08) 38 604 913  
[www.dieutuongam.com](http://www.dieutuongam.com)

**Đang phát hành**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

**VĂN HÓA**  
PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2 năm 2012**  
từ số 156 đến số 167  
giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ	2010 (2 tập): 380.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ	2011 (2 tập): 420.000VNĐ
2012 (2 tập): 420.000VNĐ	

## THÔNG BÁO

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, doanh nhân và độc giả trong và ngoài nước. Tham gia đọc, viết, cổ động phát hành báo, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động từ thiện, quảng bá các sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, công ty, nhà hàng chay, quán chay, cửa hàng... trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Tạp chí được phát hành vào ngày 1 và 15 hàng tháng trên toàn quốc và nước ngoài.

### 1- Giá báo phát hành:

- Trọn năm 2013: **580.000đ** (đã CK 5%)  
- 6 tháng đầu năm: **304.000đ**  
- 6 tháng cuối năm: **304.000đ**

### 2- Giá đăng quảng cáo và viết PR:

- Trang bìa 4: 10.000.000đ  
- Trang bìa 3: 6.000.000đ  
- 1/2 trang bìa 3: 3.000.000đ  
- Trang ruột 4 màu: 5.000.000đ  
- 1/4 trang ruột 4 màu: 1.000.000đ  
- 1/8 trang ruột 4 màu: 500.000đ

Đăng quảng cáo dài hạn sẽ có giá ưu đãi và nếu được yêu cầu, chúng tôi sẽ giúp việc thiết kế mẫu quảng cáo và viết bài, chụp ảnh.

Thời gian giao nhận file quảng cáo: ngày 7 và 22 trong tháng.

### Vui lòng liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí VHPG, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM. Điện thoại (84-8) 3 8484 335 – 0907164066 – 0918032040 – 0913810082.  
Email: [vanhoaphatgiao@vnn.vn](mailto:vanhoaphatgiao@vnn.vn)


Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**





Mây  
vẫn  
bay  
và  
bướm  
xuân  
vẫn  
tỏa

Nước  
vẫn  
chảy  
để  
mỏi  
lớn  
mầm  
xanh

 **Sân Mây**  
CAFE

Sân Mây Cafe: 224A-B Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3. ĐT: 08.3932.2266

Sân Mây Nhà hàng Chay: 252/43 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10. ĐT: 08.3507.1828



- Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
- Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (green Agate)
- Gỗ hóa Ngọc (Fossil Wood)
- Ngọc Bích Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới (Nephrite Jade)

□ **Chuyên:**  
chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật  
chế tác chạm khắc từ đá quý - đá bán quý

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:

\* Showroom 2: 288 A3 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3 (đối diện chùa Vĩnh Nghiêm).  
ĐT: 08 62704225

\* Showroom 1: Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng số 6  
364 Cộng Hòa, P.13, Q. Tân Bình. ĐT: 08 22464269

\* VP. COASTAL GROUP: 86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q. Tân Bình,  
Tel: 08 22450996-62967372. Hotline: 0909 799806 (Mr. Duy Pham)

\* COATLALGEMS Tầng 3, Trung tâm Thương mại Pico Plaza, 20 Cộng Hòa, Q. Tân Bình  
Tel: 08 224 651 69

Website bán hàng online:

[www.daphongthuy.com.vn](http://www.daphongthuy.com.vn)      [www.coastalgems.com.vn](http://www.coastalgems.com.vn)

(Cắt mẫu quảng cáo này đem đến showroom chúng tôi, quý khách sẽ được tặng thẻ VIP  
CARD giảm 8% khi mua hàng)



## Cty TNHH TM XD XNK NGÔI NHÀ ĐẸP

Tọa lạc tại 68/100 đường Đồng Nai, P.15, Q.10, TP.HCM  
SHOWROOM NHADEP TOTO tại 253 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phú, Q.7

- **Chuyên cung cấp:** Thiết bị vệ sinh và trang trí nội thất với mẫu mã đẹp, sang trọng, tốt.
- **Đặc biệt hỗ trợ tối đa đối với:** Chùa, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất và các anh, chị Phật tử.

□ **Xin vui lòng liên hệ:**

**Ms. Thúy** (Pd. Nguyễn Trúc) - 0903 962 646

**Ms. Hồng** - 0163 4898 903 - 3771 9772

**SGPK**  
Phu Kim Gifts & Jewellery

**CTY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM**  
MST: 0306 705 462  
**LÊ THỊ PHÚ DIỄM**  
Mobile: 094.696.7466  
Email: [sugonphukim@gmail.com](mailto:sugonphukim@gmail.com)

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp sỉ và lẻ  
Chất liệu: kim loại, pvc, poly, nhũ, xoóc và silicon cao su  
Sản phẩm: móc khóa, quà lưu niệm và đồ trang sức thời trang,  
quà tặng phát giỡn các loại, ...

ĐC: 378-8Thới Ngọc Hầu, P.Phú Thạnh, Q. Tân Phú.  
Tel: (+84-8)3880.9766 Fax: (+84-8)3973.9069  
[www.wangwungifts.com](http://www.wangwungifts.com) - [www.sgpk360.com](http://www.sgpk360.com)





## VÒNG TAY NHÂN ÁI

Nhân Lễ tưởng niệm Tổ khai sơn Hiến Lâm Sơn vào ngày 17-4 năm Quý Ty (26-5-2013), Thượng tọa Thích Huệ Ninh, trụ trì và Phật tử bốn tự đã trao tặng 250 phần quà (gồm: 10 kg gạo, 1 thùng mì, 2 chai nước tương và phong bao 100.000đ) cho bà con nghèo và cho các cháu khuyết tật ở TP. Biên Hòa và trong tỉnh Đồng Nai.

Đặc biệt có 150 bà con nghèo đã được mời đến dự tiệc chay trước khi nhận quà.



### CÁC KHÓA THIỀN VIPASSANA 10 NGÀY

Do Thiền sư S.N. Goenka và các Thiền sư phụ tá giảng dạy theo truyền thống của ngài Sayagyi U Ba Khin

Tại TỈNH XÁ NGỌC THÀNH – TP. HỒ CHÍ MINH

37/12 đường 41, khu phố 6, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
(Được chấp thuận tổ chức theo CV số 133/TGCP-HTQT ngày 27/02/2013 của Ban Tôn giáo Chính phủ)

- ❑ Khóa II: Từ 17/7 đến 28/7/2013 (ÂL: 10/6 - 21/6 Quý Ty)
- ❑ Khóa III: Từ 7/8 đến 18/8/2013 (ÂL: 1/7 - 12/7 Quý Ty)
- Nhận đơn ghi danh từ 17/6/2013 đến khi đủ chỗ

Nhận đơn ghi danh qua e-mail: [dhammavinnu.ghidanh@gmail.com](mailto:dhammavinnu.ghidanh@gmail.com)

Nhận đơn trực tiếp hoặc bưu điện: **Tỉnh xá Ngọc Thành**

(Cô Liên, theo địa chỉ đã ghi trên)

Điện thoại liên hệ: **0906 509 483** (Ban ghi danh)

**0904 593 477** (Cô Hiền)

**0919 015 453** (Anh Sơn)

- ★ Để xem thông báo, tải đơn ghi danh & đọc các tài liệu quan trọng.  
Xin vào trang web:

<https://vipassana.vn>

<https://sites.google.com/site/vnvipassana/dhammavinnu>

<https://sites.google.com/site/vnvipassana/ghidanhvn>

- ★ Ngoài ra, các khóa thiền Vipassana cũng được tổ chức tại Hà Nội.

Xin xem thông báo tại trang web:

<https://sites.google.com/site/vnvipassana/ucenlist>



**DHARMA GARDEN**  
website: [www.phapuyen.com](http://www.phapuyen.com) - email: [lienhe@phapuyen.com](mailto:lienhe@phapuyen.com)



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: [nhasach@phapuyen.com](mailto:nhasach@phapuyen.com)

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: [quanchay@phapuyen.com](mailto:quanchay@phapuyen.com)

1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM  
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956

2 72/1B. Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM  
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM  
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,  
quả lưu niệm, pháp phục tặng ni cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng  
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



### CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Công ty TNHH SX-TM

**QUANG NGHỆ**

QUANG NGHỆ CO., LTD.  
NÉN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm  
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

**Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

**Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước**

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: [quangnghecandle@yahoo.com.vn](mailto:quangnghecandle@yahoo.com.vn)

Website: [www.quangnghecandle.com](http://www.quangnghecandle.com)



**Âm Tử Sa**  
Việt Phú Quốc Thế



Thương hiệu Âm Tử Sa và Trà đặc sản Việt Nam

- VINCOM CENTER: 72 LÊ THÁNH TÔN, Q.1, TP.HCM - Gian 28 B3.
- PARKSON HÙNG VƯƠNG: 126 HÙNG VƯƠNG, Q.5, TP.HCM - Lầu 3 Citimart.
- MAXIMARK CỘNG HÒA: 17 CỘNG HÒA, Q. TÂN BÌNH, TP.HCM - Tiến sánh.
- SHOWROOM: 75 Nguyễn Văn Giai, Q.1, TP.HCM.
- SHOWROOM: 491 D3 NƠI TRANG LONG, P.13, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM.

0903 848 147 - 090 281 42 77

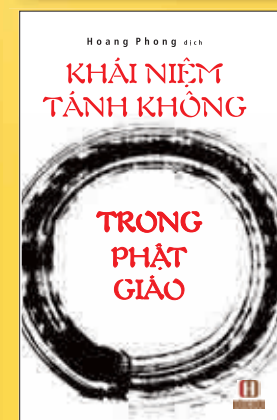
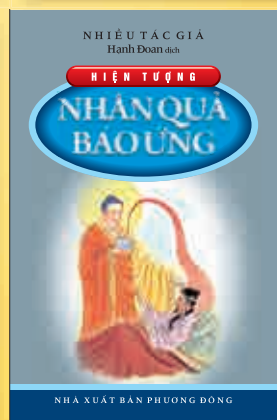
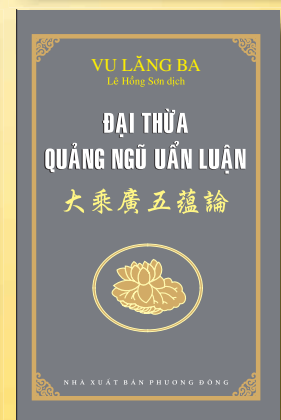
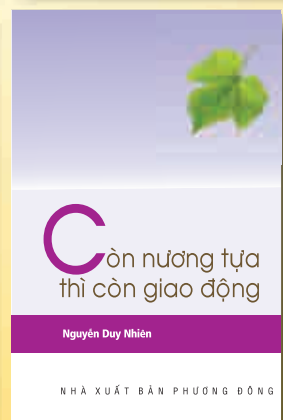
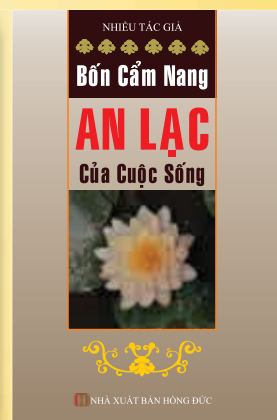
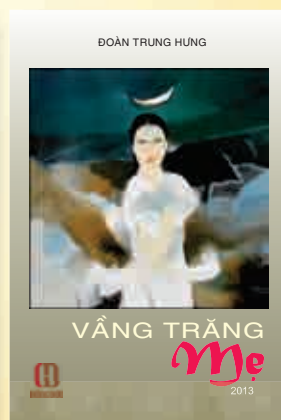
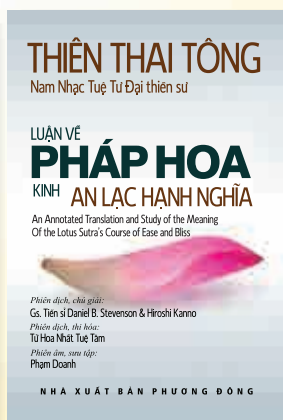
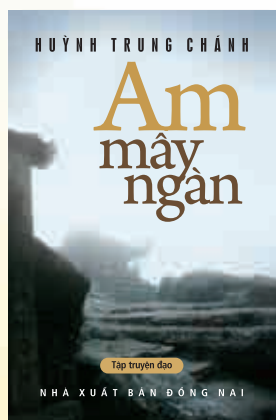
[www.amtusa.vn](http://www.amtusa.vn)





# NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

**Số mới: 411 Hoàng Sa – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM**  
**(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P. 8 – Q. 3 – TP.HCM)**  
**Tel: 08.38482028**



## CHI NHÁNH QUẬN 9

**Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106**

**Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.**



Đón đọc

# VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Số 180

Phát hành ngày 1 - 7 - 2013

## CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

### HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo  
Bổ Đê Tâm  
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa  
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình  
Hà Nội  
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân  
74 Quán Sứ, Hà Nội  
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1  
Chuyên viên Phòng Tổng hợp  
Trường Đại học Kiến trúc  
Km 10, đường Nguyễn Trãi,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội  
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân  
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2  
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,  
Hà Đông - Hà Nội  
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân  
ĐT: 0938 071 188

### QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước  
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm  
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QĐ  
ĐT: 0917 703 325

### THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tỷ  
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức  
182 Phan Bội Châu, TP. Huế  
ĐT: 0905 168 411

### ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,  
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,  
chùa Phổ Đà  
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm  
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)  
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã  
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 05113565021  
(Chị Ty)

### QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành  
Văn hóa phẩm Phật giáo  
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi  
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211  
(chị Linh)

### BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng  
Phòng phát hành Hiến Nam  
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn  
ĐT: 0935 272 261

### Anh Hùng

Thư quán chùa Long Khánh  
141 Trần Cao Văn, TP. Quy Nhơn  
ĐT: 0987 219 374

### KHÁNH HÒA

Chị Hương,  
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn  
số 20 đường 23 tháng 10,  
TP. Nha Trang  
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

### NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,  
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,  
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

### DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,  
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,  
TP. Buôn Ma Thuột  
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

### LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ  
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt  
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ  
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc  
ĐT: 0169 8287 177  
(Cô Hương)

### BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang  
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu  
Bà Rịa-Vũng Tàu  
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên  
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,  
Bà Rịa Vũng Tàu  
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

### SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu  
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng  
ĐT: 0907 465 073

### CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành  
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,  
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,  
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,  
TP. Cần Thơ  
ĐT: 0918800707 - 07103827685

### TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm  
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,  
TP. Mỹ Tho  
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.636

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt  
TP. Mỹ Tho  
ĐT: 0733.877.054

### VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường  
135B đường 2 tháng 9, P.1  
thị xã Vĩnh Long  
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654  
(Chú Tư Nở)

### TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3  
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách  
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG